

Số 282

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Một vàng
tuế nguyệt*

Tr. 56

**Giai điệu
mùa thu**

Tr. 46

**Thăm
chùa vắng**

Tr. 24

PP-R



HDPE



uPVC



ỐNG NHỰA HOA SEN ĐƯỢC SẢN XUẤT TRÊN DÂY CHUYỀN HIỆN ĐẠI CỦA CHÂU ÂU



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



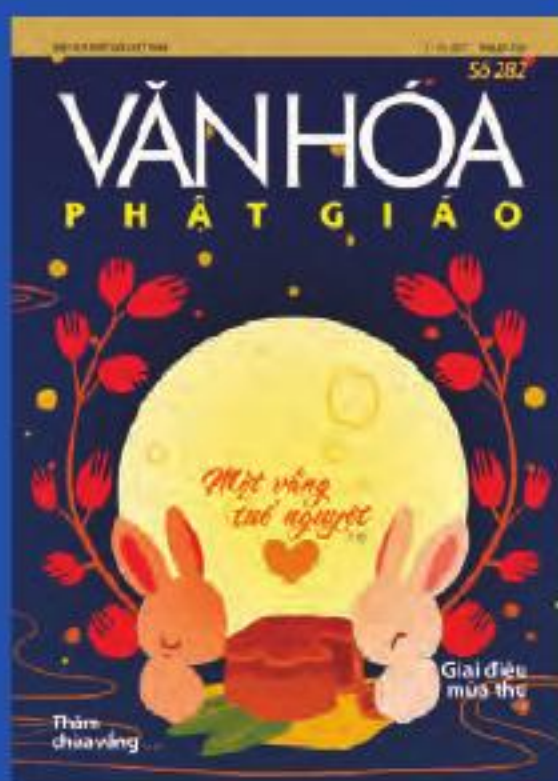
CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515

www.hoasengroup.vn

<http://tieulun.hopto.org>



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trì sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Nghi về phẩm giá chốn quan trường (Nguyễn Cẩn)	4
Tinh thần thiền trong Vô Môn Quan (Trịnh Đình Hỷ)	7
Bùi gia Huấn hài, sách giáo khoa đậm nét nhân văn (Tôn Thất Thọ)	12
Khách trọ trần gian (Hiếu Ngọc)	14
Tất cả pháp đều là Phật pháp (Nguyễn Thế Đăng)	18
Tông Thiên Thai Thiền giáo Liên hữu hội theo dòng lịch sử (Thích Thiện Nhơn)	20
Hương sen (Đỗ Hồng Ngọc)	23
Thăm chùa vắng (Cao Huy Hóa)	24
Tản mạn sau mùa Vu-lan (Trương Hoàng Minh)	26
Tản mạn về "rao" (Lê Hải Đăng)	28
Làm người tốt (Hồ Anh Thái)	30
Chỗ nào dính bùn đất, chỗ đó thường chân thật (Nguyễn Hàng Tĩnh)	32
Đặt tên đường để tri ân danh nhân thế giới (Trần Thái Học)	34
Sự nhẫn nại (An Viên)	35
Trâu kéo nhơn tình (Trần Bảo Định)	36
Về Quảng Ngãi văn cảnh chùa Thiên Ấn (Phạm Tuấn)	39
Hoài cổ chợ Bình Phước (Trà Kim Long)	40
Tết Trung thu thời nghèo khó (Nguyễn Thị Loan)	42
Cua đồng mùa gặt (Mai Hoàng)	44
Nhớ mùa thu Hà Nội (Nguyễn Long)	45
Giai điệu mùa thu (Phan Nam)	46
Thằng cà na (Nguyễn Hoàng Duy)	48
Thơ (Thanh Pháp, Tịnh Bình, Lê Hào, Phạm Ánh, Kim Hoa, Trà Kim Long, Trường Khánh, Cát Tường)	50
Đừng phơi áo mỏng... (Bùi Quang Dũng)	52
Chậu tùng hôm nay... (Trọng Văn)	55
Một vầng tuế nguyệt (Nguyễn Hiếu Tín)	56

Bìa 1: Trung thu. Nguồn: pinterest.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số này tiếp tục đăng một vài bài viết về Trung thu, về mùa thu... là những bài mà các tác giả cảm nhận trong mùa Vu-lan vừa qua. Đây là những bài tùy bút, ký sự tản văn, tạp văn... thể hiện những kỷ niệm xưa cũ mà mỗi người chúng ta đều vương vấn ít nhiều.

Chúng tôi cũng rất mừng là việc phát hành báo tại Huế, sau những nỗ lực điều chỉnh của Tòa soạn và với sự giúp đỡ tận tình của một số thân hữu, đặc biệt là của cư sĩ Tâm Ấn Nguyễn Văn Thịnh, đã được tiến hành đều đặn và có khả năng phát triển.

Tiếp tục điều chỉnh việc phát hành báo tại TP.HCM và một số địa bàn trên toàn quốc, chúng tôi đã bàn luận và lập kế hoạch trong phiên họp vừa qua của Tòa soạn. Nếu kế hoạch này được thực hiện tốt thì việc phát hành báo sẽ dễ dàng, rộng rãi; và việc thanh toán tiền báo sẽ nhanh gọn.

Chúng tôi mong mọi tất cả những cố gắng của chúng tôi sẽ được độc giả và các điểm phát hành tiếp tục ủng hộ như lâu nay.

Ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





**Này Cunda, hãy Thiền định, chớ có
phóng dật, chớ có hối tiếc về sau.
(Kinh Đoạn giảm, số 8,
Trung Bộ kinh)**



Nghĩ về phạm giá

chốn quan trường

NGUYỄN CẦN

Vì sao đại án?

Những ngày gần đây, báo chí và các trang mạng dành một dung lượng khá lớn cho những đại án, cụ thể là vụ Oceanbank mà cho đến nay vẫn chưa có mức án cuối cùng.

Trước đó, trong phần luận tội, đại diện Viện Kiểm sát kết luận tổng số tiền Oceanbank đã chi lãi ngoài hợp đồng cho các khách hàng gửi tiền là 1.576 tỷ đồng.

Theo kết quả điều tra, trong số tiền này có hơn 246 tỷ đồng được chi cho bị cáo Nguyễn Xuân Sơn và bị Sơn chiếm đoạt, đã cấu thành tội "Tham ô tài sản" và "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Do vậy, hậu quả thiệt hại do hành vi cố ý làm trái của Hà Văn Thắm và các đồng phạm gây ra còn hơn 1.329 tỷ đồng.

Theo Viện Kiểm sát, 34 bị cáo là giám đốc chi nhánh, trưởng phòng giao dịch của Oceanbank đã nhận thức rõ việc chi lãi ngoài là trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Thắm và các bị cáo khác tại Hội sở, gây thiệt hại lớn cho Oceanbank. Các luật sư thì nhắc đến việc cơ quan điều tra đã không xử lý hình sự đối với 227 người là các giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng của Oceanbank - những người cũng đã chi tiền lãi ngoài với những số tiền từ 100 triệu đến vài tỷ đồng, nhưng vẫn được "miễn trách nhiệm hình sự để ổn định tình hình".

Nhưng đại án này cũng chưa làm người dân phải bàng hoàng cho bằng việc VN Pharma đưa thuốc "giả" trị ung thư vào hệ thống bệnh viện. Theo báo cáo, 9.300 hộp

thuốc H-Capita 500mg Caplet đã được VN Pharma nhập khẩu vào Việt Nam từ ngày 11.4.2014. Tại phiên tòa sơ thẩm vừa kết thúc hôm 25-8-2017 vừa qua, các bị cáo đã khai chi tiền "lót tay" cho bác sĩ ở các bệnh viện với số tiền lên đến 7,5 tỷ đồng để đưa thuốc này vào các bệnh viện. Ở đây có sự tranh luận về việc thuốc H-Capita có phải là thuốc giả hay không; Thứ trưởng Bộ Y tế cho biết, kết quả giám định thuốc H-Capita theo Kết luận số 31/KL-BYT ngày 22-4-2015 về việc giám định lô thuốc có nhãn mác H-Capita 500mg Caplet với các chỉ tiêu như mô tả màu sắc viên và tạp chất liên quan không đạt yêu cầu; nhưng khẳng định thuốc H-Capita theo Luật Dược 2005 không phải là thuốc giả. Nhận định về kết luận này, rất nhiều người có kiến thức trong ngành dược đã nêu quan điểm: Bộ Y tế đã cố tình bỏ qua một tài liệu quan trọng khác mà trong cáo trạng của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao đã nêu là giấy phép hoạt động tại Việt Nam của nhà nhập khẩu là Công ty Austin Hồng Kông đã hết hạn nhưng tổ thẩm định Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế) không phát hiện. Đặc biệt, Bộ Y tế còn không công bố thông tin Cục Quản lý Dược đã cấp số đăng ký lưu hành cho 7 loại thuốc và cấp phép nhập khẩu cho 3 loại thuốc đều từ hồ sơ giả đã được Cơ quan An ninh điều tra (Bộ Công an) xác định.

Ngoài ra, trong báo cáo của mình, Bộ Y tế cũng không nhắc đến hàng loạt nội dung không thống nhất trong hồ sơ đăng ký cấp phép nhập khẩu như: tên thuốc, thành phần dược tá, hạn dùng, nhiệt độ

bảo quản... nhưng vẫn được cấp phép nhập khẩu mà chính Cục Quản lý Dược đã thừa nhận những sai sót trên với Cơ quan An ninh điều tra.

Đó là chưa kể Bộ Y tế cho rằng hai tài liệu gồm giấy chứng nhận thuốc lưu hành tự do (FSC) và giấy chứng nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) làm giả quá tinh vi nên các chuyên gia về dược không phát hiện được; nhận định này của Bộ Y tế là một điều khó hiểu. Một tổ chuyên môn được lập ra để thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận nhập khẩu mà không phát hiện được tài liệu thật hay giả thì những hồ sơ giả mạo như thế được “lọt sổ” vì quá tinh vi thì thật là nguy hiểm đối với người bệnh; vì thuốc lậu, thuốc giả sẽ tràn lan. Theo Ban Tuyên giáo Trung ương thì đây là một hành vi né tránh, thiếu trách nhiệm với người dân, nhất là những bệnh nhân đang phải sử dụng thuốc của VN Pharma.

Như vậy, chuyện thật giả, đúng sai mù mờ như thế với những người có vai trò quản lý khiến người dân hoang mang, vì trình độ hay vì sự mờ ám của lương tri hay vì điều gì khác, khiến người ta không khỏi hoài nghi phẩm giá quan chức!

Phẩm giá ấy vì sao mà mai một hôm nay?

Vấn đề trên lúc này đang gây bức xúc trong dư luận. Chúng ta nhớ một chuyện trong *Cổ học tinh hoa* của cụ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc: “*Phẩm trật ông quan, phẩm giá con người*”.

Phẩm trật^{1(a)} ông quan là phẩm trật có một đời; *phận*^{1(b)} có khắc có. Phẩm giá con người là phẩm giá lưu truyền trăm đời; tự mình không cố gây dựng cho mình, thì không bao giờ có.

Sĩ quân tử^{1(c)} ta trông thấy cái giới ở ngoài giới, biết rõ cái người ở trong người, hiểu thấu đến cái vật ngoài vật ở đời, nghĩ xa đến cái thân sau thân hiện tại, thì biết đảng nào ngắn, đảng nào dài, đảng nào còn, đảng nào mất, chắc không ham mê cái này^{1(d)} mà quên bỏ cái kia^{1(e)} (Chúc Tử)

Lời bàn:

Cái phẩm giá của người ta đối với cái phẩm trật ông quan, thì cái phẩm giá người đáng tôn quý lắm. Cho nên người làm quan đã có phẩm trật ông quan mà lại có được phẩm giá con người thì mới là đáng trọng. Chớ nếu làm quan mà để cho cái danh lợi làm mất hết cái nhân cách, phẩm trật quan làm trôi mất phẩm giá người, thì danh tuy gọi là quan mà thực không bằng người bạch đinh vẫn còn giữ trọn phẩm giá. Ôi! Người làm quan chẳng nên đọc Chúc Tử, cân nhắc hai bên phẩm trật và phẩm giá mà tư tưởng hành động cho phải hay sao!

Cần nhắc lại một đoạn trong bài “Văn hóa và Phẩm giá” trước đây trên *VHPG*, “Phẩm giá (human dignity) bao hàm nhân cách (personality) như một trình độ trưởng thành mà con người cần đạt đến và giá trị nhân phẩm với tư cách làm người đòi hỏi được đối xử bình đẳng trong xã hội.

Kant được coi là cha đẻ của hệ thống chuyển đổi cơ sở của hệ thống chính trị và xã hội từ danh dự sang phẩm giá, trong đó danh dự (nếu làm quan thì Nguyễn Văn Ngọc gọi là phẩm trật) được hiểu là hệ thống có thứ bậc các giá trị xã hội, còn “phẩm giá” được hiểu là giá trị ngang bằng vốn có của mọi cá nhân. Trong triết học của Kant, nhân phẩm con người được đề cao, ông đề cao giá trị con người, ông gọi những hữu thể có lý trí là những nhân vị bởi vì bản tính con người phân biệt họ khỏi những sự vật và làm thành những cứu cánh tự thân. Phẩm giá không phụ thuộc vào sự công nhận hay địa vị xã hội của người ấy. Phẩm giá con người là bất khả xâm phạm.

Hiện nay, phải chăng do sự thiếu tu dưỡng, hay do sự lỏng lẻo trong hệ thống giám sát, sự cả nể của những người “đồng chí”, sự toa rập của “nhóm lợi ích” nên vô tình dung dưỡng cho sự nhập nhèm, sự thông đồng, coi thường luật pháp, để chủ nghĩa tư lợi làm băng hoại xã hội chúng ta dưới rất nhiều hình thức: kết vây cánh, lũng đoạn chính sách từ những trạm BOT đến các vụ việc như vừa nêu trên và chắc là sẽ còn nhiều vụ khác.

Làm sao phục hồi phẩm giá ấy?

Phẩm giá, suy cho cùng, phải xây dựng trên lương tâm hay cái thiện.

Người xưa đã nói rõ cái cao quý của phẩm giá so với phẩm trật. Giữ trọng trách mà tắc trách có khác nào tiếp tay cho cái xấu, cái ác lộng hành, sao gọi là dân chi phụ mẫu được! Immanuel Kant, và sau này Fichte đều cho rằng cái thiện tối cao là hành động hợp với lý tính, chỉ có đức hạnh là xứng đáng với hạnh phúc mà thôi, nghĩa là sống đức hạnh để có thể có được hạnh phúc. Ông viết: “Không có đạo đức thì không thể nào có thể có hạnh phúc”. Ông kêu gọi con người hãy hành động vì bốn phận đạo đức. Cũng như Kant, Fichte cho rằng cơ sở xác định giá trị đạo đức là lý tính thực tiễn, và chỉ hành vi hợp lý tính mới là hành vi đạo đức. Kế thừa nguyên tắc tôn trọng phẩm giá con người, Fichte khẳng định quyền bất khả xâm phạm thân thể, quyền sống và làm việc xứng đáng với phẩm giá làm người. Con đường tốt nhất để có thể đảm bảo được quyền tự do và phẩm giá con người là xây dựng nhà nước pháp quyền, trong đó quyền lập pháp thuộc về nhân dân và các quyền lực nhà nước độc lập với nhau².

Hồ Chủ tịch khi xưa có nói: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”. Còn nếu tự hào là người cách mạng thì phải biết tu dưỡng trọn vẹn (như cha ông ta ngày xưa gọi là “*Chính kỳ sở mệnh*”, tự mình gột rửa, vượt qua chính mình (thắng nhân), vượt qua những ham muốn thấp hèn, không bị mờ mắt vì tiền tài, danh vọng; biết giới hạn lòng tham của mình trong vòng đạo đức và luật pháp.

Phẩm giá ấy đòi hỏi người làm quan hay làm cán bộ phải sống với những điều mình tâm huyết với lý tưởng



lúc ban đầu, sống đúng và sống thực, luôn tinh tiến trong công việc, thức tỉnh trước mọi cám dỗ, trọn vẹn với xã hội (*tận kỳ sở năng thì mới toại kỳ sở nhu*). Có như thế mới lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân, kiến lập văn minh trong cộng đồng xã hội. Ngoài ra, còn phải tôi luyện ý chí trước mọi trở ngại một khi quyết định sống vì dân và cho dân, rèn luyện khả năng giải quyết công việc vì cái chung, vì lợi ích số đông...

Ngặt nỗi phẩm giá không thể hoàn thiện trong một sớm một chiều mà đòi hỏi nỗ lực từ nhiều phía, nhưng quan trọng hơn hết là cá nhân người đó, nhất là khi lại giữ những vị trí cao trong xã hội. Trước hết phải trở lại những việc cơ bản ban đầu là tu tâm dưỡng tính, phải thương yêu nhân dân. Hồ Chủ tịch nói: "Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi". Nghĩa là người lãnh đạo phải có lòng từ bi đối với chúng sanh không phân biệt kẻ oán người thân, phải đến với họ bằng tâm từ bi, tâm thương yêu chân thành và tâm thông cảm.

Quan lại xưa chịu ảnh hưởng Nho học, hiểu rằng "Bậc quân tử phải lo trước nỗi lo âu của thiên hạ, vui sau niềm vui của muôn dân" (Tiên thiên hạ chi ưu, hậu thiên hạ chi lạc _ *Luận ngữ*).

Nhà Phật nhấn mạnh nền tảng của mọi con người, trước, trong hay sau khi làm quan vẫn phải là từ bi. Trong *Thập địa kinh luận*, Bồ-tát Thiên Thân nói rằng: "Từ là đồng với nhân quả hỷ lạc; bi là đồng với nhân quả ưu khổ". Như vậy, không những phải sanh tâm hỷ lạc với chúng sanh, mà còn phải đem đến cho chúng sanh quả hỷ lạc, đó mới gọi là từ; thấy chúng sanh ưu bi khổ não không những khởi tâm thông cảm, mà còn phải tạo cho chúng sanh những quả lành khiến cho họ bớt đi sự thống khổ, đó mới gọi là bi. Nếu người lãnh đạo có từ bi sẽ yêu thương dân, không bao giờ chấp nhận nhập thuốc kém phẩm chất, thuốc giả dù món lợi mà kẻ xấu đưa ra có hấp dẫn, lớn lao thế nào chăng nữa vì ta hiểu thuốc giả *gây chết người*, khác nào sát nhân, tai họa ấy làm sao gánh nổi! Và mọi công trình, mọi đồng tiền trong ngân khố đều là của dân, do họ đóng thuế mà có, không thể ném bừa cho "cánh hẩu" của mình mà vui chơi trên nỗi đau kẻ khác. Số tiền hàng nghìn tỷ đồng mà những vụ đại án gây ra có thể dùng để giảm thuế nông nghiệp cho dân, xây cầu cho con trẻ đến trường, xây nhà thương cho đồng bào nghèo vùng núi... và bao nhiêu công trình ích lợi khác!

Để kết luận, hãy cùng đọc lại chuyện xưa, "*Trời biết, Đất biết...*" trong "Hậu Hán thư; Dương Chấn truyện".

Câu chuyện kể rằng:

Dương Chấn tự là Bá Khởi, là người huyện Hoa Âm, quận Hoàng Nông, sống vào thời Đông Hán. Ông là người vô cùng công chính liêm khiết, không mưu cầu tư lợi, là vị quan liêm khiết hiếm thấy trong lịch sử.

Trên đường Dương Chấn đến nhậm chức Đông Lai Thái thú có đi qua Xương Ấp. Lúc ấy, huyện lệnh của Xương Ấp là Vương Mật, là người mà Dương Chấn đã để bạt khi ông đang làm Thứ sử Kinh Châu. Vương Mật nghe nói Dương Chấn đi ngang qua địa phương, vì để báo đáp ân tình của Dương Chấn năm xưa đã để bạt mình nên đã đến gặp Dương Chấn.

Vương Mật có mang theo năm cân bạc trắng, đợi đến nửa đêm lấy ra để báo đáp Dương Chấn. Dương Chấn nói: "Chúng ta là bạn cũ, ta rất hiểu thái độ làm người của ông, ông cũng hiểu biết ta, vì sao lại làm thế?".

Vương Mật nói: "Bây giờ là đêm khuya khoắt vắng người, không có ai biết cả".

Dương Chấn nói: "Trời biết, Đất biết, ta biết, người biết, sao có thể nói là không ai biết được?". Vương Mật nghe xong, hổ thẹn mà rời đi.

"Làm quan vương mà tham thì mất nước, làm bề tôi mà tham thì mất mạng" là câu mà vua nhà Đường dùng để răn đe hạ thần, bề tôi không được ăn hối lộ và cũng là lời ông dùng để cảnh giới chính bản thân mình.

Bài học ấy còn nguyên giá trị hôm nay, nhất là khi chúng ta quyết tâm xây dựng một nhà nước kiến tạo và liêm chính! ■

Ghi Chú:

1. Từ 1a đến 1e giải thích theo Nguyễn Văn Ngọc.
 - 1a. Phẩm trật: bậc trên dưới của hàng quan lại tự tông cử phẩm đến chánh thất phẩm.
 - 1b. Phận: Số mệnh trời phú cho người ta tốt hay xấu.
 - 1c. Sĩ quân tử: nói người có học thức.
 - 1d. Cái này: tức chỉ quan phẩm.
 - 1e. Cái kia: tức chỉ nhân phẩm.
2. "*Ohne Sittlichkeit ist keine Glückseligkeit möglich*" (Hirschberger, Johannes, 1991, tr.370). Cũng như Kant, Fichte cho rằng chỉ những hành vi xuất phát từ bốn phận tồn tại trong lương tâm mỗi người mới là hành vi đạo đức. Và cũng chính vì thế mà mệnh lệnh tuyệt đối được ông diễn giải một cách ngắn gọn như sau: "*Hãy hành động theo lương tâm của anh!*" ("*Handle nach deinem Gewissen!*") (Hirschberger, Johannes, 1991, tr.368)... những ý tưởng của ông về một nhà nước lý tính (Vernunftsstaat) (1800) với sự phân công lao động phù hợp với năng lực tự nhiên, mỗi người đều phải có việc làm để tồn tại xứng đáng với nhân phẩm của một con người, hay vấn đề công bằng xã hội, sự điều tiết nghiêm ngặt của một nhà nước tài năng, cũng như tư tưởng của ông về một nhà nước pháp quyền (Rechtsstaat) (1812) và việc giáo dục con người ý thức về tự do, tuân thủ pháp luật, vẫn còn có giá trị đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay (Trích trong "*Sự kế thừa tư tưởng triết học đạo đức của Immanuel Kant trong triết học thực tiễn Johann Gottlieb Fichte*"; TS.Ngô Thị Mỹ Dung: Tạp chí Khoa học Xã hội, Viện KHXH vùng Nam Bộ, số 6, 2009, tr.3-8).

Tinh thần thiền trong Vô Môn Quan

TRỊNH ĐÌNH HỖ



Về tác giả, Vô Môn

Vô Môn (1183-1260) sanh tại Hàng Châu dưới đời nhà Tống. Tên đầy đủ là Vô Môn Huệ Khai, có nghĩa là “không cửa, khai mở trí huệ”. Sau khi nhận được từ thầy của mình, Nguyệt Lâm Sư Quán tại Giang Tô, một công án về chữ “Không” của Triệu Châu, ông miệt mài nghiên cứu trong 6 năm trời, quyết tâm đến nỗi thay vì nghỉ ngơi giữa những giờ thiền, ông đi lại trong hành lang và dựa đầu vào cột để đừng ngủ gật. Một hôm, nghe tiếng trống điểm giờ ăn trưa, ông bỗng nhiên chứng ngộ và viết ra một bài kệ:

Một tiếng sấm trong bầu trời quang đãng, / Tất cả các chúng sanh đều mở mắt. / Cả vũ trụ nghiêng mình đánh lễ, / Núi Tu-di nổi lên vui mừng nhảy nhót.

Ông chạy tới gặp thầy mình để báo tin mừng, thầy bảo: “Làm gì chạy như ma đuổi vậy?”. Ông hét lên một tiếng, vị thầy cũng hét lên một tiếng, ông hét lại một tiếng, rồi hai người ôm nhau mừng rỡ. Sau đó, Vô Môn làm một bài tứ cú, mỗi câu chỉ có năm chữ “vô”. “Vô vô vô vô vô, vô vô vô...”

Ông nhận được từ thầy mình sự truyền thừa ngành Dương Kỳ của dòng Lâm Tế, và được phong làm trụ trì chùa Long Tường, nhưng trong nhiều năm, đi lại từ chùa này sang chùa khác, ăn mặc rách rưới và để mọc râu tóc, làm việc đồng áng như người thường. Người ta thường gọi ông là “Huệ Khai, nhà sư thế tục”. Tính ông lập dị, nhưng luôn luôn vui vẻ, hồn nhiên và dùng mỗi chữ giản dị với một ý nghĩa sâu sắc. Khi ông được 46 tuổi, ông soạn tập Vô Môn Quan và đệ tặng nhà vua. Năm 63 tuổi, ông thành lập một ngôi chùa gần Tây Hồ, với ý định ẩn dật về tuổi già, nhưng vẫn còn nhiều người tới lui tham vấn ông, cho đến khi ông mất vào tuổi 77.

Giới thiệu Vô Môn Quan

Vô Môn có nghĩa là “không cửa”, và cũng là tên của tác giả. Quan có nghĩa là “cửa, ải, lối đi, hàng rào”.

Do đó, Vô Môn Quan thường được dịch là “cửa không cửa”, “lối đi không cửa”, “passe sans porte”, “gateless gate”, với hình ảnh đi xuyên qua một bức tường không cửa. Có người còn dịch bằng “hàng rào không cửa”, “barrière sans porte”, “gateless barrier”, bởi vì người hành giả bỗng cảm thấy bị ngăn chặn, không lối đi, không chạy đi đâu được. Nhưng thật ra, không có cửa nào đóng, và điều đó chỉ tùy thuộc ở mình phá bỏ được hàng rào, khi khám phá ra rằng thật ra không có cửa.

Tập này gồm có 48 câu truyện ngắn, gọi là “tắc” (như phép tắc), trong đó những nhân vật chính là các vị thiền sư và đệ tử của mình, và đôi khi cũng là Đức Phật, các vị đại đệ tử của Ngài và các vị Bồ-tát. Các vị thầy thường có mặt nhất là: Triệu Châu bảy lần, Nam Tuyền bốn lần, Vân Môn bốn lần, Động Sơn ba lần, Ngũ tổ Pháp Diễn ba lần.

Theo sau mỗi câu truyện là lời bình của tác giả, với giọng đùa cợt, nhiều khi phê bình sắc bén, đôi khi khiếm lễ. Gây nên “đại nghi” là một trong những phương pháp giảng dạy ông ưa thích. Cuối cùng, mỗi lời bình kết thúc bởi một bài tứ tuyệt với khoảng 16-20 chữ, giọng hài hước và châm biếm.

Phải nói rằng 48 câu truyện (hay tắc) này không theo một thứ tự luận lý nào, và cách diễn giải khó dễ cũng không đồng đều. Có những câu truyện có tiếng là không thể hiểu nổi; nhưng chúng ta phải nhớ rằng trong bản chất, chúng không phải được hiểu bằng trí thức...

Chúng ta sẽ không trở lại những câu truyện rất cổ điển và phổ biến, như ngài Ca-diếp trả lời Đức Phật bằng một nụ cười khi ngài cầm lên và xoay nhẹ một cành hoa (tắc 6), ngài Huệ Khả, đứng trên tuyết cầm bàn tay mới cắt của mình và xin Tổ Bồ-đề-đạt-ma an tâm cho mình (tắc 41), Thượng tọa Minh rượt theo Huệ Năng, bỗng nhiên chứng ngộ khi Lục tổ hỏi về khuôn mặt xưa nay của mình (tắc 23), và Huệ Năng giải thích cho hai vị sư rằng chính tâm họ động chứ không phải là phước hay gió động (tắc 29).

Về những câu truyện khác, nếu muốn duyệt lại tất cả, thì chúng tôi e rằng sẽ quá dài và phức tạp. Do đó, chúng tôi sẽ chỉ xin trình bày những câu truyện mà chúng tôi cho là tiêu biểu nhất cho tinh thần Thiền, và gom lại trong từng tiết mục.

1) Sự phủ định: “không”

Trong Vô Môn Quan, phủ định đóng một vai trò thiết yếu, như câu truyện đầu tiên (tắc 1).

“Con chó của Triệu Châu”

Một vị Tăng hỏi Triệu Châu: “Con chó cũng có Phật tánh không?”

- “Không!” (Hán: Vô; Nhật: Mu), Triệu Châu trả lời.

Vô Môn bàn về công án đó như sau:

“Tham thiền phải lọt qua cửa Tổ, điều ngộ phải dứt tuyệt

đường tâm. (...) Thử hỏi cửa Tổ là gì? Chỉ một chữ Không chính là cửa ấy, bèn gọi là “cửa không cửa” của Thiền tông vậy. Qua được cửa ấy, chẳng những thấy được *Triệu Châu* mà còn gặp các đại sư Tổ nắm tay nhau cùng đi, tâm giao thân thiết, nhìn cùng một mắt, nghe cùng một tai, há chẳng vui lắm sao? Há chẳng ai muốn qua cửa đó hay sao?

Hãy vận dụng 360 đốt xương, tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, khởi nghi vấn trong toàn thân, tham thẳng chữ Không, ngày đêm nghiền ngẫm. Chớ hiểu Không là hư vô, cũng đừng hiểu theo nghĩa có, không. Cũng như nuốt phải hòn sắt nóng, muốn khạc mà khạc chẳng ra. Hãy bỏ hết các tri giác vọng tưởng, lâu ngày thành thuần thực, tự nhiên trong ngoài thành một khối, như kẻ cầm nằm mộng chỉ mình mình hay.

Rồi bỗng nhiên bộc phát như trời long đất lở, như đoạt được thanh long đao của Quan tướng quân, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, bên bờ tử sanh mà thông dong tự tại, rong chơi nơi chốn lục đạo, tứ sanh...”

Và ông làm bài kệ như sau:

Chớ Phật tánh ư? / Để lệnh rõ ràng, / Vừa nói có không, / Chôn thân mất mạng”.

Công án này chắc hẳn là một trong những công án nổi tiếng nhất, đã giúp chứng ngộ nhiều thiền sinh và thiền sư, không phải chỉ riêng *Vô Môn*, mà còn cả *Vô Học* (1226-1286), sang Nhật với tên là *Bukko*, và *Hakuin* (1689-1768), một nhà tổ chức lớn phương pháp *koan* ở Nhật.

Cũng như lời của *Vô Môn*, dựa trên kinh nghiệm của chính mình, chữ Vô (không) tự nó cũng đủ để khởi động lên quá trình chứng ngộ.

Tiếng Hán có nhiều từ có thể dùng để phủ định: vô, như ở đây; bất (hiện nay được dùng nhiều nhất); *phi*; *biệt* (không được, đừng); *mạc* (cùng nghĩa, nhưng xưa hơn). Còn một chữ nữa thường dùng trong các kinh Phật là *không*, nhưng chữ này gồm có chữ *huyết* (nghĩa là hang, động), cũng có nghĩa là “trống không, hư vô”, do đó được dùng để dịch chữ *sunyata* (Phạn) hay *suññata* (Pali).

Chữ Hán vô gồm hình ảnh của một hàng rào trên một nhóm lửa. Ý nghĩa phủ định được diễn tả bằng cách đốt hàng rào, hủy bỏ sự ngăn cản lối đi và mở một con đường đi qua. Vị Tăng kia, sau khi đã được dạy rằng “Tất cả các chúng sanh đều có Phật tánh” tin tưởng một cách chắc chắn vào điều đó, đến khi bị vị thầy phủ định một cách mạnh bạo, làm cho ông ta chới với.

Thật ra, ý nghĩa của chữ *không* trong công án này không có gì là quan trọng. Cũng như mọi biểu tượng, chữ này không chứa đựng một sự thật nào. Vào một thời điểm khác, cùng một câu hỏi bởi một vị Tăng khác, *Triệu Châu* đã trả lời là “Có!”. Câu trả lời thật ra tùy thuộc ở người hỏi, hay đúng hơn ở phản ứng mà vị thầy muốn gây nên nơi người học trò.

Lập tức khi người học trò tìm câu trả lời, dẫn đo suy nghĩ dù chỉ là một giây giữa *không* và *có*, xem *không* là *hư vô*, hay lạc vào giữa *có* và *không có*, y đã đi sâu vào sai lầm. Cái *không* của *Triệu Châu* có thể xem như một lưỡi kiếm bắt người hành giả phải buông bỏ, bằng cách cắt đứt mọi nắm bắt bằng khái niệm.

Một thí dụ trả lời bằng phủ định cũng được diễn tả bằng tắc 33 “*Không tâm không Phật*”.

“Một vị Tăng hỏi Mã Tổ: ‘Phật là gì?’ - Không tâm không Phật, Mã Tổ trả lời”.

Sự phủ định của tắc này chỉ có thể hiểu rõ khi được đặt bên cạnh tắc 30 “*Phật tức là tâm*”:

“Đại Mai hỏi Mã Tổ: ‘Phật là gì?’ - Phật tức là tâm, vị thầy trả lời”.

Hai câu trả lời trái ngược với nhau này chứng tỏ rằng thật ra ý nghĩa của chúng không có gì quan trọng trước mắt của vị thiền sư. Mục đích chỉ là gây nên một cú sốc tâm lý nơi người học trò bằng một câu trả lời phù hợp với tình trạng tâm lý lúc đó của người ấy. Khi người ta tìm Đức Phật ở ngoài, thì vị thầy kéo trở lại vào người thầy bên trong, vào cái tâm của mình. Khi người ta níu chặt lấy cái tâm, thì vị thầy lại gieo lên nghi vấn bằng cách nện một chùy đủ mạnh để bị bắt buộc buông ra.

Ở đây, chúng tôi thấy nên kể lại đến một câu đối đáp trong *Truyền Đăng lục*, chương Mã Tổ.

“Một vị Tăng hỏi Mã Tổ: ‘Tại sao ngài lại dạy là ‘tâm chính là Phật’?’ - Đó là để dỗ dành đứa bé đang khóc, người thầy trả lời. - ‘Khi nó nín khóc rồi thì sao?’ - Tôi dạy: ‘Không tâm, không Phật.’ - ‘Nếu có người không là cái này, không là cái kia, ngài dạy sao?’ - Tôi sẽ dạy: ‘Chúng sanh cũng không’”.

Xin để các bạn suy nghĩ về sự tinh tế của những câu trả lời, và xin nhắc lại rằng trong Đại thừa, giữa tâm, Phật và chúng sanh, không có gì khác biệt (“*Tâm, Phật, chúng sanh; tam vô sai biệt*”).

Trong tắc 3, “*Ngón tay của Câu Chi*”, chữ Vô không được thốt ra, nhưng hành động là một chữ Vô vang mạnh:

“*Khi được tham vấn về Thiền, Hòa thượng Câu Chi chỉ giơ lên một ngón tay. Có một chú tiểu bắt chước thấy mình, hể ai hỏi Hòa thượng dạy Pháp yếu nào, cũng giơ một ngón tay lên. Câu Chi nghe được bèn lấy dao cắt đứt ngón tay chú tiểu. Đau quá, chú khóc ré lên, chạy trốn. Câu Chi bèn gọi lại, chú vừa quay đầu thì thấy Câu Chi giơ ngón tay lên, chú liền hốt nhiên lãnh ngộ. Khi sắp viên tịch, Câu Chi nói với Tăng chúng rằng: ‘Ta nhận được Thiên Long thấy ta chỉ có một ngón Thiền, mà cả đời dùng mãi không hết’”.*

Dĩ nhiên, sự chứng ngộ của chú tiểu chẳng liên quan gì đến ngón tay của chú, cũng không liên quan gì đến ngón tay của Câu Chi. Đó là do sự trái ngược giữa ngón tay lành lặn của vị thầy với ngón tay bị cắt của chú tiểu, đã cho phép như là một tia chớp xuyên qua đám mây dày đặc của sự ngu muội của chú. Hành động của vị thầy, giống như Mã



Tổ, có vẻ hung bạo nhưng mang lại giải thoát. Không có hành động này thì người học trò sẽ mãi mãi bám chặt vào ngón tay và sự sai lầm, cũng như “tưởng ngón tay là mặt trăng”, theo một thành ngữ quen thuộc trong đạo Phật.

2) Sự phủ định cái “không”

Câu truyện sau đây không có trong tập công án này, nhưng rất điển hình, bởi vì cho chúng ta thấy rõ ràng trong tinh thần Thiền, sự chấp chặt vào cái Không cũng phải được xả bỏ.

“Một vị Tăng tới thăm Triệu Châu và nói: ‘Tôi không mang gì theo hết’. - Hãy bỏ đi, vị thầy trả lời. - ‘Nhưng tôi không mang gì theo hết, thì phải bỏ gì?’ - Nếu ông không có gì bỏ hết, thì hãy mang về đi. Nghe thấy vậy, vị Tăng hốt nhiên chứng ngộ”.

Trong câu truyện này, vị Tăng bị thắc mắc vì đi tới tay không, ông chấp chặt vào cái không đó, cho nên câu trả lời của Triệu Châu, phủ nhận cái không đó, đã làm cho vị Tăng ý thức được rằng cái không đó không có thật.

3) Cái bẫy của nhị nguyên

Tắc 5, “Hương Nghiêm và cái cây” cho chúng ta một thí dụ về ngõ cụt của nhị nguyên:

“Hòa thượng Hương Nghiêm nói: ‘Giả sử như có một người trên cây miệng cắn vào cành, tay chân lơ lửng. Dưới cây có người hỏi: ‘Ý chỉ của Sư tổ từ phương Tây tới là gì?’. Không đáp, thì phụ lòng người hỏi. Mở miệng đáp, thì bỏ thân mất mạng. Vậy phải đối xử ra sao?’”.

Lời bình của Vô Môn chấm dứt bằng bài thơ sau:

Hương Nghiêm thật lắm chuyện, / Ác độc không ai bằng.
/ Làm vị Tăng câm miệng, / Toàn thân mất quý giương.

Dĩ nhiên, không thể có câu trả lời nào thỏa đáng. Người học trò ở vào một ngõ cụt, và đó là điều vị thầy tìm kiếm. Ngõ cụt đưa tới bởi nhị nguyên chỉ là một sự tạo dựng, một ảo tưởng giữa bao nhiêu ảo tưởng khác, mà tác giả là chính mình.

Người ta kể lại rằng có một vị Tăng tên là *Hổ Đầu*, bước ra nói: “Tôi không nói đến trường hợp người ta đã ở trên cây, nhưng xin ngài trả lời cho trong trường hợp người ta chưa ở trên cây”. *Hương Nghiêm* cất tiếng cười ha hả.

Trong tắc 43, “Gậy trúc của Thủ Sơn”, vấn đề là cách kêu gọi một đồ vật:

“Hòa thượng Thủ Sơn giơ gậy trúc lên trước chúng mà hỏi: - ‘Này các ông, nếu gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái nghịch. Vậy thì các ông gọi là gì?’”.

Khi hối thúc học trò trả lời, vị thầy đẩy học trò vào một ngõ bí: không thể dùng được ngôn từ, không thể không dùng nó được. Gọi tên một vật, tức là chấp vào tên của nó, không gọi tên nó, tức là phủ nhận sự vật. Lối thoát duy nhất là vượt qua khỏi cái nhị nguyên đó, hoặc bằng cách lên tiếng nói, hoặc bằng cách chứng tỏ rằng câu hỏi đó vô nghĩa.

4) Diễn tả không lời

Tắc 40, “Quy Sơn đá đổ tịnh bình”, diễn tả sự hiểu biết vượt qua khỏi ngôn từ trong tinh thần Thiền:

“Hòa thượng Quy Sơn trước kia ở với Bách Trượng, giữ chức điển tọa (đầu bếp). Bách Trượng sắp chọn người đến

núi Đại Quy làm trú trì, bèn mời Sơn cùng ông thủ tòa Hoa Lâm ra đối đáp trước chúng, ai nói trúng sẽ được đi. Bách Trượng đặt một tịnh bình (chai nước) dưới đất, rồi hỏi: ‘Không được gọi là tịnh bình, thì gọi là gì?’

Ông thủ tòa đáp: - ‘Không thể gọi nó là khúc cây’. Bách Trượng quay sang hỏi Sơn. Sơn liền đá đổ tịnh bình rồi quay đi. Bách Trượng cười lớn, nói: ‘Thủ tòa đã thua hòn núi rồi’. Và phái Sơn đi làm tổ khai sơn”.

Như vậy, trong khi thủ tòa Hoa Lâm còn bị sa lầy vào sự mô tả bằng lời nói, Quy Sơn đã vượt qua khỏi những dính mắc, ngôn từ, khẳng định cũng như phủ định, bằng cách chỉ thẳng vào bằng một động tác làm cho đồ vật được lập tức nhận ra không cần đo lường.

5) Sự vô lý của câu hỏi

Có một cách trả lời khác là chứng minh sự vô lý, vô nghĩa của câu hỏi, hoặc là tính chất hão huyền của sự lựa chọn giữa hai câu hỏi. Câu hỏi vô nghĩa, thì trả lời cũng vô nghĩa, có thể nói là như vậy.

Đó là trường hợp của câu chuyện bất hủ, tắc 14, “Nam Tuyền chém mèo”: “Hòa thượng Nam Tuyền, nhân Tăng chúng hai bên Đông và Tây tranh nhau một con mèo, bèn giơ con mèo lên nói: ‘Các ông nói được thì con mèo được tha, nói không được thì ta chém’. Chẳng ai biết nói sao. Nam Tuyền bèn chém con mèo”.

Buổi chiều, Triệu Châu trở về. Nam Tuyền kể lại chuyện cho Triệu Châu nghe. Triệu Châu liền cởi dép, để lên đầu mà đi ra. Nam Tuyền than: ‘Nếu lúc đó có ông, thì đã cứu được con mèo rồi!’”.

Trong câu chuyện này, những tâm hồn đa cảm chắc hẳn sẽ bị sốc vì sự tàn nhẫn của Nam Tuyền đối với con mèo: làm sao một vị Thiền sư, đệ tử của Phật, có thể giết một sinh vật để thử học trò mình? Tâm từ bi ngài để đi đâu? Dĩ nhiên, người ta cũng có thể đặt câu hỏi về sự thật của câu chuyện này. Biết đâu đó chỉ là một đồ chơi, chẳng hạn một chiếc tượng mèo bằng gỗ mà các Tăng chúng tranh giành nhau, và vị thầy sẽ phá hủy nếu họ không bênh vực được? Dù sao chăng nữa, ở đây không đặt ra vấn đề luân lý, và trong tinh thần Thiền, sự bám chặt vào luân lý cũng là một trở ngại trên con đường kiến tánh.

Ở đây các học trò cũng ở trong thế không thể lựa chọn được, có thể nói một sự lựa chọn theo kiểu nhà văn Corneille: nếu có ai lên tiếng đòi lại con mèo thuộc phía mình, hoặc van xin tha chết cho con mèo, thì cũng là sai lầm; không lên tiếng thì đưa tới kết quả như chúng ta đã thấy.

Trong công án này, chúng ta phải thấy rằng cử chỉ hài hước và kỳ quặc của Triệu Châu thật ra là một cách tránh đỡ cực kỳ khôn khéo, tài tình, như một chiêu kiếm gạt phẳng chiêu tấn công của vị thầy: câu hỏi đã vô lý, thì câu trả lời phải vô lý; có hành động điên khùng, thì phản ứng cũng điên khùng. Qua cử chỉ của mình, Triệu Châu đã chứng tỏ rằng hành động chém mèo cũng vô lý và điên khùng không kém gì hành động cởi dép và để lên đầu mà đi. Vị thầy đã công nhận chịu thua, và con mèo đáng lẽ ra đã được cứu sống...

Cũng như bài kệ tụng của Vô Môn: *Giá có Triệu Châu, / Lệnh liền đảo ngược. / Dao bị đoạt mất, / Nam Tuyền xin tha.*

Trong một câu truyện kể trong *Thung Dung lục*, tấc 91, người ta cũng tìm thấy tinh thần đó: “Một hôm, vị quan *Lục Cánh* hỏi Nam Tuyền: ‘Nếu tôi nuôi một con ngan trong một chiếc bình, rồi nó lớn lên mỗi ngày cho đến khi không ra được nữa, thì làm sao lấy nó ra được mà không đập bể chiếc bình?’ Nam Tuyền trả lời nhỏ nhẹ. ‘Ngày nay...’ rồi la to lên: ‘Con ngan đã ra khỏi rồi!’ Vị quan bỗng nhiên hoát ngộ”.

Cũng như trong câu truyện trước, đối với một câu hỏi tưởng tượng, người ta chỉ có thể đưa ra một câu trả lời tưởng tượng, và cách hay nhất để đánh tan một ảo tưởng là đối chiếu nó với một ảo tưởng khác, còn hư ảo hơn nữa. Ông đã tưởng tượng con ngan ở trong chiếc bình, thì chỉ cần tưởng tượng nó ra khỏi bình, đâu có gì là vấn đề? Nhận ra điều đó, người khách bỗng nhiên cảm thấy mình như văng ra khỏi một cơn mộng...

6) Câu trả lời kỳ quặc: một sự nhắc nhở trở về hiện tại

Trong nhiều câu truyện Thiền, những câu trả lời của các vị thầy có vẻ kỳ quặc, lãng xẹt, vô nghĩa hoặc hoàn toàn xa lạ với câu hỏi.

Trong tấc 18, “*Ba cân gai của Động Sơn*”:

“Một vị Tăng hỏi Hòa thượng Động Sơn: ‘Phật là gì?’ - ‘Ba cân gai’”.

Trong tấc 37, “*Cây bách trước sân*”:

“Một vị Tăng hỏi Triệu Châu: ‘Thế nào là ý Tổ sư từ phương Tây sang?’ - ‘Cây bách ở trước sân’”.

Trong tấc 24, “*Lìa khỏi ngôn ngữ*”:

“Một vị Tăng hỏi Phong Huệ: ‘Nói hay im đều là vụn vặt, làm sao hiểu mà không mắc?’ - ‘Nhớ mãi Giang Nam vào tháng ba, chim chá cô hót giữa trăm hoa thơm’ (Trường úc Giang Nam tam nguyệt lý, Chá cô đề xứ bách hoa hương; Giang Nam nhớ mãi ngày xuân ấm, muôn hoa lừng tiếng chá cô kêu).

Đó là câu thơ của thi hào Đỗ Phủ, cho phép vượt qua khỏi lời nói và sự im lặng, và cũng một phần nào làm lắng đọng được sự lo lắng của vị Tăng khách, qua không khí tĩnh lặng, an lành mang lại bởi câu thơ.

Các câu trả lời của các vị Thiền sư, dù có vẻ kỳ quặc, vô nghĩa thế nào chăng nữa, cũng không phải được lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Chúng nhằm chứng minh cho người nghe là không thể trả lời một cách lô gích (chỉ trói buộc vào vòng luẩn quẩn của khái niệm và ngôn ngữ), đồng thời kéo trở lại hiện tại là cái có thể đạt được tức thì (như cây bách nhìn thấy trước sân, hoặc ba cân gai mà vị thầy vừa nói tới, hoặc bài thơ mà ngài vừa nhớ lại).

Cũng như trong tấc 7, “*Triệu Châu rửa bát*”:

“Một vị Tăng hỏi Triệu Châu: ‘Tôi mới vào chùa (Tùng lâm), xin ngài chỉ dạy cho’

- ‘Ông ăn cháo chưa?’ Châu hỏi.- ‘Ăn cháo rồi.’ Tăng trả lời.- ‘Đi rửa bát đi.’ Châu nói. Vị Tăng liền tỉnh ngộ”.

Một câu truyện tương tự tả lại sự gặp gỡ giữa Triệu Châu và Lâm Tế: “Lâm Tế lúc đó đang rửa chân. Ý nghĩa của

Tổ sư đến từ phương Tây là gì?’ Triệu Châu hỏi. - ‘Ông thấy đó, tôi đang rửa chân.’ Lâm Tế trả lời. Triệu Châu tiến tới gần, tỏ vẻ lắng tai nghe. - ‘Tôi phải đổ cho ông một gáo nước dơ thứ hai mới được,’ Lâm Tế nói. Triệu Châu nghe vậy, bỏ đi”.

Như vậy, tất cả các vị Thiền sư không ngừng nhắc nhở cho học trò trở lại hiện tại, sống trọn vẹn mỗi lúc, giữ niệm (pali *sati*, sanskrit *smṛti*, Nhật *nen*), có nghĩa là “tâm trong hiện tại”. Đó chính là giữ chánh niệm (pali *samma-sati*), thuộc về Tám Chánh đạo dạy bởi Đức Phật Thích-ca.

Đối với người hành Thiền, không có gì không phải là Thiền. Không chỉ riêng cuộn gai, cây bách, bát cháo, nước rửa chân... mà ngay cả mọi sự vật trên thế giới này, núi, sông, đất, ánh mặt trời... tất cả những gì tâm nhận thức được, là Thiền.

7) Tâm bình thường là đạo

Điều này được thể hiện trong tấc 19, “*Tâm bình thường là đạo*” (Bình thường tâm thị đạo):

“Triệu Châu hỏi Nam Tuyền: - ‘Thế nào là đạo?’ - ‘Tâm bình thường là đạo,’ Tuyền đáp. - ‘Có thể tìm đến không?’ Châu hỏi. - ‘Tìm đến tức là sai,’ Tuyền nói.

- ‘Không tìm đến, làm sao biết là đạo?’ Châu hỏi. - ‘Đạo không thuộc biết hay không biết. Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu đạt được đạo bất nghi, lúc đó như thái hư, trống không rỗng tuếch, há có thể nói được phải trái sao?’ Châu nghe vậy liền đốn ngộ”.

Vô Môn làm bài kệ tụng sau đây:

Xuân có trăm hoa, thu có trăng / Hạ về gió mát, tuyết đông giăng. / Ví lòng thanh thản không lo nghĩ, / Ấy buổi đẹp trời chốn thế gian.

Không có gì có vẻ đơn giản hơn là “tâm bình thường”, giản dị, tự nhiên, thanh thản. Tuy nhiên điều đó không phải là dễ, bởi vì tâm lý con người thường hay phức tạp, cho nên phải có một sự cố gắng thực hành liên tục để làm cho nó trở thành “bình thường”. Đồng thời cũng không nên tìm kiếm nó, tại vì tìm kiếm nó, như lời của Nam Tuyền, là chất chứa thêm những ý nghĩ không cần thiết, tức là đã đi sai đường.

Đó cũng là lời dạy của vua Trần Nhân Tông, vị Tổ sáng lập ra phái Thiền Việt Nam Trúc Lâm Yên Tử (TK XIII), trong một bài thơ dài kết thúc bằng bốn câu:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, / Cơ tắc xan hề, thốn tắc miên. / Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, / Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, / Đối thì ăn đã, mệt ngủ liền. / Trong nhà của báu, thôi tìm kiếm, / Trước cảnh vô tâm, chớ hỏi Thiền).

8) Đừng dính mắc vào hình tướng, vào vẻ ngoài

Một trong những thói quen cố hữu của con người là chấp chặt vào vẻ ngoài và những đức tính tưởng tượng của một số nhân vật, nhất là những vị mà họ kính trọng nhất.

Đó là điều mà tấc 21, “*Que cứt khô của Vân Môn*” đã vạch rõ ra:

“Một vị Tăng hỏi Vân Môn: - ‘Thế nào là Phật?’ - ‘Que cứt khô,’ Vân Môn trả lời”.

Dưới mắt một tín đồ tôn giáo thần khải thì đó là một sự hủy báng, xúc phạm nặng nề đối với bề trên. Dưới mắt một Phật tử chính thống thuần thành, thì đó là một câu trả lời thô lỗ, tục tằn, bất kính. Nhưng trong *Thiền*, người ta gặp không ít những lời lẽ kỳ cục, gây sững sốt như: “Đừng có nằm mơ lớn tiếng như vậy!”, hay “Hãy súc miệng đi, nói thối quá”, hay “Cho ta chút nước để ta rửa tai” (sau khi nghe những lời không chịu nổi)...

Thật ra, ở đây cũng vậy, câu trả lời tự nó không có ý nghĩa gì. Nó chỉ nhằm lay chuyển người trước mặt, bằng cách đập tan những định kiến của người đó. Khi vị Tăng đặt ra câu hỏi, chắc hẳn trong đầu ông đã có hình ảnh của một vị Phật toàn bích, tinh khiết, thiêng liêng... thật ra là một vị Phật tưởng tượng, giả mạo mà *Vân Môn* muốn lật tẩy, muốn phá hủy, bằng cách gọi nó là một “que cứt khô”. Đó chính là ý nghĩa của câu “*gặp Phật giết Phật*”, giết cái hình tượng Phật giả mạo mà chúng ta đã tạo nên trong đầu óc và tin là có thật.

Cuộc đối thoại này cũng gợi lên một câu chuyện về *Tuệ Trung Thượng Sĩ*, là thầy của vua *Trần Nhân Tông*:

“*Một vị Tăng hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ: - ‘Thế nào là thanh tịnh Pháp thân?’ - ‘Ra vào trong bãi cứt trâu, nghiền ngẫm trong vũng đái ngựa’, Tuệ Trung trả lời.*”

Thoạt nghe thì có vẻ thô tục, lỗ mãng, nhưng thật ra đối với người đã thấy rõ bản lai diện mục của mình, thì đái, ỉa cũng bình thường và tự nhiên như ăn, uống, và một cục phân trâu cũng không dơ bẩn hay trong sạch hơn một đoá hoa sen. Trong sạch hay dơ bẩn chỉ là những sản phẩm của sự phân biệt trí thức, là những ảo tưởng gây nên bởi tâm lý con người.

Cũng như lời dạy của Lục tổ *Huệ Năng*: “*Khi trần quý khái niệm thanh tịnh và dính mắc vào nó, ta sẽ chuyển đổi thanh tịnh thành sai lầm. Sự thanh tịnh không có hình tướng, và khi ta đã ấn định một hình thức thể hiện sự thanh tịnh, thì ta đã đi ngược lại bản tánh của mình, và trở thành nô lệ của sự thanh tịnh.*”

Vài thế hệ sau, *Hoàng Bá Hy Vận* cũng tuyên bố: “*Nếu ta nhìn Đức Phật dưới vẻ thanh tịnh, giác ngộ và hoàn toàn giải thoát, và chúng sanh dưới vẻ ô nhiễm, vô minh và ngụp lặn trong luân hồi, thì ta sẽ không bao giờ tuệ giác, mặc dù sau vô số kiếp. Đó là tại chúng ta chấp chặt vào vẻ ngoài, vào hình tướng.*”

Rốt cục, khi tìm lại nguồn gốc, chúng ta thấy rằng kinh *Kim Cương*, là một trong những bài kinh căn bản của *Thiền*, đã dạy cho chúng ta nên coi chừng vẻ ngoài của sự vật và nên lìa xa nó: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng). Chúng ta cũng thấy trong kinh sự cảnh cáo không nên dính mắc vào những hình tượng cũng như những kinh kệ hướng về Đức Phật: “*Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai*” (Nếu lấy hình sắc để tìm ta, lấy âm thanh để cầu ta, thì người ấy theo tà đạo, không thể thấy được Như Lai). Và dĩ nhiên, trong kinh có một câu nổi tiếng đã gây nên đại ngộ nơi

Huệ Năng và vua *Trần Thái Tông*: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Không nên để tâm dính mắc vào ở một nơi nào).

Kết luận

Vì bị bắt buộc phải hạn chế trong 14 trên 48 tắc của tập *Vô Môn Quan*, cho nên chúng tôi ý thức rằng sự trình bày này còn nhiều thiếu sót và chưa diễn tả được hết sự phong phú của tác phẩm *Thiền* quan trọng này.

Để trình bày một cách sáng sủa và mạch lạc hơn, chúng tôi đã cố tình chia các công án ra làm nhiều đề mục khác nhau: 1) Sự phủ định: “không”, 2) Phủ định cái “không”, 3) Cái bày của nhị nguyên, 4) Diễn tả không lời, 5) Sự vô lý của câu hỏi, 6) Câu trả lời kỳ quặc: một sự nhắc nhở trở về hiện tại, 7) Tâm bình thường là đạo, 8) Đừng dính mắc vào hình tướng, vào vẻ ngoài.

Một thông điệp có thể có mặt trong nhiều câu truyện, và một câu truyện có thể chứa đựng nhiều thông điệp. Tuy nhiên, người ta cảm thấy có một sự đồng nhất sâu xa, một tinh thần luôn luôn phẳng phất đó đây. Các vị thầy, dù là *Chán Trung Hoa*, *Zen Nhật bản*, *Son Hàn quốc* hay *Thiền Việt Nam*, tất cả đều giảng dạy và đối đáp giống nhau, không có gì là khác biệt.

Tinh thần *Thiền* có thể được cảm nhận qua các công án, thẩm thía dần dần bằng trực giác, nhưng sẽ không bao giờ hiểu được bằng trí thức, khi đem ra phân tích, mổ xẻ bằng những dụng cụ lý luận và lô-gích.

Cuối cùng, người ta nhận thấy thật ra không có một chút luân lý nào trong các giai thoại, không có một ý nghĩa nào trong các từ ngữ, không có bài giảng nào trong các cử chỉ. Không có gì, ngoài ý thức về cái “không” đó, cũng như câu trả lời của *Bồ-đề-đạt-ma* khi *Lương Vô Đế* hỏi về ý nghĩa tột cùng của Thánh đế: “*Một cái ‘không’ sâu thẳm, và không có gì là thánh.*”

Tự trung, người *Thiền* sinh lúc nào cũng phải học buông xả, phá bỏ, gạt đi tất cả những thành kiến, những phân biệt, những ảo tưởng gắn liền với hình tướng, tránh những khái niệm, những ý nghĩ phê phán và đánh giá; từ chối sự lựa chọn, giữa cái này với cái kia, giữa xác định và phủ định.

Để sống một cách giản dị, tự nhiên, trong hiện tại, thanh thản và tự do khỏi mọi ràng buộc. ■

Tài liệu tham khảo

1) Jacques Brosse; *Les maîtres Zen*; Editions Albin Michel (coll. Spiritualités vivantes), Paris, 2001. 2) Thomas Cleary; *Les secrets de la méditation - Sept textes essentiels des maîtres historiques du Chan et du Zen*; Editions JC Lattès, 1998 (traduit de Minding Mind, Shambhala Publications 1995). 3) Dương Đình Hỷ (dịch giả); *Cửa Không Cửa - Vô Môn Huệ Khai*; Tủ sách Phật học Phước Quế, Arlington (USA). 4) Levering Miriam, Maryse et Shibata Masumi; *Le monde du Zen - Images, textes et enseignements*; Editions Gründ, Paris, 2007. 5) Nguyễn Nam Trân (biên dịch); *Vô Môn Quan - Chữ Vô của phương Đông*. <http://chimviet.free.fr/vannhat/namtran/vomonquan/00-Mucluc.htm>. 6) Shibata Masumi (traduction et annotations); *Passe Sans Porte (Woumen-kouan)*; Editions Traditionnelles, Paris, 1963. 7) Trần Tuấn Mẫn (dịch và chú); *Vô Môn Quan - Vô Môn Huệ Khai*; Tái bản lần 3, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1995.

Bùi gia Huấn hài

Sách giáo khoa đậm nét nhân văn

Bài & ảnh: TÔN THẤT THỌ

Bùi gia Huấn hài là tập sách của tác giả Bùi Dương Lịch (1757-1828). Ông người làng Nga Sơn, phủ Đức Thọ, trấn Nghệ An (nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), một vị danh sư và là một học giả xuất sắc trên nhiều lĩnh vực như văn học, sử học, địa lý học. Đặc biệt, ông là văn thần trải ba triều đại khác nhau, nhà Lê Trung hưng, nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn, trong lịch sử Việt Nam.

Năm 1786, thời nhà Lê, ông được bổ làm Huấn đạo phủ Lý Nhân, nhưng từ chối do đang có tang cha; sau đó, được cử bổ chức Nội hàn viện Cung phụng sứ Ngoại lang, vừa cố vấn cho vua, vừa là người thầy của hoàng tộc nhà Lê.

Năm 1789, vua Quang Trung triệu ông ra giúp việc triều chính, nhưng ông tìm cách thoái thác. Năm 1791, ông tham gia biên soạn và dịch thuật tại Viện Sùng Chính dưới quyền của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp. Ít lâu sau, ông về quê dạy học.

Năm 1805, sau khi lên ngôi ít lâu, vua Gia Long (1802-1820) cử ông làm Đốc học Nghệ An, sau đó là Phó Đốc học Quốc Tử Giám (1812). Năm sau, 1813, ông cáo quan về quê dạy học cho đến ngày qua đời.

Qua đó ta thấy cuộc đời ông gắn bó với công việc giáo dục. Trong suốt thời gian làm việc cho nhà Tây Sơn, về sau cho nhà Nguyễn, ông chỉ đảm nhận những việc làm như dịch sách kinh điển, làm đốc học, trông coi Quốc Tử Giám... Sau khi cáo quan ông cũng chỉ chuyên tâm việc dạy học. Ông đã dạy hàng ngàn người và có rất nhiều người đỗ đạt cao.

Đánh giá về ông, Nguyễn Văn Siêu (1799-1872) trong bài văn bia dựng ở nhà thờ ông đã viết rằng: “Ở Hoan Châu, nhân tài nổi tiếng xuất hiện, cùng sánh vai với các vùng trong nước. Triều đại hưng thịnh như ngày nay, nếu không có công lao đóng góp của ông thì lấy ai làm người tác thành cho lớp hậu sinh để nhà nước sẵn có mà dùng. Kẻ sĩ nối tiếp nhau thành đạt ở đất Châu Hoan này không chỉ có tình nghĩa thân thiết mà phần lớn đã trở thành những bậc danh thần, tiếp bước rạng rỡ trên các trường thi...”

Những lời đánh giá đó ít nhiều cũng đã nói lên được công lao to lớn của ông đối với quê hương Nghệ Tĩnh.

Trong các sách dạy học của ông, *Bùi gia Huấn hài* là một tác phẩm được hậu thế đánh giá cao. Sách dày hơn 800 trang với hơn 2.000 câu văn vần bốn chữ, tính chất của nó giống như những cuốn sách dạy vỡ lòng cho trẻ em ở Trung Quốc. Khi soạn *Lịch triều Hiến*

chương Loại chí, Phan Huy Chú đã nhận xét: “Sách chép đại yếu các sách tử sử và tính lý, lời gọn, ý rộng”.

Trong lời tựa ông viết:

“Tôi từng ở làng, thấy mọi nhà khi dạy trẻ thì cho chúng học thuộc lòng quyển *Thiên tự* của *Chu Hưng Tự*, cuối cùng chẳng được ích lợi gì; hoặc lấy sách *Hiếu kinh* tiểu học để thay vào, những câu lại dài ngắn không đều gây ra khó khăn cho con trẻ. Tôi cho rằng trẻ em có tính nhớ nhưng hiểu biết còn kém, nếu không đặt theo cách luật thì đọc không thuận miệng mà dễ sinh nản lòng, không hiểu rõ ý nghĩa thì nhận định sẽ không đúng. Vì vậy, tôi tóm tắt những điều cốt yếu, thì việc sinh ra trời đất, con người, tiếp đến là thứ tự các đế vương để kể lại truyền thống nước Việt, rồi đến truyền thống về đạo học, sau cùng đến các phương pháp học của trẻ con. Tôi chọn lọc những lời nói của các bậc tiền nho rồi đặt ra những câu đối nhau có vần, mỗi câu bốn chữ, gồm 2.000 câu để dạy cho lũ trẻ sơ học trong gia đình, gọi sách này là *Bùi gia Huấn hài*. Đó là muốn thuận theo tính của trẻ mà dạy dỗ chứ không phải là lối dạy vắn tắt”.

(*Lịch triều Hiến chương...*, sđd, tr.176)

Lời tựa của sách đã cho ta thấy được sự sáng tạo của ông trong vấn đề giáo dục. Ông quan tâm đến việc giáo dục từ thuở ấu thơ, ông hướng dẫn học sinh lớn làm văn, làm thơ. Ông nghiên cứu nhiều vấn đề như sử, địa, văn học, dịch thuật... và ở lĩnh vực nào ông cũng thể hiện được sự xuất sắc của mình.

Từ thực tế của nền giáo dục nước nhà thời bấy giờ, ông nhận thấy việc dạy cho trẻ em học thuộc lòng sách *Thiên tự* do người Trung Quốc biên soạn chẳng đem lại lợi ích gì cả (Nguyên văn: *Dư thường cư hương, kiến hương nhân gia huấn hài đa dụng Chu Hưng Tự 'Thiên tự' thực đọc, chung vô sở đắc*). Hoặc giả, lại thay bằng các sách như *Hiếu kinh*, *Tiểu học* cũng là những cuốn sách giáo khoa do người Trung Quốc biên soạn, mà ở các sách này câu đặt dài ngắn không đều nhau, khiến cho trẻ em rất khó học. Theo ông, trẻ em tuy có trí nhớ tốt, nhưng hiểu biết còn non kém, nếu sách giáo khoa không có vần thì đọc không thuận miệng mà dễ sinh ra nản lòng, trong sách không giải thích rõ ý nghĩa thì trẻ sẽ hiểu biết lơ mơ mà nhận định không đúng. (Nguyên văn: *vị hài hữu ký tính nhi thần thức thượng đoan, bất hạn vi cách luật tắc khẩu văn, cát hỗn nhi đãi tâm dị phạm, bất thị chỉ thú tắc tâm trí vông, tượng nhi trì thủ bất chân*).



Do đó, mục đích soạn sách *Bùi gia Huấn hải* của Bùi Dương Lịch là: *"tóm tắt những điều cốt yếu, trên từ việc sinh ra trời đất, người vật, tiếp đến thứ tự đế vương, kể rõ sự tích nước Việt ta lúc chia lúc hợp, rồi đến truyền thống về Đạo học, sau cùng đến phương pháp học của trẻ con. Tất cả các kiến thức ấy đều chọn lọc trong lời của các bậc tiên nho đã phát minh và giảng rõ... Đó là muốn thuận theo tính trẻ con mà dạy dỗ, chứ không phải là dạy theo lối tắt"*.

Tuy nói là *"tất cả các kiến thức ấy đều chọn lọc trong lời của các bậc tiên nho đã phát minh và giảng rõ"*, nhưng tác giả vẫn có phần đóng góp ý kiến của riêng mình, nhất là từ phương pháp chọn lọc kiến thức của các bậc tiên nho của ông cũng cho chúng ta thấy được khuynh hướng tư tưởng của tác giả. Điều này được thể hiện rõ trong bố cục và nội dung của cuốn sách.

Với 2.000 câu văn vần, mỗi câu 4 chữ, sách gồm các phần chính như sau:

- *Trời Đất*: các kiến thức về trời, đất, mặt trời, mặt trăng, sao, ánh sáng...; địa lý hình thể tự nhiên Trung Quốc (các châu, đầm hồ, sông núi, gò đồng, khe ngòi, đường đi lối lại, bờ biển...).

- *Người, vật*: sự hình thành nên người, nguồn gốc và tính chất của các loài vật, cây cỏ (thú, chim, cá, cây, đá...).

- *Lịch sử*: lịch sử Trung Quốc (Bắc sử) và lịch sử Việt Nam (Nam sử).

- *Truyền thống Đạo học*: khái niệm về "đạo", các bậc "thánh nhân" theo quan niệm Nho giáo.

- *Phương pháp học của trẻ em*: từ khi còn nằm trong bụng mẹ (thai giáo) cho đến khi trưởng thành.

Bên dưới mỗi phần "Bài học" là phần "Nguyên chú" của tác giả (chiếm số lượng gần 3/4 trong số hơn 400 trang sách).

Về lịch sử, trong phần "Nam sử" (Lịch sử Việt Nam), Bùi Dương Lịch chỉ trích những "hôn quân vô đạo" như Lê Ngoạ triều (nguyên: *Ngoạ triều vô đạo, thiên mệnh bất đát*); những dòng họ tiềm đoạt ngôi vua, lấn át triều chính như họ Hồ, họ Mạc, họ Trịnh... cũng bị ông lên án. Mặt khác, Bùi Dương Lịch lại đề cao các vị vua

xây dựng nên triều đại của mình từ sau những cuộc đấu tranh chống quân xâm lược như Trưng Vương, Lê Lợi. Đặc biệt, Bùi Dương Lịch rất đề cao lòng tự hào dân tộc, ông không theo bước các nhà chép sử trước kia căn cứ vào lịch sử Trung Quốc để chép về dòng dõi dân tộc chúng ta, mà khẳng định dân tộc ta là một dân tộc có nguồn gốc lâu đời, có cương giới và nền văn hiến riêng.

Mặc dù, khi làm sách giáo khoa, ông vẫn căn cứ vào sách cũ để chép ra, nhưng ông cũng nói rõ trong phần "nguyên chú" rằng: các nhà làm sử cũ chẳng nhận xét kỹ, chép bừa những sự hão huyền không có bằng cứ đáng tin cậy, nói vu làm nhục nước nhà, tội đó là không thể trốn tránh được. Tôi không có quyền làm sử, cho nên cứ theo sách cũ mà chép ra. Người cầm bút viết sử cần phải bắt đầu từ Việt Thường và để họ Đinh kế tục mới là chính đáng. (Nguyên văn: *cựu sử phát trí, vọng tải hoang đàn bất kinh chi sự, vu nhục kỳ quốc, tội bất khả hoán, dư vô sử quyền, cố thử thả y cựu, tự chi bình sử bút giả, khởi thủy vu Việt Thường thị nhi dĩ Đinh thị kế chi vị chính*).

Ở phần "Đạo học" và "Phương pháp học của trẻ con", tác giả đã truyền những kiến thức cơ bản ban đầu mà một người học trò cần phải biết, do đó đã đáp ứng được mục đích, yêu cầu của một cuốn sách giáo khoa dạy cho tuổi niên thiếu.

Ngày nay, đất nước đã có những thành tựu đáng kể về nhiều mặt, trong đó có việc giáo dục thế hệ trẻ. Song, việc khai thác và kế thừa kinh nghiệm giáo dục của cha ông qua sách vở cũng là một công việc rất đáng được các nhà giáo dục quan tâm, trong đó việc giáo dục đạo đức luôn là vấn đề cơ bản. Những kiến thức về việc *"Dạy người"* được đề cập trong các sách giáo khoa cổ cho đến hôm nay, vẫn còn mang một sức sống đáng kể để chúng ta chọn lọc và kế thừa... ■

Tài liệu tham khảo:

- Phan Huy Chú; *Lịch triều Hiến chương Loại chí*, T3; Nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.



Khách trọ trần gian

HIẾU NGỌC

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật từng buông lời tự thán:

*"Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng không gặp,
Người xây dựng nhà này¹,
Khổ thay phải tái sanh"².*

Trong nhiều văn cảnh khác thuộc Kinh tạng Pàli, khi thuyết giảng về các kinh nghiệm tu chứng đạo quả, bậc Giác ngộ nói rõ bản thân mình từng lang thang làm khách trọ trần gian trong nhiều đời kiếp:

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp,

nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây"³.

Theo quan niệm luân hồi của đạo Phật thì trừ những bậc đã giác ngộ và những vị có duyên may bước đi trên con đường giác ngộ, hết thảy chúng sinh đều phải chịu luân chuyển sinh tử trong các cảnh giới tái sinh thuộc cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, mãi mãi làm khách phiêu bạt trong nhiều cõi giới sinh diệt khác nhau, với các đời sống nổi trôi vô định, không có gì là chắc chắn và an toàn. Con người (sáu căn) và thế giới chống đỡ cho con người tồn tại (sáu trần) đều do nghiệp duyên mà có

mặt⁴, là chuyển biến, vô thường, giả hợp, không thường trú, không tồn tại mãi, không thuộc của ai, không ai làm chủ được. Giống như nhiều loại sinh vật khác, con người hiện hữu trên trái đất chỉ là khách trọ nhất thời, do nghiệp lực mà đến với thế giới này và rồi tiếp tục đi đến một cảnh giới khác tùy theo nghiệp lực tích tập, không mang theo được cái gì, vì mọi cảnh giới tái sinh đều do nghiệp tạo tác và quyết định. Kinh Phật nói như vậy:

“Chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, làm những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này”⁵.

Nghiệp lực hay còn gọi là tâm tạo tác (cetanà) quyết định thân phận hiện hữu và cảnh giới tái sanh của chúng sinh. *“Các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt, có ưu”⁶.* Câu chuyện hoàng hậu Upari tái sinh làm con bọ hung cái được nói đến trong văn học Phật giáo cho thấy cùng một dòng tâm thức trôi chảy trong một người mà hai cảnh giới hiện hữu hoàn toàn khác nhau. Tâm trước là cảnh giới của một quý bà cao quý sống trong nhung lụa nhưng tâm sau thì biến thành cảnh giới của con bọ hung cái sống trong môi trường chất thải của loài người. *Tâm sanh thì thế giới sanh, tâm diệt thì thế giới diệt.* Con bọ hung cái không còn hay biết gì đến cảnh giới cao sang mà nó từng hiện hữu. Đối với nó, không hề có thế giới loài người với những lầu đài cao sang và trăng sao lấp lánh. Nó chỉ biết môi trường chất thải cùng với con bọ hung đực bạn nó là thế giới hấp dẫn thân thương nhất của nó! Cái vọng tâm trong chúng sinh đáng thương đáng sợ là vậy.

Con người mãi hoài là khách trọ trần gian, không phải là chủ nhân của thế giới, vì con người do nghiệp mà đến với thế gian này và rồi phải ra đi, chịu sự sinh tử, không tồn tại mãi, không có quyền hành gì đối với bản thân mình⁷, không thay đổi được quy luật chuyển biến sinh diệt của hiện hữu. Rõ là không ai biết chắc mình sống được bao lâu và thế giới nào con người sẽ đi sau khi chết. Tất cả đều do nghiệp quyết định. Ấy thế, ngay chính bản thân mình còn không làm chủ được thì huống nữa là thế giới bên ngoài?

Kinh Pháp Cú khéo nhắc như vậy:

*Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sinh ưu não,*

*Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu?”⁸.*

“Tự ta, ta không có”, nghĩa là bản thân mình, thân ngũ uẩn của mỗi người, là hoàn toàn trống không, rỗng không, không thực thể, không tồn tại mãi, không phải của mình, mình không làm chủ được. Nó chỉ là một hiện tượng giả hợp do sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhóm họp lại mà thành, tồn tại nhờ ngoại duyên, chịu sự thay đổi và biến diệt, không có ai là chủ thể. Thân ngũ uẩn của mỗi người được ví như ngôi nhà khách, một ngôi nhà không có chủ, trong đó sắc (thân thể), thọ (cảm giác), tưởng (nhận biết), hành (ý chí) và thức (tri thức) do duyên mà đến và đi, tụ và tán, sanh và diệt liên tục, không có cái gì là đứng yên, chắc chắn, thường hằng, bền vững để ta có thể nương tựa hay gọi là “của tôi”. Do sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường xuyên thay đổi, chịu sự biến diệt, chúng được ví như đồng bọt nước, như bong bóng nước, như ráng mặt trời, như cây chuối không lõi cứng, như trò ảo thuật, hoàn toàn trống không, hư huyền, không thực thể, nhanh chóng tan biến⁹.

“Ví như, này các Tỳ-kheo, một nhà khách, ở đây, từ phương Đông có người đến ở. Từ phương Tây, có người đến ở. Từ phương Bắc, có người đến ở. Từ phương Nam, có người đến ở. Những người Sát-đế-lỵ đến ở, những người Bà-la-môn đến ở, những người Phệ-xá (Vessa) đến ở, những người Thủ-đà (Sudda) đến ở. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, trong cái thân này có nhiều loại thọ sai biệt khởi lên. Lạc thọ khởi lên, khổ thọ khởi lên, bất khổ bất lạc thọ khởi lên”¹⁰.

“Chư Hiền, như một khoảng trống được bao vây bởi cây gậy, bởi dây leo, bởi cỏ, bởi bùn, được biết là một nhà ở. Cũng vậy, chư Hiền, một khoảng trống được bao vây bởi xương, bởi dây gân, bởi thịt, bởi da, được biết là một sắc pháp. Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, nhưng ngoại sắc không vào trong tâm mắt, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phản thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, nếu nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tâm mắt, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phản thích hợp không có hiện khởi. Chư Hiền, chỉ khi nào nội mắt không bị hư hại, ngoại sắc vào trong tâm mắt, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp, thì thức phản thích hợp có hiện khởi. Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong sắc thủ uẩn; bất cứ cảm thọ gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thọ thủ uẩn; bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong tưởng thủ uẩn; bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành thủ uẩn; bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức thủ uẩn. Vì ấy tuệ tri như sau: “Như vậy, như người ta nói, có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp của năm thủ uẩn này. Thế Tôn đã nói như sau: “Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy

thấy được lý duyên khởi". Những pháp này do duyên khởi lên chính là năm thủ uẩn. Sự tham dục, chấp trước, tham đắm, mê say trong năm thủ uẩn này tức là khổ tập khởi; sự nhiếp phục tham dục, sự từ bỏ tham dục tức là sự khổ đoạn diệt"¹¹.

Như vậy, sắc (thân thể), thọ (cảm giác), tưởng (nhận biết), hành (ý chí) và thức (tri thức) là khách trọ của thân ngũ uẩn, là các nhân tố nhất thời tạo nên thân ngũ uẩn giả hợp; đến lượt thân ngũ uẩn của mỗi người là khách trọ trần gian. Đã là khách thì không có gì là chắc chắn, bền vững, thoải mái, an toàn, không có gì là của mình, không có gì thuộc về mình cả. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là trống không, hư huyền, không chắc thật, không phải của mình; thế giới mà mình đang sống cũng trống không, hư huyền, không chắc thật, không phải của mình. Tất cả chỉ là hiện tượng sanh và diệt do nghiệp duyên tạo nên. Tất cả chỉ là khách trọ bất như ý của nghiệp lực hay của quy luật sinh tử luân hồi.

Bậc Giác ngộ lưu nhắc cho chúng ta về muôn vàn nỗi bất hạnh khổ đau của thân kiếp làm khách trọ bị giam cầm trong các cảnh giới luân hồi:

"Ví như, này các Tỳ-kheo, một cây gậy được ném lên trên hư không, khi thì rơi trên đầu gối, khi thì rơi chạng giữa, khi thì rơi đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này"¹².

Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, chớ không phải nước trong bốn biển¹³.

Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu các Ông bị thương tích khi các Ông là bò, sanh ra làm bò trong thời gian dài, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là trâu, sanh ra làm trâu trong thời gian dài...

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông là cừu, sanh ra làm cừu trong thời gian dài...

... khi các Ông là dê, sanh ra làm dê...

... khi các Ông là nai, sanh ra làm nai...

... khi các Ông là gia cầm, sanh ra làm gia cầm...

... khi các Ông là heo, sanh ra làm heo...

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, làm kẻ trộm làng bị bắt trong thời gian dài...

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, ăn cướp đường bị bắt trong thời gian dài...

Này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do đầu bị thương tích khi các Ông làm đạo tặc, tư thông vợ người trong thời gian dài, chớ không phải là nước trong bốn biển lớn.

Vì sao? Vô thi là luân hồi, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành"¹⁴.

Nhận thức rõ số kiếp làm khách trọ lang thang vô định trong các cảnh giới tái sinh là cơ hội thức tỉnh lớn để cho con người tìm thấy lối đi ra khỏi luân hồi khổ đau. Đó chính là nhận ra sự thật khổ đau bất hạnh hàm tàng trong chính mình, trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức và mọi cảnh giới tái sinh, không một chỗ nào là tuyệt đối an toàn ở trong thế giới sinh tử luân hồi. Con người không bao giờ tìm thấy thoải mái và an lạc thật sự một khi bị trói buộc nổi trôi trong các cảnh giới luân hồi; vì ở đó không có tự do, không có an toàn, không có giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Đó hoàn toàn là thế giới mê lầm khổ đau (thuật ngữ Phật học gọi là các hành: *sankhàra*), do vô minh và tham ái tạo ra, cần phải sinh tâm nhàm chán và buông bỏ. Nhận thức rõ như thế về thân phận làm khách trọ trần gian, về sự hiện hữu bất an của mình trong thế giới luân hồi tức là có chánh kiến, có trí tuệ, có khả năng đi ra khỏi khổ đau trầm luân.

Rõ ràng, thật khó thừa nhận ý tưởng rằng sự có mặt của thân ngũ uẩn (con người) trên cuộc đời là mê lầm khổ đau, càng không dễ tiếp nhận quan niệm cho rằng sự nỗ lực nhiếp phục và buông bỏ các đam mê khoái lạc trần thế (dục ái) chính là cách thức hạn chế mê lầm và buông bỏ khổ đau. Tập quán ái ngã ái lạc che chắn mọi cơ hội thức tỉnh và giải thoát của chúng sinh, không ngừng lôi kéo chúng sinh đi từ mê lầm này đến mê lầm khác, từ khổ đau này đến khổ đau khác trong các nẻo đường sinh tử luân hồi. Thế nhưng, bậc Giác ngộ nhắc bảo cho chúng ta rằng chính thái độ thiếu hiểu biết đúng đắn về ngũ uẩn (khổ) đi đôi với tập quán ham thích mê lầm đối với các khoái cảm thế gian (dục ái = khổ tập) là nguyên nhân đưa đẩy con người trôi dạt chỗ này chỗ kia trong biển sinh tử luân hồi, mãi mãi làm khách không mời trong ngôi nhà lửa tam giới, không thoát khỏi khổ đau bởi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Kinh Pháp Cú lưu nhắc như vậy:

Đêm dài cho kẻ thức,

Đường dài cho kẻ mệt,

Luân hồi dài, kẻ ngu,

Không biết chơn diệu pháp¹⁵.

Với mục đích khai thị cho chúng sinh con đường giải thoát khổ đau, bậc Giác ngộ gợi ý với mọi người

về hai lối sống, phi Thánh cầu (*anariya-pariyesàna*) và Thánh cầu (*ariya-pariyesàna*), nói rõ sự trói buộc tinh tế của tập quán vô minh và tham ái khiến cho chúng sinh không nhận ra sự thật phiền toái của thân phận làm khách trọ trần gian, phản tướng khổ là lạc¹⁶, tiếp tục mê lầm tìm cầu thế giới khổ đau sinh tử luân hồi. Chỉ những ai nhận ra sự thật khổ đau của sự kiện tái sinh, thấy rõ sự nguy hại của sinh tử luân hồi, mới hy vọng thoát khỏi thân phận làm khách trọ trần gian, mới chấm dứt chuỗi tháng năm lang thang không hạn định trong thế giới khổ đau luân hồi:

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Này các Tỳ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sanh? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh.

Và này các Tỳ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị già? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già.

Và này các Tỳ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị bệnh? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị bệnh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh.

Và này các Tỳ-kheo, cái gì các người nói là bị chết? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị chết; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết.

Và này các Tỳ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sầu? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị sầu; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu; gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu.

Và này các Tỳ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị ô nhiễm? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỳ-kheo, những chấp thủ



ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị chết, tìm cầu cái bất tử, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, như vậy, gọi là Thánh cầu¹⁷. ■

Chú thích:

1. Chỉ cho thân ngũ uẩn gắn liền với già, bệnh, chết.
2. Kinh Pháp Cú, kệ số 153.
3. Kinh Sở hải và khiếp đảm, Trung Bộ.
4. Kinh Samiddhi, Kinh Biển hoại, Kinh Thế giới, Tương Ưng Bộ.
5. Đại kinh Sư tử hống, Trung Bộ.
6. Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung Bộ.
7. Tiểu kinh Saccaka, Trung Bộ; Kinh Năm vị, Tương Ưng Bộ.
8. Kinh Pháp Cú, kệ số 62.
9. Kinh Bọt nước, Tương Ưng Bộ.
10. Kinh Khách xá, Tương Ưng Bộ.
11. Đại kinh Ví dụ dấu chân voi, Trung Bộ.
12. Kinh Cây gậy, Tương Ưng Bộ.
13. Kinh Sữa, Tương Ưng Bộ.
14. Kinh Khoảng ba mươi, Tương Ưng Bộ.
15. Kinh Pháp Cú, kệ số 60.
16. Kinh Màngandiya, Trung Bộ.
17. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.

Tất cả pháp đều là Phật pháp

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Kinh *Kim Cương* nói:
“Phật bảo: Như vậy! Như vậy! Tu-bồ-đề!
Thật không có pháp gì Như Lai đặc Vô thượng
Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao thế? Như Lai
là nghĩa Như của tất cả các pháp.

Nếu có người nói: Như Lai đặc Vô thượng Chánh
đẳng Chánh giác thì phải biết lời ấy không chân thật.
Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gì Phật đặc Vô thượng
Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Như
Lai đặc, trong ấy không thật không hư. Thế nên Như Lai
nói: Tất cả các pháp đều là Phật pháp”.

Câu đầu tiên nói về tánh Không; câu thứ hai nói về tánh
Như. Như vậy, tánh Không và tánh Như đi cùng với nhau.
Đây là điều kinh *Đại Bát-nhã* nói, và những kinh Đại thừa
khác đều nói, như kinh *Duy-ma-cật*, kinh *Hoa Nghiêm*.
Không những tánh Không, tánh Như mà ánh sáng, như
huyền cũng đi cùng với nhau, nghĩa là Ba Thân là một.
Lục tổ Huệ Năng cũng giảng như thế trong phẩm *Sám
Hối. Đại Toàn Thiện* (Dzogchen) cũng nói ba thân là một.

Sau đây chúng ta tìm hiểu những nghĩa chính
của Như:

1 “Như Lai là nghĩa Như của tất cả
các pháp”: tất cả các pháp
đồng một nghĩa Như, và
nghĩa Như ấy cũng tức là Như Lai.

“Như Lai là không từ chỗ nào
đến, cũng không chỗ nào đi”,
Như Lai là không đến không
đi. Ở đây còn nói đến một tính
chất khác:

“Vô thượng Chánh đẳng
Chánh giác Như Lai đặc, trong
ấy không thật không hư”,
không thật không hư là không
phải hữu (có), không phải vô
(không có).

Như vậy, nghĩa Như đồng nhất với
tánh Không, như trong bài kệ mở đầu
Trung luận: chẳng sanh chẳng diệt, chẳng
thường chẳng đoạn, chẳng đến chẳng đi, chẳng một
chẳng khác. Tóm lại, Như là không sanh không diệt,
không đến không đi, không hữu không vô... và Như

Lai này phải được trực tiếp thấy, trực tiếp ngộ; nếu
không thì chỉ là những lý luận vô ích của ý thức, mà
kinh điển gọi là hý luận.

2 Như là “tất cả các pháp tánh tướng vốn thanh
tĩnh”. Đây là điều được kinh *Đại Bát-nhã* và các
kinh Đại thừa khác nói. Kinh *Kim Cương* cũng
nói sự thanh tịnh này là do lìa tướng: “Chẳng giữ lấy
tướng, như như chẳng động”.

Các pháp là nghĩa Như, nghĩa là các pháp bốn lai
thanh tịnh. Vì lý do này, ngài Long Thọ nói trong *Trung
luận* rằng sanh tử bất tịnh và Niết-bàn thanh tịnh
không có mảy may sai khác:

*Niết-bàn cùng thể gian
Không có chút sai khác
Thế gian cùng Niết-bàn
Cũng không chút sai khác.
Thật tế của Niết-bàn
Cùng với tế thế gian
Cả hai tế như vậy
Không mảy may sai khác.*

(*Quán Niết-bàn*; phẩm XXV; 19,20)

Nghĩa Như này là “thật tướng của
tất cả các pháp”: “Nếu lại có người
nghe kinh này, tín tâm thanh
tĩnh liền sanh thật tướng. Phải
biết người ấy thành tựu công
đức hy hữu đệ nhất”.

3 “Tất cả các pháp
đều là Phật pháp”.
Phật là sự hoàn hảo,
viên mãn, thanh tịnh, toàn
thiện. Tất cả các pháp đều là
Phật pháp, đều là viên mãn,
thanh tịnh, hoàn hảo, toàn thiện,
không thiếu không dư như vậy.

Kinh *Viên Giác* nói: “Tánh Giác
tròn đầy sáng suốt đã hiện ra nên hiển
bày tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì căn
trần thức thanh tịnh, sắc thanh hương vị xúc pháp cho
đến bốn đại đều thanh tịnh. Tất cả thế giới và tất cả các
pháp xuất thế gian đều thanh tịnh. Tất cả đều là thật





tướng, tánh vốn thanh tịnh, cho đến mười phương chúng sanh đều là Viên Giác thanh tịnh... Vì sao thế? Vì tất cả vốn là Giác vậy”.

Tánh Như, sự thanh tịnh, toàn thiện bốn lai của tất cả các pháp vốn có sẵn, như kinh Đại Bát-nhã nói, “Hoặc có Phật ra đời hay không, có thuyết pháp hay không thuyết pháp, pháp tánh luôn thường trụ không khác, chẳng sai chẳng mất” (Phẩm Vô tác). Tánh Như luôn luôn thường trụ trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta không thấy, vì “mắt bị bệnh nhặm, vì cái thấy sai lầm hư vọng” của chúng ta. Cho nên tu hành không phải là làm ra, tạo tác ra tánh Như ấy, mà là lột bỏ những che chướng phiền não và sở tri, sửa đổi cái nhìn thấy sai lầm hư vọng của chúng ta.

Một văn bản gốc của Đại Toàn Thiện được dịch sang tiếng Tây Tạng là *Kunjed Gyalpo* (Nguồn Tối Thượng):

Không gian toàn thể của Vajrasattva

Là chiều kích bao la của hiện hữu trong đó mọi sự luôn luôn toàn thiện

*Vì nó là con đường phổ quát hoàn hảo giải thoát tất cả
Nó vượt khỏi sanh diệt hay tư tưởng.*

*Tất cả mọi hiện tượng là thực tại tự nhiên bất biến
Hãy để cho nó là, không hành động, nó tự giải thoát.
Năm nguyên tố là Phật,*

*Phật an trụ trong bản tánh của chúng sanh chính là
tâm toàn thể và thanh tịnh.*

*Tâm ấy tỏa khắp mọi sự, biểu lộ trong hình tướng:
Không chuyển động;*

*Và an trụ trong tất cả một cách bình thản như không
gian vô biên.*

Lời dạy của Thiền về tánh Như hoàn hảo, toàn thiện có thể thấy qua những lời dạy chỉ thẳng của các Thiền sư:

Suốt hơn một tháng, Sư Văn Ích (Khai tổ tông Pháp Nhân) trình kiến giải cho Thiền sư Quế Sâm văn bị ngài bác bỏ: Phật pháp không phải thế ấy.

Sư thưa: Con đã hết lời cùng lý rồi.

Quế Sâm nói: Nếu luận Phật pháp thì tất cả hiện thành. Ngay dưới câu nói ấy, Sư đại ngộ. ■

Tông Thiên Thai Thiền giáo Liên hữu hội theo dòng lịch sử

THÍCH THIỆN NHƠN

Tông Thiên Thai Thiền Giáo Liên hữu hội, gọi tắt là tông Thiên Thai Thiền Giáo, do Tổ Huệ Đăng (1873-1953), pháp húy Thanh Kế khai sáng. Tổ thế danh Lê Quang Hòa, người huyện Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), tỉnh Bình Định, xuất gia năm 1900 với Hòa thượng Hải Hội Chánh Niệm (1834-1905), trụ trì chùa Long Hòa, Bà Rịa. Tổ thuộc Thiền phái Liễu Quán đời thứ 41. Tổ Liễu Quán húy Thật Diệu đời thứ 35 sáng lập Thiền phái và truyền thừa theo bài kệ do Tổ biệt truyền:

Thật Tế Đại Đạo
Tánh Hải Thanh Trừng
Tâm Nguyên Quảng Nhuận
Đức Bồn Từ Phong
Giới Định Phước Huệ
Thế Dụng Viên Thông
Vĩnh Siêu Trí Quả
Mật Kế Thành Công
Truyền Trì Diệu Lý
Diễn Sướng Chánh Tông
Hạnh Giải Tương Ứng
Đạt Ngộ Chơn Không.

實際大導
性海清澄
心源廣潤
德本慈風
戒定福慧
體用圓通
永超智果
密契成功
傳持妙理
演暢正宗
行解相應
達悟真空

Một vị trong hàng đệ tử Tổ Liễu Quán Thật Diệu truyền bá pháp phái Lâm Tế Liễu Quán vào miền Nam Trung Bộ là Thiền sư Tế Dương Bửu Hiếu (chùa Hội Phước, Khánh Hòa). Thiền sư Tế Dương truyền cho Đại Thông Chánh Niệm (1741-1810) (chùa Tân Long, Khánh Hòa). Thiền sư Đại Thông truyền pháp cho Đạo An Phổ Nhuận (1761-1841), Đạo Thành Như Cảnh (chùa Hội Phước và chùa Linh Sơn, Khánh Hòa). Thiền sư Đạo An truyền pháp cho Tánh Minh Trí Quang và Thiền sư Tánh Như Phổ Tế

(chùa Hội Phước, Khánh Hòa). Thiền sư Tánh Như Phổ Tế truyền pháp cho Hải Hội Chánh Niệm (1834-1905) người Phú Yên và hành đạo tại chùa Đồng Đế, Khánh Hòa; về sau vào Long Điền Đất Đỏ rồi trụ trì chùa Long Hòa, Bà Rịa. Thiền sư Hải Hội truyền pháp cho Thanh Kế Huệ Đăng (1873-1953) đời thứ 41, khai sáng Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên Hữu hội.

Để phân biệt với môn phái Thiên Thai Liễu Quán Thiền Tôn (Huế) theo dòng phái Từ Lâm Tế Chánh tông, tông Thiên Thai Thiền Giáo dùng chữ Từ Tế Thượng

Chánh tông để chỉ cho phái Thiên Thai Bà Rịa (Nam Bộ), do Tổ Huệ Đăng, chùa Thiên Thai, Bà Rịa sáng lập năm 1935.

Sau khi xuất gia năm 1900, Tổ đã ra Phú Yên học đạo với Hòa thượng Trí Hải chùa Thiên Thai Sơn Thạch và các Hòa thượng Pháp Chuyên Luật Truyền, Toàn Như Quang Đài, Hòa thượng Tánh Thông Giác Ngộ (Sơn Nhân)...

Năm 1903, Tổ được Hòa thượng Bồn sư cho thọ giới Cụ túc. Sau đó, Tổ trụ trì chùa Kiên Linh ở Hòa Long, Bà Rịa. Sang năm 1904, Tổ về trụ trì chùa Phước Linh ở Tam Phước, Bà Rịa. Kể đến Tổ



Tổ Liễu Quán

nhập hạ tại Trường hương chùa Giác Viên ở Gia Định do Hòa thượng Minh Khiêm làm Chủ hương.

Năm 1905, Hòa thượng Hải Hội viên tịch, Tổ phải kế thừa chốn Tổ Long Hòa. Sau khi cư tang xong, Tổ vào Hang Mai, núi Dinh Cô, trong đó có một chú hổ (cọp) trú ẩn. Tổ xin chú hổ cho Tổ mượn chỗ để tu hành. Chú hổ bằng lòng, Tổ dọn dẹp làm thiền thất để tu hành, gọi là "Động Thiên Thai".

Ngoài cửa, Tổ đề hai câu đối:

借石為牆，孰識老僧窮到底
以風作扇，誰知大道樂無疆

Âm:

Tá thạch vi tường, thực thức Lão Tăng cùng đáo đế;
Dĩ phong tác phiến thùy tri đại đạo lạc vô cương.

Nghĩa:

Mượn đá làm tường ai hiểu cho Lão Tăng nghèo đói;
Lấy gió làm quạt ai biết đại đạo vui vô cùng.

Đến năm 1910, Tổ phát quang, xây dựng chùa Thiên Thai như hiện nay thuộc núi Chân Tiên, xã Tam An, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và đề hai câu đối:

天出一輪慧日
胎生九品蓮花

Âm:

Thiên xuất nhất luân huệ nhật.

Thai sinh cửu phẩm Liên hoa

Nghĩa:

Trời hiện mặt trời Trí huệ.

Thai sanh chín phẩm hoa sen.

Năm 1915, Tổ được thỉnh về trụ trì chùa Bà Lang Lệ ở Cái Tàu Thượng, Sa Đéc. Năm 1918, Tổ được Hòa thượng Đào Bá Nhẫn-Từ Nhơn thỉnh làm Pháp sư Trường hương chùa Quan Âm Phật Tổ ở Cà Mau.

Năm 1920, Tổ hưởng ứng phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Lê Khánh Hòa chủ xướng như thành lập hội Lục Hòa Liên Hiệp. Năm 1931, Hòa thượng Khánh Hòa cùng quý Hòa thượng, Cư sĩ xin phép chính quyền Pháp thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, được chính quyền Pháp cho phép ngày 20/8/1931; trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn ở Sài Gòn và xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*, tập số 1 ra ngày 01/3/1932. Hội được Tổ đồng tình ủng hộ tích cực bằng cách mở Trường Phật học, Trường hương và chứng minh các Đại Giới đàn cả miền Tây Nam Bộ thuộc Tổ đình Thiên Thai.

Năm 1935, để có cơ sở hoạt động hợp pháp trong phong trào Chấn hưng Phật giáo nước nhà, Tổ cho thành lập Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên hữu hội, do Tổ làm Hội trưởng cùng quý đệ tử xuất gia, tại gia làm hội viên. Chính quyền Pháp cho phép thành lập Hội ngày 30/12/1935.

Năm 1936, Tổ cho xuất bản tạp chí *Bát Nhã Âm*, do cụ Đỗ Phước Tâm tự Minh Chánh làm Chủ nhiệm; trụ sở của Hội và Tòa soạn đặt tại Thiên Bửu Tháp (Cửu Liên Đài); tập số 1 ra ngày 15/3/1936. Tạp chí hoạt động được 07 năm (1936 - 1943) thì tạm ngưng hoạt động.

Trong quá trình hoạt động, Tổ thường xuyên gặp gỡ cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Hồ Chủ tịch và trao đổi Phật sự với Tổ Phi Lai Chí Thiền ở Châu Đốc. Qua các cuộc mạn đàm, quý cụ thường xuyên trao đổi việc cứu dân giúp nước, giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp, cho nên trước khi viên tịch (1933) Tổ Phi Lai thường dạy: *"Sau khi Ta viên tịch, các ông hãy về nương với Hòa thượng Huệ Đăng Bà Rịa, là một bậc danh tăng thạc đức, đạo hạnh sáng ngời ở miền Đông Nam Bộ"*.

Hàng đệ tử thành danh thế hệ thứ nhất của Tổ gồm có: Hòa thượng Minh Tâm, Minh Chánh, Minh Thành, Minh Tịnh, Minh Đức, Minh Nguyệt, Minh Vân...

Năm 1937, Tổ chứng minh Trường hương chùa Giác Hoàng ở Cần Thơ.

Năm 1941, Tổ trở lại Bình Định thăm quê và thành lập chùa Thiên Tôn núi Ông Đốc, xã Trinh Tường, huyện Bình Khê, Bình Định.

Năm 1943, Tổ trở lại chùa Thiên Thai ở Bà Rịa và lưu lại thời gian một năm.

Năm 1944, Tổ trở về chùa Thiên Tôn ở Bình Khê, Bình Định, sau đó chiến tranh Việt-Pháp leo thang, Cách mạng Tháng 8 bùng nổ, từ năm 1945 đến năm 1954 chùa Thiên Tôn bị phá hủy, Tổ đã lên núi Hòn Dũng xây dựng chùa Lê Sơn lánh nạn; khi chiến tranh lắng dịu, Tổ trở lại chùa Thiên Tôn ở Bình Khê, Bình Định. Vì tuổi cao sức yếu, Tổ viên tịch ngày 11/7/Quý Tỵ (1953), thọ 80 tuổi. Kim quan Tổ được nhập tháp tại chùa Thiên Tôn, Bình Khê (Tây Sơn), Bình Định. Tại Tổ đình Thiên Thai Bà Rịa, hàng môn nhơn đệ tử đã xây tháp thờ vọng để tưởng nhớ công đức Tổ sư.

Dù Tổ đã viên tịch nhưng những đệ tử của ngài thuộc môn phái Thiên Thai Thiền Giáo tông đã hòa mình cùng phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc (1976), thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981, như:

- Hòa thượng Minh Tịnh (Trừng Liên), trụ trì chùa Bửu Hương (chùa Tây Tạng) là Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Thủ Dầu Một (1945...), nay là tỉnh Bình Dương.

- Hòa thượng Minh Nguyệt (Trừng Kim), Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Chủ nhiệm Báo Giác Ngộ thuộc Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Trưởng ban Thừa kế Tổ đình Thiên Thai.

- Hòa thượng Thiện Hào (Trừng Thanh), Viện chủ chùa Xá Lợi, Thiền viện Quảng Đức, quận 3, TP.HCM, Hội trưởng Hội Lục hòa Phật tử, Tổng Thư ký rồi Hội trưởng Hội Lục Hòa Tăng và Lục Hòa Phật tử, Ủy viên đoàn Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Quốc hội khóa VI, VII, Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Á Phi, Phó Chủ tịch Thường trực Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Chứng minh Ban Thừa kế Tổ đình Thiên Thai, Chủ nhiệm Báo Giác Ngộ Thành hội Phật giáo TP.HCM.

- Hòa thượng Minh Đức (Thiện Mẫn), trụ trì chùa Thiên Tôn quận 5, TP.HCM, Giám viện Phật học viện Minh Đức chùa Thiên Tôn, Viện trưởng Viện Hoàng đạo GHPGCTVN.

- Hòa thượng Pháp Đông (Trừng Lực), trụ trì chùa Tường Quang ở An Phú Đông thuộc huyện Hóc Môn tỉnh Gia Định, Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Gia Định, Trưởng ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước huyện Hóc Môn, Ủy viên Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

- Hòa thượng Pháp Lan (Trừng Tâm), trụ trì chùa Khánh Hưng, quận 10 Sài Gòn, Giám đốc Trường Sơ Trung Phật học Lục Hòa Tăng tại chùa Khánh Hưng, Chủ tịch Lực lượng PGCM Sài Gòn Gia Định, Tổng Thư ký Tăng đoàn Liên tông Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo trong mùa Pháp nạn 1963, Vụ trưởng Hội đoàn Phật tử vụ thuộc Tổng vụ Cư sĩ GHPGVNTN, Chánh đại diện GHPGVNTN tỉnh Gia Định, Chủ tịch Tổng đoàn Thanh Niên Tăng Ni Việt Nam (GHPGVNTN), Chủ tịch Ủy ban Phật giáo Vận động phóng thích tù nhân (1968-1975), Trưởng ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước quận 3, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Phó ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự Thành hội Phật giáo TP.HCM, Ủy viên HĐTS, Thành viên HĐCM GHPGVN.

- Hòa thượng Định Quang (Tâm Chính - đệ tử Hòa thượng Hồng Phước, cầu pháp với Hòa thượng Minh Đức), trụ trì chùa Huỳnh Kim, Phó Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoàng pháp, Phó Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tài chánh Kiến thiết, Chánh đại diện GHPGVNTN tỉnh Gia Định nhiệm kỳ I, Giám viện Phật học viện Huệ Quang (Huỳnh Kim), Giám đốc trường Trung Tiểu học Bồ Đề Huệ Quang, thuộc Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN, Trưởng ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước quận 11, quận Gò Vấp, thành viên Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Phó ban Trị sự kiêm Trưởng ban Kiểm Tăng Ban Tăng sự THPG TP.HCM, Trưởng ban Thừa kế Tổ đình Thiên Thai, Thành viên HĐCM GHPGVN.

- Hòa thượng Thích Thiện Xuân (đệ tử Hòa thượng Minh Đức, y chỉ Hòa thượng Thiện Hào), Phó Tổng Thư ký Viện Hoàng đạo GHPGCTVN, Chủ tịch Tổng đoàn Thanh niên Tăng Ni (PGCTVN), Trưởng ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước huyện Bình Chánh, Ủy viên Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM, Phó Thư ký - Chánh Văn phòng THPG TP.HCM, Trưởng ban Trị sự Phật giáo quận Tân Phú, Phó ban Thường trực Ban Thừa kế Tổ đình Thiên Thai Bà Rịa - Vũng Tàu, Trụ trì chùa Hạnh Nguyên, quận Tân Phú, TP.HCM cùng quý Hòa thượng Pháp Thân (Trừng Chí) chùa Hội Linh - Cần Thơ, Hòa thượng Pháp Long (Trừng Hinh) chùa Thiên Minh ở Hóc Môn, Gia Định...

Hiện nay Tổ đình Thiên Thai là cơ sở tự viện thuộc Tỉnh hội Phật giáo Bà Rịa - Vũng Tàu. Song là chốn Tổ của các Tăng Ni, Phật tử thành viên môn phái Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên hữu hội trong lòng GHPGVN tại các địa phương.

Qua đó, các thành viên môn phái Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên hữu hội đã hòa mình vào các tổ chức thành viên sáng lập GHPGVN, quyết tâm duy trì sự đoàn kết hòa hợp đồng hành cùng dân tộc ở quá khứ, cũng như hiện tại và mãi mãi về sau trong thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo, song vẫn giữ được truyền thống, hệ phái, pháp môn tu học biệt truyền đúng Chánh pháp được duy trì và không ngừng phát triển như Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã quy định. ■



Tổ Huệ Đăng

Bị chú:

Tổ Thật Diệu Liễu Quán đời thứ 35 (là đời thứ nhất pháp phái Liễu Quán) tạm sắp xếp theo dòng phái như sau:

1. Thật Diệu Liễu Quán (đời thứ 35) = Pháp phái đời thứ 1 chùa Thiền Tôn.

2. Tế Hiệp Hải Điện (chùa Thiền Tôn)...

3. Đại Huệ Chiếu Nhiên, Đại Nghĩa Chí Hạo (đệ tử Hòa thượng Tế Ân Lương Quang, chùa Thiền Tôn, chùa Báo Quốc).

4. Đạo Minh Phổ Tịnh (chùa Báo Quốc).

5. Tánh Thiên Nhất Định (chùa Từ Hiếu, chùa Giác Hoàng).

6. Hải Thuận Lương Duyên (chùa Báo Quốc, chùa Diệu Đế).

+ Tánh Hoạt Huệ Cảnh (chùa Tường Vân).

+ Hải Toàn Linh Cơ (chùa Tường Vân, chùa Giác Hoàng).

+ Hải Thiệu Cương Kỳ (chùa Từ

Hiếu).

+ Hải Từ Tâm Chính (chùa Kim Tiên).

1. Thanh Minh Tâm Truyền (chùa Báo Quốc).

+ Thanh Chân Viên Giác (chùa Ba La Mật).

+ Thanh Thái Huệ Minh, Thanh Thái Chơn Thật (chùa Từ Hiếu).

2. Trừng Chánh Giác Tiên (chùa Trúc Lâm) đệ tử Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh.

+ Trừng Thông Tịnh Khiết (đệ tử Hòa thượng Thanh Thái Phước Chỉ) (chùa Tường Vân).

+ Trừng Thủy Giác Nhiên (đệ tử Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh, chùa Tây Thiên, chùa Thiền Tôn)

+ Trừng Nguyên Đôn Hậu (chùa Diệu Đế, chùa Linh Mục) đệ tử Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh.

+ Trừng Quang Nhất Hạnh (chùa Từ Hiếu), đệ tử Hòa thượng Thanh Quý Chân Thật.

3. Tâm Phật Thiện Siêu (chùa Từ Đàm), đệ tử Hòa thượng Trừng Thủy Giác Nhiên.

+ Tâm Như Trí Thủ (chùa Báo Quốc), đời thứ 43, Pháp phái đời thứ 9 (đệ tử Hòa thượng Trừng Thông Viên Thành chùa Tra Am). Hòa thượng Trừng Thông Viên Thành đệ tử Hòa thượng Thanh Chân Viên Giác (chùa Ba La Mật).

4. Nguyên Tánh Đức Tâm (chùa Pháp Hải), đệ tử Hòa thượng Tâm Như Trí Thủ...

"Thức ăn chưa từng có..."

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ bụng: "Sắp đến giờ thọ thực rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?"

"Các vị Bồ-tát này" dĩ nhiên là nói đến Bảo Tích và năm trăm vị vương tôn công tử, thiếu gia con nhà viên ngoại, vừa "phát tâm Bồ-đề", là những Bồ-tát tại gia tương lai, đối tượng đích của buổi "huấn luyện đặc biệt" tại cái thất trống trơn của Duy-ma-cật ở thành Tỳ-da-ly hôm đó.

Lần nào cũng vậy, cứ đến lúc mọi người đang bay bổng trên chín tầng mây với những lý luận cao vời thì Xá-lợi-phất lại kéo ngay xuống mặt đất! Một lần ông đặt câu hỏi: "Các vị Bồ-tát này rồi sẽ ngồi ở đâu?". Một câu hỏi tưởng chẳng ăn nhập gì vào chuyện lớn đang bàn luận, thế nhưng, đó là một câu hỏi vô cùng quan trọng nhằm để xác định "vai trò, vị trí" của các Bồ-tát tại gia tương lai này. "Ngồi đâu?" sẽ nói lên nhiệm vụ chính của họ. Họ sẽ trở thành các Pháp sư, là "thầy giảng pháp" để giải thoát chúng sinh, để tạo cội Phật thanh tịnh nơi Ta-bà đây ô trược. Muốn vậy, họ phải "vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai" cái đã rồi mới xứng đáng "ngồi tòa Như Lai"!

Và tức khắc Duy-ma-cật đã mang về những "tòa sư tử" nghiêm chỉnh, cao vời để họ... hì hục trèo lên không dễ chút nào!

Bây giờ, giữa lúc mọi người đang sôi nổi hào hứng bàn những chuyện "trên trời" nào Hữu lậu Vô lậu, nào Hữu vi Vô vi, nào Động nào Niệm, nào Sinh tử nào Niết-bàn... thì Xá-lợi-phất, vị đệ tử trí tuệ bậc nhất của Phật, một lần nữa lại đưa mọi người trở về "mặt đất": "Sắp đến giờ ăn rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?"

Ăn không phải là chuyện hệ trọng sao? Ngay cả Phật mà tới giờ ăn còn phải khoác y, trì bát đi bộ vài cây số vào thành khất thực, mang về đạo tràng ăn uống dọn dẹp đâu đó rồi mới rửa chân lên ngồi... nhập định trước khi thuyết giảng Kim Cang cho Tu-bồ-đề và thính chúng đó sao?

Mỗi khi gặp một vị Phật, sau khi cung kính đánh lễ, thì câu chào hỏi đầu tiên bao giờ cũng là: "Việc ăn uống thức ngủ của Ngài ra sao? Ngài ít bệnh ít náo chăng? Khí lực được an ổn chăng?" (Pháp Hoa). Nghĩa là luôn luôn thăm hỏi một vị Phật về những "nhu cầu tồn tại" của cuộc sống (physical needs): hít thở, ăn uống, ngủ nghỉ, bệnh đau, phiền não... Những chuyện đó mà tầm thường ư?

Dĩ nhiên câu hỏi của Xá-lợi-phất "Sắp đến giờ thọ thực rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?" mang một ý nghĩa khác: các vị Bồ-tát tại gia tương lai này sẽ được nuôi dưỡng bằng "thức ăn" gì đây để có thể trưởng dưỡng tâm Bồ-đề mà thực hiện tốt các hoạt động của một vị Bồ-tát chân chánh nhằm "thành tựu chúng sanh" ở cội Ta-bà. Nếu không được nuôi dưỡng đúng đắn, sau một lúc hào hứng bổng bột ban đầu, sẽ rơi rụng dần thì thiệt là đáng tiếc!



ĐỖ HỒNG NGỌC

Duy-ma-cật bèn lên tiếng: "Xin đợi cho giây lát, tôi sẽ khiến quý vị được thứ thức ăn chưa từng có".

"Thức ăn chưa từng có" ư? Với các vị vương tôn công tử, thiếu gia, con nhà trưởng giả này thì cao lương mỹ vị có gì là lạ. Tổ yến hồng sâm, nem công chả phượng, sữa béo thông minh, năm quý ngàn năm... các thứ có gì là lạ!

Và họ háo hức chờ đợi Duy-ma-cật mang lại thứ "thức ăn chưa từng có" để coi cho biết!

Thế rồi...

Duy-ma-cật mang đến... một mùi hương! Một mùi hương thơm. Thứ "thức ăn" thừa xin được từ cội Chúng Hương của Phật Hương Tích!

Cội Chúng Hương? Phải, đó là một cội mà mọi thứ đều làm bằng hương thơm, từ lều gác, đất bằng, hoa viên, thức ăn, thức uống... thứ nào cũng làm bằng... một mùi hương! Và ở cội đó, Phật Hương Tích cũng "chẳng cần thuyết pháp bằng văn tự. Ngài chỉ dùng các mùi thơm, làm cho chư thiên và người đắc nhập luật hạnh... Khi nghe mùi thơm vi diệu kia, liền thành tựu hết thảy các phép Tam-muội..."

Duy-ma-cật giải thích thêm: "Có một cội nước tên là Chúng Hương, hiện có Phật Hương Tích ngự tại đó. Nước ấy có mùi thơm bậc nhất đối với các mùi thơm của người và chư thiên ở các thế giới chư Phật mười phương. Khắp cội ấy, mùi thơm tạo ra lầu gác. Người ta đi trên đất bằng mùi thơm. Các cảnh hoa viên và vườn tược đều bằng mùi thơm. Từ nơi thức ăn, mùi thơm bay tỏa ra khắp vô lượng thế giới..."

Thì ra đó là hương Giới Đức. Thứ hương thơm có thể bay cao, bay xa, bay ngược chiều gió!

Hương thơm giới đức không thể có trong một ngày một buổi. Nó phải được huân tập lâu ngày chày tháng, mới dần dần lên, mới sung mãn, tràn trề. Nên cội đó, mới có vị Phật tên là "Hương Tích" đó vậy.

Duy-ma-cật mời: "Các nhân giả, hãy dùng món cơm cam-lộ của Phật Hương Tích". Thứ "thức ăn chưa từng có" này không sợ thiếu, luôn đủ cho tất cả mọi người! Bởi đó là một thứ "vô tận hương".

Một thứ hương thơm đủ để nuôi cả thân và tâm bất tận.

Đó chính là Giới đức.

Sự "tung hứng" của Xá-lợi-phất và Duy-ma-cật mới tuyệt vời làm sao!



Ảnh minh họa

Thăm chùa vắng

CAO HUY HÓA

Thành phố vừa sống một mùa Vu-lan. Trong ba tháng qua, Phật tử đi chùa nhiều hơn, để cúng dường trai tăng, nhớ công ơn sinh thành, dự lễ cầu siêu... Tôi nghĩ đến nhiều ngôi chùa, nhưng chùa của Cô - bậc Ni trưởng được trọng vọng trong Ni giới - tôi sẽ đến thăm sau mùa Vu-lan, cho rộng rãi thời gian và thành thời yên tĩnh.

Còn lúc nào yên tĩnh hơn một sáng mùa thu, cây xanh càng xanh hơn, khí trời dịu mát hơn? Ngôi chùa Ni vốn không cao, lại càng được che phủ bởi màu xanh của lá, không gian thoang thoảng mùi thơm nồng nhẹ của hoa oanh thảo, và ngang tầm mắt là trái và hoa cây sa-la: trái thì tròn trịa chất phác, hoa màu đỏ đậm pha chút vàng, đầy sức sống, từng chùm đeo vào thân và nhánh.

Chuyện cây xanh, hoa lá là chuyện bình thường ở chùa, nhưng trong khi nhiều chùa đã thêm công trình,

kể cả công trình thẩm mỹ - vườn cảnh, non bộ, sân, lối đi... - mà bớt cây cao, thì chùa của Cô, cây có vẻ tự do, vươn lên tìm ánh mặt trời, tàng cây chen vai thích cánh. Vị trí tri già cũng biết như thế, nhưng chắc không nỡ hy sinh cây, và chẳng chùa chỉ có hai thầy trò chân yếu tay mềm, thuê người làm cũng được, mà để thì cũng được. Cũng không ai thắc mắc sao cây nhiều mà trái chẳng bao nhiêu.

Điều ấn tượng đập vào mắt tôi, dầu đã quen vì tôi đến chùa nhiều lần, là những lu tương, đến năm lu to tương. Năm nào những lu tương này cũng đầy mấp tương do Cô làm, và năm nào cũng hết tương; cứ thế, mỗi năm chùa làm sạch bóng từ trong ra ngoài, mua nguyên liệu, xử lý các công đoạn làm tương rồi cho vào lu, đầy nắp để ngoài nắng mưa. Lần này, ba chiếc lu đã chứa đầy tương, mở nắp, phơi nắng. Có lẽ biết trước tôi thích ngắm "tác phẩm" của Cô, cho nên tôi mới đến thì Cô đưa ra vườn, giới thiệu liền: "Ba lu nở, chỉ thêm một

tháng nữa là ‘chín’ rồi đó, còn hai lu ni thì chuẩn bị làm”. Vàng, đúng là tác phẩm vì dáng lu đẹp, với màu nâu bóng, tròn trĩnh, thật thà, hiền lành, dễ thương! Những nhà khá giả, chưng loại lu này ngoài vườn, như là tác phẩm sắp đặt, cũng có lý đấy chứ! Tuy nhiên đầu họ đã “ly khai” tương rồi. Lu tương phải ở chùa để tương thấm nắng mưa và kinh kệ của chùa. Biết bao chú tâm và công lao làm ra tương, biết bao công lao đi cúng dường tương, cho hết năm lu như thế, năm này qua năm khác, lấy từ nào cho đạt ý nghĩa? Chỉ có tâm cúng dường của người tu hành mới được như thế.

Lần này tôi gặp một người đang làm vườn chùa, lại là một nhân vật đặc biệt. Ông ở khá xa chùa, thỉnh thoảng đến chùa làm công quả, người vợ đi buôn bán ở ngoại tỉnh. Như một phép lạ, người vợ được chẩn đoán ung thư, vào ra bệnh viện nhiều lần, được đề nghị mổ, nhưng bệnh viện dè dặt: Nếu mổ thì có thể kéo dài cuộc sống hơn, còn không thì chỉ vài tháng... Thế là bà tự chữa, “pháp môn” niệm Phật. Mấy tháng sau, đi siêu âm lại, khối u đi mô mất. Nay thì bà đi buôn bán được.

Ngôi chùa do Cô lập nên, từ tậu đất, đổ nền, cho đến xây dựng, tạo vườn, trồng cây ăn trái, cây cảnh... từ không thành có, biết bao nhiêu công lao, trước sau cũng chỉ mình Cô. Ngôi chùa lớn lên thì Cô dần dần vào tuổi già. Dáng Cô ngày càng nhỏ đi, lưng đã hơi còng vì tuổi tác, trong khi cây càng lên cao. Thấy Cô bên lu tương, có vẻ như lu tương cũng ngày càng cao hơn. Ngược thời gian trước khi tạo dựng chùa này, Cô đã gắn liền cuộc đời phụng sự đạo pháp với xây dựng chùa Ni, mở trường nuôi dạy trẻ có hoàn cảnh khó khăn, đi làm công tác từ thiện, nhân đạo, cùng trong

một thể hệ vàng những đệ tử của Sư bà Diệu Không và của những vị Trưởng lão Ni đầy đạo hạnh. Ngày nay, nhìn thế hệ hậu sinh tiếp bước trên con đường đạo, Cô không thể nào giấu hết nỗi niềm.

“Chúng ta phải học, học mới biết đường mà tu, chúng ta không phủ nhận chuyện học, nhưng tu phải là chuyện chính. Chúng ta phải tụng kinh, niệm Phật, phải lo việc chùa, việc đạo, làm cái gì lợi mình, lợi người, lợi vật, lợi hiện tại, lợi tương lai, đừng để thời gian trôi qua một cách vô ích rất uổng. Vì vào một cái, sáu bảy chục tuổi, thân thể bị quỵ, đau nhức, muốn ngồi không được, khi đó ân hận cũng quá muộn màng”¹.

Cũng như mọi kiếp người, Cô đang thắm giai đoạn thân hay “trầy chứng”, với trái gió trở trời, với mùa đông buốt lạnh, với nắng hạ gay gắt, nhưng mặt khác, dạo sau này, Cô thường nhiệt tình truyền cho chúng tôi và những Phật tử thân cận niềm hỷ lạc của tu tâm, niệm Phật, công đức, cúng dường; và không ít lần Cô say mê kể những chuyện như phép lạ, không ở đâu xa, mà ở ngay những người mà Cô tiếp xúc, trong những hoàn cảnh mà Cô gần gũi. Tôi không tin phép lạ như kiểu tin thần thánh, mà tôi tin Cô, tin hiệu quả vô cùng lợi lạc của niệm Phật, trước hết là chuyển biến tâm: tu tâm mới an tâm, tu tâm thì sửa tánh, tu tâm thì thân nhẹ đi, tâm có định thì tuệ mới phát, định và tâm có vững thì mới vô úy, và biết đâu nhờ thế mà có nhiều chuyện tốt lành, như chuyện người vợ của ông làm vườn công quả cho chùa mà tôi đã đề cập ở trên. ■

Chú thích:

1. Không thể nghĩ bàn, Thích nữ Diệu Trì, Nội san An cư Ni giới Thừa Thiên Huế, 2017.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2017

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2017, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 46 cuốn/kỳ	BS Trần Ngọc Đình	: 6 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ	Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Cô Hoàng Thoại Châu	: 1 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ		
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	361 cuốn
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP. Hồ Chí Minh;	
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Phòng Phát hành VHPG: (028) 3 8484 335	
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	Email: toasoanvhp@gmail.com	
Bà Phạm Thị Vinh	: 10 cuốn/kỳ	Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ	Ban Biên tập	
Mỹ thuật tượng Zen Art	: 10 cuốn/kỳ	Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ		
Cô Huệ Hương	: 9 cuốn/kỳ	Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ		
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ	Cty Nén Hạch Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ		



Tản mạn sau mùa Vu-lan

Mở đầu bài “Văn tế thập loại chúng sinh”, cụ Nguyễn Du viết:
“Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt.
Toát hơi may lạnh buốt xương khô”.

Tuy nhiên, tháng Bảy năm nay trời tạnh ráo, quang đãng, gió nồm nam thổi nhẹ, mưa giông giảm hẳn, thỉnh thoảng mới có mưa mây ướt áo vào chiều tối, tạo nên một không khí an lành, ấm áp cho mùa Vu-lan báo hiếu.

Quê tôi thuộc vùng sâu xa của tỉnh Vĩnh Long, dân chúng sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Về tín ngưỡng, đa số đều theo đạo Phật và thờ cúng ông bà cho nên không khí báo hiếu bắt đầu khởi lên ngay từ ngày mồng một tháng Bảy. Cách làm khá đa dạng, nhiều người ăn chay trọn tháng, nhiều đoàn nam nữ Phật tử đến các chùa trong vùng cúng bái, nguyện cầu. Nhiều người sắm sửa cơm canh, chè xôi cúng tế tại nhà, mời vài người hàng xóm và Tăng Ni đến tham dự, hành lễ.

Những người khá giả thì tổ chức trai tăng tại nhà hoặc tại chùa để báo hiếu, nguyện cầu cha mẹ được vãng sanh Tịnh độ; đóng góp tiền bạc, gạo thóc và các

loại thực phẩm khô cho các hội đoàn từ thiện xã hội hoặc các cơ sở thờ tự để bố thí dân nghèo,

“Nguyện đem công đức này,
Rải đều khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sinh,
Đều trọn thành Phật đạo”.

Chị Ba Vân ở xóm tôi thuộc hộ nghèo, chị lãnh quà từ đầu tháng đến ngày rằm khoảng cả trăm ký gạo, cả chục thùng mì gói cùng rất nhiều thứ như nước tương, đường, bột ngọt... đủ sống thời gian vài tháng.

Việc buôn bán ở chợ cũng nhộn nhịp hẳn lên. Ngoài các loại hàng hóa phục vụ cho việc cúng cô hồn, xá tội vong nhân theo tín ngưỡng dân gian, các mặt hàng rau củ quả, các loại nấm, tàu hủ, nước tương chai, tương hột, chao, mì căn, phổ ky, thực phẩm công nghiệp chế biến... được bán nhiều hơn trước.

Chị Huyền, một trong hàng chục người bán tàu hủ, ngày thường chị bán chừng vài chục miếng là nhiều, còn lúc này tăng lên đáng kể, có ngày chị bán được trên trăm miếng. Cơ sở chế biến tàu hủ Bắc Ninh sản xuất không kịp. Một số sư cô còn bán cả những món ăn được chế biến sẵn cho bà con mua về ăn liền không phải nấu nướng. Các quán ăn,



TRƯƠNG HOÀNG MINH

nhà hàng chay... thực khách ra vô tấp nập, có ngày không đủ bàn ngồi. Một số đầu bếp chuyên nghiệp còn nhận nấu cỗ chay cung cấp tận nhà cho các gia đình Phật tử.

Cao điểm là từ ngày mười ba, mười bốn, chợ Trà Ôn người đi như chợ Tết, chen chân không lọt. Con đường từ đầu đến cuối chợ vốn đã nhỏ nay càng hẹp hơn, chật cứng do bạn hàng lấn chiếm lòng đường bán đủ loại hàng hóa và do nhiều người thiếu ý thức chạy xe vào chợ rồi ngồi trên xe trả giá mua hàng dù ở hai đầu chợ đều có bãi giữ xe. Mặt hàng được mua nhiều nhất là chè xôi, kiểng, bánh cúng bánh cấp, bánh tét bánh ít, trái cây các loại. Hoa tươi là mặt hàng bán đắt thứ hai, từ những loại bình thường đến những loại cao cấp.

Chỗ nào cũng thấy người mua bu quanh không thấy cả người bán; cửa hàng của chị Bảy Gấm phải mượn thêm người phụ mới bán kịp. Về mặt bằng giá cả thì đa số đều nhích lên chút đỉnh, nhất là nấm rơm và các loại hoa cao cấp, giá khá cao nhưng vẫn không đủ bán. Có người phê phán bạn hàng thừa cơ chặt chém nhưng thiết nghĩ, cầu vượt cung nên mới vậy, đó là lẽ đương nhiên, nên hoan hỷ chứ không nên cố chấp.

Ở các chùa, Phật tử và bốn đạo đến làm công quả khá đông, phối hợp cùng Tăng Ni quét dọn, làm vệ

sinh, trang trí từ trong chùa ra đến ngoài sân, ngoài cổng và gói bánh tét, bánh ít từ ngày mười ba. Ngày mười bốn thì chuẩn bị lương thực, thực phẩm để khuya hôm sau nấu nướng. Hồi xưa, bốn đạo thường cúng chùa bằng đèn nhang và nông sản thực phẩm, có gì cúng nấy chứ ít cúng tiền. Việc này đôi khi bất tiện vì có loại thừa mứa xài không hết nhưng có loại lại thiếu, không có dùng; cho nên sau này người ta thường cúng tiền để nhà chùa tùy nghi sử dụng theo nhu cầu.

Lễ Vu-lan chính thức được tổ chức vào ngày rằm, chiều tối mười bốn chỉ có thời kinh Hồng danh sám hối cho Phật tử và bốn đạo phát lồ sám hối trước mười phương chư Phật về những lỗi lầm, sai trái của mình trong thời gian qua và hứa sẽ chừa bỏ, không tái phạm.

Sáng ngày rằm, tôi cùng anh Sáu Nguyên đi viếng chùa Phước Hậu và về dự lễ tại chùa Phật Quang. Đây là hai ngôi của cổ ở quê tôi, là nơi tu hành và hoằng dương đạo pháp của Tổ Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, là lò đào tạo Tăng Ni từ những năm 30-40 của thế kỷ trước, trong số đó có những vị cao tăng như Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Phước Hào...

Cả hai nơi đều treo đèn kết hoa, cờ phướn rợp trời tung bay trước gió. Phật tử và tín đồ tham dự rất đông, già trẻ gái trai, sang hèn nghèo giàu đủ cả, quần áo đủ màu đủ kiểu nhưng thành kính trang nghiêm, không thấy lơ đãng, kệch cỡm. Xe ô-tô, xe máy đậu thành hàng dài ngoài lề đường. Trước giờ khai lễ, bên trong nhà tổ và chánh điện khói nhang nghi ngút, người lễ lạy đứng thành nhiều hàng dài, tiếng chuông ngân nga không dứt. Khoảng 10 giờ, chuông trống Bát-nhã nổi lên vang rền trên chánh điện báo hiệu buổi lễ bắt đầu.

Do chánh điện nhỏ mà Phật tử và tín đồ lại quá đông nên không đủ chỗ hành lễ, họ phải đứng tràn ra ngoài hành lang và cả ngoài sân thành tâm cầu nguyện. Phật tại tâm, dù ở nơi đâu, hễ có lòng tưởng Phật là có Phật tại nơi đó chứ không nhất thiết phải đứng, quì trong phòng, trước ảnh tượng Phật mới trang nghiêm, thành kính.

Sau buổi lễ là bữa tiệc chay. Hầu hết các món ăn đều bình thường giản dị được chế biến từ những món "cây nhà lá vườn" và những "đầu bếp nghiệp dư" trong Phật tử và tín đồ. Món đắt nhất là kiểng, món chè thập cẩm gồm đủ loại nông sản như nước cốt dừa khô, nước dừa tươi, cơm dừa cứng cạy, đậu phộng, tàu hũ, khoai lang, khoai môn, mướp, phổ ky, nấm mèo và cả bông trang rắc lên mặt. Nhìn chung các món ăn đều thơm ngon, tinh khiết nhưng cái ngon nhất ở đây là sự thể hiện tinh thần mộ đạo, trọng Phật kính Tăng, tinh thần Ba-la-mật, tứ vô lượng tâm và lòng hiếu thảo của mọi người. Tất cả hợp thành chất liệu gắn kết mọi người với nhau tạo nên khối năng lượng khổng lồ trong việc xây dựng cuộc sống đẹp đạo tốt đời.

Tôi ra về mà nghe tâm hồn lâng lâng phơi phới. ■



Tản mạn về "rao"

LÊ HẢI ĐĂNG

Theo *"Đại Nam Quốc âm Tự vị"* của Huỳnh Tịnh Của, *rao* có nghĩa là: *"Truyền ra cho ai nấy biết, như rao truyền, rao bảo - truyền bảo sự gì đó; Mô rao: mô làm hiệu lệnh, rao cho biết"*.

Tương tự như vậy, trong cuộc sống, người bán hàng chào khách, giới thiệu sản phẩm, cũng gọi là rao hàng. Trong nghệ thuật *Đờn ca tài tử Nam Bộ*, đoạn nhạc dạo xuất hiện đầu bản nhạc hay bài ca đều gọi là rao; sau khi đọc chệch thành dạo (dạo nhạc), rao trở thành một thuật ngữ âm nhạc; tương đương với *tiến tấu, hát mở, nói lối, nói chềnh, intro, prelude, overture...*

Rao giống như một hiện tượng văn hóa phổ biến. Ngay ở tác phẩm nhạc hát, dù không có nhạc cụ đệm, người hát cũng thường bắt đầu bằng mấy câu mang tính chất rao, như *hát ru* chẳng hạn. Đối với đứa trẻ, người mẹ muốn hát gì mà chẳng được! Song, đầu tiên, người mẹ vẫn phải à ơ, ầu ơ, ví dẫu hay âm ư, ngâm nga nhỏ to, tỉ tê rồi mới "vào bài".

Hay như các điệu hò, một thể loại gắn liền với sinh hoạt sản xuất, trước khi hát, người ta phải hò... ơ... kéo dài, thậm chí miên man đến sốt ruột! Ở hát *quan họ*, câu hát mở thường xuất hiện trên âm khu cao, sau đó giai điệu mới dần dần chuyển xuống thấp, người hát hạ giọng nhằm tạo nên sự bình ổn. Trên *sân khấu chèo*, nhân vật ra tuồng khởi sự bằng thủ pháp hát nói, giới thiệu, xưng tên... một hình thức trao tấm "danh

thiếp" cho khán thính giả. Từ đó, tổ hợp nói chềnh, nói lèch... chen nhau "tiếp thị" sản phẩm.

Như nhân vật "Thị Mầu lên chùa" qua làn điệu Cầm giá, hát nói:

(Này chị em ơi) Nay mười tư mai đã là rằm.

Ai muốn ăn oản thì năng lên chùa *(đấy chị em)*.

(Thế mà) Mầu tôi mang tiếng lẳng lơ.

Đò đưa Cầm giá tôi lên chùa từ mười ba ì, i..."

Ở hát *cải lương*, nói lối có thể kéo dài tùy khả năng người hát. Vì tính chất tự do, nói lối tạo dư địa cho người hát thể hiện tài nghệ của mình, đồng thời tìm cách hấp dẫn người nghe. *Ca trù* là một thể loại âm nhạc có tư cách lịch sử lâu đời trên nước ta. Ở ca trù có hát *Mưỡu*, hình thức mở đầu bằng mấy câu thơ lục bát. Mưỡu viết theo tự hình chữ Hán là "mạo", có nghĩa là mũ. Chiếc "mũ" tuy chẳng làm nên bộ trang phục, nhưng góp phần tạo thành chỉnh thể về ngoại hình ở một con người.

Như chúng ta biết, ở tác phẩm văn học, ngoài nội dung chính trình bày thành chương, mục, đầu mỗi cuốn sách luôn xuất hiện phần *"dẫn nhập", "tiền ngôn", "lời nói đầu", "lời phi lộ"...* gọi chung là *"tựa"*. Tựa hay lời nói đầu, lời giới thiệu tuy là "phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm"¹, nhưng lại là một bộ phận cấu thành trước tác, xét về tính chỉnh thể của một ấn phẩm. Lời nói đầu giống như thủ tục "đăng ký khai

sinh” cho đứa con tinh thần của tác giả được trình bày bằng hình thức văn tự.

Ở nhiều quốc gia vùng Nam Á, Trung Á, người đàn mà không biết rao kể như chưa thạo nghề. Trong buổi biểu diễn song tấu đàn Sarangi và trống Tabla của nghệ sĩ Dilshad Khan, người Ấn Độ, và Heiko Dijker, người Hà Lan, nghệ sĩ đàn Sarangi dạo đến gần 12 phút². Trong sự chờ đợi mòn mỏi của Heiko Dijker trên sân khấu, Dilshad Khan hai mắt nhắm nghiền, say sưa, đắm chìm vào phần dạo của mình.

Sau khi rao di chuyển từ vùng ven vào trung tâm, nó trở thành một tác phẩm độc lập, như Prelude, Overture. Prelude là phần dạo của một tác phẩm nhạc đàn. Nghệ sĩ tận dụng Prelude để lên dây, dạo đàn, một hình thức khởi động ngón tay. Đến thời Baroque, cùng với sự xuất hiện những nhà soạn nhạc kiệt xuất, như Vivaldi, Scarlatti, J.S. Bach, F. Halden... Prelude trở thành một hình thức âm nhạc độc lập. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức J.S. Bach (1685-1750) từng viết hai tập Bình quân luật, mỗi tập gồm: 24 Prelude và Fuga cho đàn phím. Đến F. Chopin (1810-1839), nhà soạn nhạc kiêm pianist người Ba Lan, Alexander Scriabin (1872-1915), người Nga lại viết thêm Tuyển tập 24 Prelude, chưa kể rất nhiều nhà soạn nhạc khác cũng dành sự quan tâm, ưu ái cho thể loại âm nhạc này. Như vậy, rõ ràng Prelude đã không còn là dạo. Còn như thể loại Overture, dù là phần trình bày dành cho dàn nhạc nhằm chuẩn bị không khí cho buổi biểu diễn nhạc kịch, nhưng đây chính thức là một tác phẩm khí nhạc quy mô lớn. Cùng với sự phát triển của lịch sử âm nhạc, đặc biệt là nhạc kịch, thể loại Overture đã chiếm vị trí danh giá trong các thể loại âm nhạc, nổi tiếng như: Overture “Giấc mộng đêm hè” của nhà soạn nhạc người Đức Felix Mendelssohn (1809-1847), “Carmen” của nhà soạn nhạc người Pháp Georges Bizet (1838-1875), “The 1812” của nhà soạn nhạc người Nga Pyotr Ilyich Tchaikovsky (1840-1893)...

Thuở ca khúc mới thịnh hành, nhiều bài hát đi vào “phần trình bày” bằng một đoạn ngâm thơ thay cho hình thức dạo nhạc, như ca khúc “Hàn Mạc Tử” của Trần Thiện Thanh, mở đầu:

“Ai mua trăng tôi bán trăng cho.
Trăng nằm yên trên cành liễu đợi chờ”.

Sau đó mới “Đường lên dốc đá...”

Đoạn ngâm trên thực sự nằm ngoài văn bản, không thuộc cấu trúc ca khúc. Nhưng, như trên đã nói, rao phổ biến đến mức trở thành một hiện tượng văn hóa tất yếu sẽ di chuyển từ ngoài vào trong, từ hình thức tạm trú bên lề tác phẩm thành một bộ phận không thể tách rời chính thể cấu trúc. Như ở ca khúc: “Gửi gió cho mây ngàn bay”, nhạc Đoàn Chuẩn, lời của Từ Linh. Đoàn Chuẩn dành cả một phần “Intro” với cách thức kết hợp giữa âm nhạc và lời ca:

“Vội bao tà áo xanh đây mùa thu
Hoa lá tàn hàng cây đứng hững hờ

*Lá vàng từng cánh rơi từng cánh
Rơi xuống âm thầm trên đất xưa”.*

Sau đó bắt đầu:

*“Gửi gió cho mây ngàn bay.
Gửi bướm đa tình về hoa...”*

Cả một đoạn nhạc dài tương ứng với bốn câu thơ được tác giả chuyển tải bằng hình thức “rao”. Để nhận biết về nó, chúng ta có thể dựa vào cấu trúc hòa thanh, cách thức trần thuật chất liệu âm nhạc và hình thái giai điệu... Ở đoạn nhạc rao, hình thái giai điệu thường tránh xa sự ổn định của âm chủ (âm ổn định nhất trong hệ thống âm giai) hay hợp âm chủ (hợp âm ổn định nhất trong vòng hòa thanh). Nó tạo cảm giác không ổn định về đường tuyến giai điệu, khéo léo giấu diếm, gói gém “chủ âm” chờ đến lúc kết thúc nhằm dẫn dắt người nghe đi từ cảm giác bất ổn về ổn định để tạo yếu tố bất ngờ. Trong tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức L.V. Beethoven (1770-1827), người ta gọi đây là hình thức “đấu tranh giành chủ âm”. Số lượng ca khúc viết theo hình thức này tuy không nhiều, nhưng đều rất thành công, xét về hiệu quả âm thanh, điển hình như ca khúc “Kiếp nghèo” của Lam Phương, “Một mình” của Thanh Tùng...

Sự phổ biến của rao tự thân nói lên tầm quan trọng của nó. Rao giống như một nghi thức bất thành văn trong hoạt động giao tiếp. Khi phát biểu, diễn thuyết, dù chẳng bắt buộc, nhưng người ta khó thể bỏ qua mấy câu kính thưa, rào trước, đón sau hay *ladies and gentlemen*... Tất nhiên, nếu kính thưa dài quá, chiếm nhiều thời lượng, gây lãng phí thời giờ cho người nghe sẽ làm mất tính hấp dẫn, phản tác dụng, thậm chí trở thành rào cản tiến vào nội dung chính.

Bởi vậy, trong nghệ thuật rao, người ta tối kỵ tình trạng “treo đầu dê bán thịt chó”, trình bày chất liệu một đằng, nội dung chính đàn, hát một nẻo, tản mạn, thiếu súc tích... Rao thể hiện tinh thần chung của tác phẩm, chuẩn bị không khí cho vở diễn, tạo trường xúc cảm cho nhân vật bước ra và khán thính giả đi vào thế giới tình huống. Nhờ vậy, rao hướng tới liên kết các chủ thể, tạo sức hấp dẫn nhằm lôi cuốn sự quan tâm, dụ dỗ người thưởng thức. Tuy mang tính ước lệ, tự do, nhưng rao là nghệ thuật khó, đòi hỏi người trong cuộc không ngừng sáng tạo, nâng cao khả năng ứng biến nhanh nhạy, xử lý tình huống linh hoạt. Đi qua tương tác đa chiều và cách thức thể hiện độc đáo, rao đi từ ngoài cuộc sống vào thói quen văn hóa làm nên một hiện tượng mang tính phổ biến trong nhiều truyền thống khác nhau. ■

Chú thích:

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên: “Từ điển Thuật ngữ Văn hóa”, Nxb Giáo Dục 1992, Hà Nội, tr 265.
2. https://www.youtube.com/watch?v=2IAaJENg_tU.



Làm người tốt

HỒ ANH THÁI

Có thời người ta đồn đại rằng người Âu-Mỹ sống lạnh lùng cách biệt, chẳng ai giúp đỡ gì ai, còn người Việt mình thấy người hoạn nạn là xúm lại quan tâm thăm hỏi.

Chỉ là lời đồn thổi của cái thời không được tiếp xúc nhiều với bên ngoài, vì thế cũng không hiểu gì về bên ngoài. Không hiểu nên chỉ huyền truyền, hễ đề cao bản thân thì phải dùng đến phương pháp đặt người khác đứng dưới mình vài cái bậc thang.

Cùng phòng làm việc với tôi ở Đại học Washington, anh bạn giáo sư vừa soạn xong một văn bản, anh bấm nút máy in. Trang giấy trôi ra, tôi ngồi gần máy in hơn,

bèn đưa tay lấy hộ. Nhưng anh nói ngay: Cảm ơn, nhưng tôi còn nguyên lành chân tay mà.

Người ta không yêu cầu thì đừng có giúp. Gọi là giúp thì cũng chỉ là ý chủ quan của anh, còn người được giúp có thể tự ái, tôi có phải là người tàn tật đâu, tôi đang đủ năng lực để tự làm lấy mọi việc.

Chính người Việt cũng có câu: ăn có mời, làm có khiến. Làm việc, mà chưa được yêu cầu đề nghị thì rất nhiều khi là: không khiến.

Nhưng cái tính tò mò tọc mạch hiếu kỳ lại khiến người ta xúm đen xúm đỏ khi thấy một tai nạn. Nhìn thế mà bảo mọi người rất quan tâm đến nhau là chưa

hiếu người Việt. Một trăm người xúm lại rất nhanh ấy, chỉ có một vài người thực sự phản ứng kịp thời tìm cách cấp cứu.

Ở Âu-Mỹ, nếu ta đi lạc đường chẳng hạn, không hỏi đến ai thì thôi, mọi người sẽ thản nhiên đi qua, ai có việc nấy. Nhưng nếu hỏi, chắc sẽ có người dừng lại chỉ đường đến nơi đến chốn, thậm chí ngơ ngác quá thì sẽ được người ta tìm cách dẫn đến tận nơi. Có người đi mua hàng ở siêu thị, vướng vào giá hàng làm đổ cả một góc, đang xin lỗi rồi rút thì bà quản lý an ủi: Không sao đâu, đây là lỗi của chúng tôi đã bày hàng làm vướng cho khách.

Làm việc tốt thì không cần ra điều kiện, việc này ai cũng rõ. Nhưng đất phèn chua thì khó trồng quả ngọt. Muốn điều tốt nảy nở nhiều thì cũng phải có một môi trường thuận lợi, nơi tạo điều kiện cho người ta làm việc tốt.

Một nhân vật của công chúng, một người nổi danh, đứng ra quyên góp ủng hộ bà con đang chịu hậu quả của thiên tai, đây chắc chắn là một việc tốt. Ấy thế, đôi ba vị quyền lực lại giở lý giở lẽ, quy kết thành hành vi trái luật. Không có việc tốt nào trái luật, và luật nào khép việc tốt thành vi phạm thì luật ấy cần phải xem lại, luật ấy cần phải điều chỉnh. Hạch sách, chẳng qua để thể hiện uy quyền, thể hiện cái sự oai. Tốt cũng được, nhưng trong địa hạt quản lý của tôi, luật của tôi, tôi phải làm ra điều có trách nhiệm, ra uy ra oai.

Cũng thế là chuyện hai kẻ côn đồ đánh đập một nữ nhân viên hàng không, hàng chục người giương mắt nhìn hoặc tránh ra xa. Chỉ một người kịp thời xông đến đánh cho kẻ côn đồ ngã lăn quay. Một chường lẫn lộn lốc. Không ai ủng hộ dùng bạo lực, nhưng quả thực cú đánh kẻ hành hung quay lơ khiến ai nấy đều hả hê. Ít ra thì trên đời vẫn còn có người phản ứng kịp thời, kịp thời hơn nhiều so với những người có nhiệm vụ bảo vệ. Ít ra thì đòn trừng phạt cũng nhân tiền, không phải chờ đời cha ăn mặn đến đời con mới khát nước. Ít ra thì kẻ côn đồ kia cũng ngộ ra rằng ngoài trời còn có trời.

Ấy thế, lại cũng có ông phải chịu trách nhiệm lại lên tiếng một cách oai vệ nông nổi, giở lý rằng hành vi can thiệp cứu người ấy có thể gây ra bạo loạn nghiêm trọng, vì thế là phạm pháp. Ô ông ơi, nghe lời ông thì người ta đã bị hại, cái ác đã thêm một lần đắc thắng, và không còn ai dám hành động để bảo vệ chân lý.

Còn ai dám làm điều tốt giữa đời này? Chị bạn tôi thấy một cháu bé vài ba tuổi đang lon ton trên vỉa hè thì bị ngã. Chị vội vàng chạy đến đỡ. Thế là mẹ đứa bé đang vẫn vợ mua hàng ở gần đấy chạy xổ ra, mắng xối xả rằng chị đã làm đứa bé ngã. Chị bạn nói từ đó thấy trẻ con bị ngã hoặc định chạy qua đường đông xe cộ, chị cũng không dám lại gần. Nhờ bố mẹ nó lại vu cho mình gây ra tai nạn.

Đây là nỗi lo ngại có thật. Và phải trở lại với điều đã nói, làm việc tốt thì phải vượt lên trên mọi điều kiện, mọi lễ luật, nhưng làm điều tốt trong một môi trường không thuận thì có khi rước họa vào thân. Điều tốt, tự thân nó đã là mục đích cao nhất của mọi xã hội, mọi lễ luật, mọi cá thể. Giở lý giở lẽ giở luật ra để cản trở điều tốt thì quả là trái khoáy trở trêu.

Thanh niên sinh viên tham gia phong trào tình nguyện, phong trào đi làm từ thiện, đáng tiếc, có người thiệt mạng vì tai nạn. Phải rút kinh nghiệm để trang bị kiến thức cần thiết cho họ trước khi lên đường, rèn luyện thể chất và khả năng xử lý tình huống, vân vân. Giảm rủi ro đến mức thấp nhất, nhưng như vậy không có nghĩa là hệ thống thông tin đại chúng nên giật tit đưa tin theo kiểu dọa dẫm, làm nhụt chí. Bộ máy truyền cũng phải có trách nhiệm tạo ra môi trường thông tin thuận lợi cho người ta có thể làm việc tốt.

Mặt khác, hệ thống thông tin đại chúng cũng phải được động viên khích lệ khi cổ vũ người ta làm việc tốt. Đưa một cái tin dửng dưng cảm cứu người chẳng hạn, bản thân cái tin là đúng, chỉ một vài chi tiết chưa chính xác thì có thể đính chính. Nhưng chỉ vì vài chỗ chưa chính xác ấy mà ra giọng răn đe, thậm chí xử phạt hành chính, thì đây cũng xem như là cản trở người ta làm việc tốt.

Khác với nhiều người lạc quan đến tận đỉnh, rằng nếu đời ít người tốt thì đời đâu có được như thế này, nhiều người trong chúng ta vẫn phải kêu lên rằng hãy cho chúng tôi được làm việc tốt, hãy tạo ra một môi trường thuận cho cái tốt. Môi trường ấy không gì khác là hãy làm luật cho nghiêm, cho chặt, cho thật ít kẽ hở. Hãy xây dựng một nền nếp văn hóa trên đó có ngôi nhà dân trí cao hơn. Hãy bồi đắp đạo đức như những tầng phù sa dày dặn. Trên nghiêm thì dưới mới yên. Dưới nghiêm thì trên mới vững. Cả trên và dưới đều nghiêm thì đây là môi trường mà tất thảy đều mơ ước khiến cho điều tốt nảy nở vậy. ■





Chỗ nào dính bùn đất, chỗ đó thương chân thật

Bài & ảnh: NGUYỄN HÀNG TÌNH

Đà Lạt là xứ có “thương hiệu”. Nó có thương hiệu vì được người Pháp kiến tạo, mà Pháp kiến tạo đô thị thì ai cũng biết tính khoa học, nghiêm kỷ, và sự tài hoa rồi. Cái thương hiệu ấy định hình dĩ nhiên còn bởi vì buổi thuộc địa mù xa ấy nơi đây từng được chọn để dự tính đặt làm “Thủ phủ Đông Dương”, nhưng mà trên hết là ở chỗ nó may mắn được trời cho cái khí hậu mát lành quanh năm, vạn vật thơ mộng. Mát lành và đẹp thì hợp với du lịch, mà làm du lịch thì dễ được biết đến, nổi tiếng thôi. Thật ra du khách cố tình không biết đó thôi, chứ quá hai phần ba cuộc đời thật ở Đà Lạt là cuộc đời nông nghiệp, với người dân chân lấm tay đất, chả ăn nhậu gì với du lịch. Khi cần “chơi” với Đà Lạt, tôi hay về với những chỗ có cây sù cây lơ, khoai tây cà rốt, hoa cúc hoa cẩm chướng... Ở đó tôi gặp nhiều “người Đà Lạt” nhất, Đà Lạt thật. Cái phần hào nhoáng để dành cho du khách, vì tôi biết son phấn kia không phải là phần “đại diện” cho Đà Lạt của mình...

Chỉ có phần canh nông, nhà vườn, dân cày... chúng sinh vô nhiễm với “du lịch”, bên lề “thiên đường du lịch” là chân dung Đà Lạt hiện ra.

Ấy là phần cuộc sống mà mỗi sớm mai những người nông dân mang ủng cao su lên vườn đồi trồng bông, trồng *lơ-ghim*. Cái phần bên lề tần tảo, môi trường mưu sinh của nông phu Việt ly hương, đầy bùn đỏ; phần đất đai mà cư dân còn có tâm trạng chờ mưa đợi

nắng, sống bằng giọt mồ hôi thật sự; những tổ người không biết hóng du khách, chờ hội hè lễ lạt, mai dao, thu tiền phòng, tiền vé, tiền xả-xú-páp. Nơi đó giữ lại hồn hương xứ sở, cái “gien” đồi núi, chất “người Đà Lạt” không phai phôi (Không phải ai bây giờ sinh sống ở Đà Lạt cũng có chất “Đà Lạt!”), nhịp sống an nhiên, thông dong, chậm trôi, tự sự. Miền quê, hai mùa nắng mưa cày cuốc, nhưng con người lại phong lưu vô cùng: đi không vội, ăn không nhanh, nói không to, giận không hét. Những cái tên ấp canh nông hiền khô, này Thái Phiên, Nam Hồ, Trại Mát, Đa Quy, Đa Thọ, Phước Thành, Đa Thành, Sầm Sơn, Vạn Thành, Đa Thiện, Đông Tỉnh, Thánh Mẫu, Cầu Đất, Trại Hầm, sở Lãng... Ô hay, lúc nào cũng mát dịu hoa trái, nồng nàn thảo mộc. Mỗi một mảnh vườn rau, nông dân trồng một loại rau khác nhau, cho một nhan sắc riêng, gợi cảm, man mác tình thôn trang xứ lạnh, đãi cả cho thị giác, chứ không phải khiến nghi ngại cho cái dạ dày.

Nơi đó, nhà cửa giản đơn treo dây đó như rải những nốt nhạc bên sườn núi, dưới thung lũng, men theo đỉnh đồi. Những con đường vào thôn ấp nhỏ bé nhưng độ lòng vòng thì chả biết kéo đến đâu trên những dải núi đồi khuất lấp, lớp này chồng lên lớp kia. Nơi đó, những vườn rau bậc thang như cây đàn accordéon khổng lồ của người nghệ sĩ thiên nhiên say nhạc kéo ra khắp nơi, chơi như một gã điên, không ngừng nghỉ,

lang thang mãi, quên đường về. Nhà này, nhà kia có thể sang xin nhau đôi trái sù về luộc, nhúm đậu Hòa Lan về xào, bông ác-ti-sô về hầm, bó hoa salem về cúng, một cành hồng về chưng... Giỗ quây, cưới hỏi, lễ lạt, người ta còn có thể làm được cái điều rất "nhỏ", mộc mạc cổ xưa là mang qua nhà kẻ bên một đĩa xôi, hay vài ba trái chuối la-ba, trái hồng đầu mùa... Cái chất lưu dân cần mẫn, chịu khổ chịu khó, ngang tàng, bất cần đời, coi thường tiền bạc, trọng nghĩa, khinh tiền, chân thành, rộng lượng, và không hãi sợ trước quyền lực vẫn còn bàng bạc lưu cữu trong các tổ người. Mọi sự hẹp hòi đều không phù hợp với Đà Lạt, những mưu tính, tinh khôn đều không sống lâu dài, không "chơi" được với một Đà Lạt trong sáng thế này. Cư dân là góp, đến đã lâu, nhưng nay mỗi ấp đi qua, chỗ này tôi vẫn còn nghe được dư âm của giọng Bắc, giọng Nghệ, chỗ kia là giọng Quảng, chỗ nọ là giọng Huế, và xa thêm một tí nữa là tiếng và giọng người Cill, Lach - bộ phận cư dân hiểu Đà Lạt nhất, cao thượng, chịu cô đơn và nghèo khó giỏi hơn cả lưu dân Việt, là chủ nhân sâu nặng của xứ sở này mà. Già ba phần tư diện tích Đà Lạt là thuộc về phần canh nông hỗn hậu đó. Đà Lạt thật là "Đà Lạt" ở chỗ đây, chứ cũng không phải sự chảnh chệ ở khu Hoà Bình, Bùng binh Ba Tháng Hai, chợ Cẩm Đô, Ngã tư Phan Chu Trinh, Ngã năm Đại Học, hay Thung lũng Tình Yêu, thác Cam Ly, hồ Than Thở, dinh Bảo Đại, đồi Mộng Mơ, Đà Lạt Sử Quán, hoặc cả ngàn khách sạn hơ hớ chồm ra...

Nơi miền ngoại ô vô nhiễm với du lịch và chứng khoán địa ốc ấy, những tiếng chuông chùa, chuông nhà thờ khi vang lên làm cho núi đồi mệnh mông, thênh thang hơn, như bò lên từng mảnh vườn *lơ-ghim*, len vào màu xanh hoa trái, sang trọng và huyền nhiệm. Ai bảo đó không phải một thứ "đặc sản" nữa của Đà Lạt, cùng thông xanh, *lơ-ghim*, sương khói, sự thanh vắng, nỗi buồn, cái lạnh. Cứ lắng lòng, ta sẽ nhận ra tiếng chuông nhà thờ ở Đà Lạt thênh thang phúc âm, tiếng chuông chùa bằng bạc bát-nhã, mang vóc dáng khác với tiếng chuông của quê xứ khác. Tôi nghĩ một người có ý định quyên sinh, sẽ rất khó thực hiện khi vấp phải thứ thanh âm ấy vào buổi chiều tàn.

Cái phần rìa đây là phần âm đô thị, phần con gái, so với cái phần con trai - phần dương phố xôn xao, bướng bỉnh, nhiều màu, lắm lời ngoài kia. Nó nhắc nhớ cái gốc gác sơn nguyên, và giữ cho thành phố này khỏi cục cằn thô thổ, lạc lối, mất mình.

Những lũng đồi thuần hậu canh nông đó, khi xuất hiện sương thì đúng như những bữa tiệc trời bày. Sương giăng bóng bẽnh, nổi trôi, đôi khi có cảm giác về sự gập ghềnh của nhung lụa, tựa kẻ rồi công kéo những dải lụa trời đi chơi và quên mất mùa màng. Độ mỏng dày, cao thấp, gần xa của làn sương miền thôn

ấp kia làm nhiều khi ngỡ tưởng đến cái phần cơ thể của gái trinh.

Ở những cánh rừng thông Đà Lạt sương đẹp kiểu khác, bị giới hạn; nhưng ở những vùng nhà vườn, sương phủ thật phóng khoáng, nhiệt tình. Khi ngẩng nhìn sương nơi rừng thông, ta sợ lạc trong cái phần ngút sâu của cây rừng không thể nhìn thấy. Còn nhìn sương trên vùng nhà vườn ta lại sợ bị trôi đi, lút vào trong sự vô tận của mong manh. "Tác phẩm" sương đó xuất hiện cũng không có quy luật về tạo tác hình hài; mỗi ngày, mỗi mùa, mỗi sớm, mỗi chiều, mỗi ngọn đồi, mỗi thung lũng, mỗi vách núi, mỗi khu nhà vườn, mỗi cánh rừng... từng lúc đều khác nhau.

Về đẹp chết người của sương chưa giết ai, nhưng nó làm người ta nhớ nó, mà lại là thứ sương ngoại ô này. Nó vừa man dại vừa liêu trai, thoả chí phiêu bồng hoang lạc, sâu mộng và thẳng thien, nhưng trong lành, và điểm trang cho sự cần lao, vườn tược, cỏ cây, núi đồi. Sương cũng là "sản phẩm" du lịch Đà Lạt kia mà.

Tôi nhớ lắm những thằng bạn buổi cùng bản hàn, sống toàn mơ tưởng ở xứ mơ mộng này, nhiều lần hai ba giờ sáng đập cửa rủ nhau đi lang thang... xem sương, cho sương dọa mình - sương ngoại ô. Tôi cũng thể đừng hòng tôi quên những lần uống rượu giữa sương đêm với những người bạn kẻ sĩ giang hồ đứng nghĩa và tiêu dao khinh bạc cả mỹ nhân: "*Tay vung kiếm chém phân vùng sinh tử/ Thì sá chi một chút má em hồng*". Mà những ai yêu quý, tha thiết, nể trọng, tôi mới "mang" ra giới thiệu họ với sương Đà Lạt, đài rượu phong sương giữa trời ngoại ô tảo tần này. Đó là thứ rượu pha sương - một thứ là sáng tạo của con người, còn thứ kia là sáng tạo của thượng đế, đều kiểu diễm, ngạo nghệ. Khi uống rượu trong sương, ta thấy cô gái nào cũng thành thiên thần thánh nữ cả.

Nhắc đến sương Đà Lạt, có ai thèm không nhỉ.

Đôi người bạn của tôi đã ngêu ngao bỏ đời viên chức về làm vườn, về với phần bên lề đô thị này từ lâu, và họ nói: trồng hoa, trồng *lơ-ghim* cũng là "sáng tác"... nghệ thuật. Rằng mỗi lứa hoa rộ là một tác phẩm, liên tục, cuốn chiếu, với đầy đủ cảm xúc hồi hộp, mừng, lo, suy tư, vui, sầu. Bạn tôi nói sương quen thuộc, nhưng có những sớm mai đi làm vườn, chính họ cũng giật mình khi nhìn thấy hình hài, một trạng thái mới của sương.

Tôi chưa làm được như bạn mình, nhưng lại hay "hành hương về với sương", với miền ngoại ô để hiểu của phố núi, để mơ tưởng, để thả trôi mình, để thấy cuộc đời thật dễ thương, và trời đất mệnh mang ngay dưới chân, trước mắt mỗi mình.

Thung sau, sườn hoa, vườn rau, cái phần thừa, phần ngoại cuộc của du lịch Đà Lạt nó cứ lạ hoài thế không biết.

Tôi ưa chụp hình cái phần cuộc sống bên lề, lẻ loi, đơn giản bởi vui sâu nó thật. ■

Đặt tên đường để tri ân danh nhân thế giới

TRẦN THÁI HỌC

Ngay từ lúc mới bắt đầu đi học, trong sách giáo khoa, ngoài những tác giả Việt Nam, học sinh còn được tiếp nhận kiến thức bởi các tác phẩm của các tác giả thế giới trong tất cả các môn học chính. Họ chính là những danh nhân nổi tiếng thế giới, gián tiếp góp phần xây dựng nền giáo dục nước ta ngày càng tiến bộ, tư duy sáng tạo hơn thông qua các công trình khoa học và các tác phẩm văn học. Đặc biệt là các ngành tự nhiên như Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học. Không học sinh nào lại không biết Albert Einstein, Isaac Newton, Archimedes, Euclid, Michael Faraday, André-Marie Ampère, Thomas Edison ... với những khám phá vĩ đại như: Thuyết Tương đối, Định luật Vạn vật hấp dẫn, Lực đẩy, Hình học, Cảm ứng điện, Điện từ trường, Bóng đèn điện... Và suốt từ năm lớp 6 cho đến lớp 12 rồi lên đại học, cao học, chúng ta luôn học đi học lại các kiến thức này ở sách giáo khoa và cả vận dụng vào thực tiễn. Tuy họ không phải là người Việt, cũng không một lần đặt chân đến Việt Nam, nhưng họ đã gián tiếp giúp cho các nước trên thế giới có nhiều phát triển vượt bậc như ngày hôm nay, trong đó có cả Việt Nam. Và hằng năm, trên thế giới, có cả Việt Nam, vẫn kỷ niệm ngày sinh của rất nhiều danh nhân vĩ đại của thế giới.

Như chúng ta biết, việc lấy tên các danh nhân, anh hùng, nhà khoa học... Việt để đặt tên đường là một nghĩa cử đúng đắn, nhằm tri ân những người đã có công đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam. Vậy chúng ta có nên lấy tên các danh nhân thế giới để đặt tên đường ở các thành phố tại Việt Nam hay không?

Ở Việt Nam ta, cũng có một số tên đường được đặt theo tên địa danh nước ngoài thông qua việc hai thành phố kết nghĩa. Đơn cử, ở thành phố Vũng Tàu có tên đường Ba Cu, ấy là do đặt theo tên thủ đô của Cộng hòa Azerbaijan (Baku) vì hai thành phố này kết nghĩa. Tương tự như thế, ở Hong Kong có tên đường Saigon, Hanoi, Haiphong...

Ngoài ra có một số tên danh nhân nước ngoài được lấy làm tên đường ở các thành phố lớn nước ta là do họ từng đặt chân đến Việt Nam, có đóng góp không nhỏ về các lĩnh vực khoa học, y tế, giáo dục... Cụ thể là tên đường và tên cầu Calmette ở TP.HCM, được lấy từ tên nhà vi khuẩn học Calmette được Louis Pasteur giao trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo một chi nhánh của Viện Pasteur tại Sài Gòn năm 1891. Tên đường, tên trường Yersin ở TP.HCM, Nha Trang, Đà Lạt... được lấy theo tên vị bác sĩ Alexandre Yersin, người có công lớn trong việc thành lập trường Đại học Y Hà Nội, tìm ra Đà Lạt, trồng cao su... tại Việt Nam. Đặc biệt là Louis Pasteur, tuy là người chưa bao giờ đặt chân đến Việt Nam nhưng những thành tựu vĩ đại của ông đã được người Việt nhớ đến nhờ các viện Pasteur, con đường, vườn hoa, khu phố mang tên ông ở Hà Nội, TP.HCM, Nha Trang...

Họ có công lớn trong việc đóng góp cho nhân loại các thành tựu vĩ đại, vậy lấy tên các danh nhân thế giới để đặt những tên đường ở Việt Nam cũng là điều nên làm. Vì hiện nay, một số tên đường mới mở được sử dụng theo tên gọi dân gian nghe rất phản cảm, không phù hợp với văn hóa, chẳng hạn như: Kênh Nước Đen, Tên Lửa, Cựu Chiến Binh Không Rác, Đường Vào Chùa Khánh An, Đường Vào Chợ An Sương, Điện Cao Thế, Rạch Bùng Binh, Đường Vào Khu Y Tế Kỹ Thuật Cao... (TP.HCM). Thay vì sử dụng những tên khó nghe như thế, ta dùng tên các danh nhân Việt Nam, hoặc danh nhân thế giới đặt tên đường, như là cách tri ân vì những gì họ đã cống hiến cho thế giới và cho cả Việt Nam.

Không riêng gì Việt Nam ta, ở các nước trên thế giới cũng đã từng làm như thế. Chẳng hạn như Namibia có đường Edison, Mỹ có nhiều đại lộ Euclid, Canada có đường Archimedes, New Zealand có đường Newton, Philippines có đường Ampère, Úc có đường Faraday... mặc dù những nước này không phải là quê hương của những danh nhân đó. ■



Nguồn: xaluan.com



Sự nhẫn nại

AN VIÊN

Tôi từng đọc ở đâu đó một câu chuyện rất thú vị. Chuyện kể rằng có một người mẹ thấy con trai lên năm tuổi đang cầm trên tay hai quả táo. Vì muốn thử lòng con trẻ, chị chìa tay ra xin một quả. Đứa trẻ nhìn mẹ rồi liền cắn mỗi quả táo một miếng. Chứng kiến hành động của con, trái tim người mẹ như bị bóp nghẹt, quặn thắt. Cảm giác hụt hẫng choán hết tâm trí chị. Khi đứa con ăn xong hai miếng táo, nó mỉm cười đưa về phía mẹ một quả và nói: Quả này ngọt hơn, con sẽ dành cho mẹ! Ôm đứa con vào lòng, chị rưng rưng xúc động.

Nhẫn nại được hiểu là sự chịu đựng, kiên trì trong một hoàn cảnh nhất định. Người ta nói, nhẫn nại đôi khi đem đến cho con người cảm giác đau đớn, nhưng nếu chịu khó lắng nghe, quan sát, kết quả đem lại sẽ rất ngọt ngào như câu chuyện ở trên vậy. Trong cuộc sống, nhẫn nại có vai trò vô cùng quan trọng, nhưng không phải ai cũng nhận thấy rõ điều đó.

Trong thực tế, hậu quả của sự thiếu nhẫn nại luôn tồn tại đầy rẫy. Câu chuyện thương tâm về một đứa trẻ trong xóm tôi cách đây đã lâu cho thấy rõ điều đó. Người cha vì nghe miệng lưỡi cay nghiệt của hàng xóm nên nổi lòng nghi ngờ vợ, giữa đêm hôm khuya khoắt, hắn đã ôm đứa con vừa tròn một tháng tuổi vứt bỏ ngoài sông. Rồi cũng một người cha nát rượu, độc ác, chỉ vì đứa con vô tư phá giấc ngủ trưa khi gã đã say mềm, máu căm thù trong gã trỗi dậy để rồi đứa trẻ bị chính cha ruột của mình bóp cổ cho đến chết. Biết bao sự vụ khác: bảo mẫu bạo hành trẻ em vì chúng không chịu ăn hay nghịch ngợm, cô bé tám tuổi chỉ vì không làm bài tập mà bị cô giáo dạy thêm dùng thước đánh vào tay đến bầm tím. Trong gia đình, nhiều trường hợp chồng giết vợ, mẹ giết con, anh em chém giết nhau,... cũng vì không ai biết nhẫn nại.

Nhẫn nại là cần thiết nhưng nói thì dễ, làm thì rất khó. Cạnh nhà tôi có đôi vợ chồng nghèo. Anh chồng làm bảo vệ cho một xưởng gỗ, mười bữa nửa tháng mới về nhà một lần. Chị vợ bán quần áo sida ngoài chợ. Dù vất vả, chị chẳng hề bảo ban cho hai đứa con gái đựng tay vào bất cứ công việc gì trong nhà, dù chỉ là quét nhà, nhặt rau, rửa chén... Hàng phố góp ý, chị cười trừ: Thấy chúng làm, chân tay cứ lóng ngóng, vụng về, thôi thì mình làm rón cho xong! Bởi thế dù chuẩn bị bước vào ngưỡng cửa đại học, chúng vẫn không biết làm bất cứ việc gì ngoài học. Em tôi vốn nóng tính, mỗi lần thấy con học chậm, tính chậm, cậu ấy khó chịu và tự mình

viết thay hoặc là đưa ra đáp số thay vì tỉ mỉ chỉ cho con từng bước. Rồi thì chuyện phát ngôn tự do khi chưa suy xét đầu đuôi, ngọn ngành sự việc; chuyện phóng nhanh chạy ẩu, vượt đèn đỏ, chen lấn nhau; hay khi bị ai đó xúc phạm thì gồng mình lên trả đũa... cũng đều xuất phát từ việc quá vội vàng, hung hăng mà quên đi điều quan trọng là phải kiên trì, nhẫn nại. Sự nhẫn nại được ví như lửa có thể thiêu đốt các oán thù, sân hận, tật đố và oan trái. Nếu không có đức tính ấy, xem như con người đã đánh mất đi một phần quan trọng trong nhân cách quý giá của bản thân mình.

Cái khó trong việc rèn luyện đức tính nhẫn nại cũng giống như việc ăn trái đắng. Một khi đã vượt qua được rồi, ắt sẽ vô cùng tự hào, mỹ mãn về bản thân. Câu chuyện về cậu bé với hũ đậu phộng trên bàn là một minh chứng. Vì muốn cho tay vào hũ lấy được thật nhiều đậu phộng ăn, nhưng vì miệng hũ quá nhỏ nên tay bị kẹt cứng trong chiếc hũ khiến cậu bật khóc. Định bỏ cuộc thì cậu được mẹ mách kế, lấy từ từ mỗi lần hai ba hạt thì tay không bị kẹt, cậu làm theo một cách nhẹ nhàng rồi nhoẻn miệng cười vui sướng khi thành công. Câu chuyện về cậu bé rất thích chơi dương cầm nhưng lại không có một chút gì là năng khiếu. Nhưng chính sự kiên trì tập luyện, cuối cùng, những ngón tay của cậu đã lấp lánh nhảy múa trên những phím đàn. Bản nhạc cậu đánh đã khiến tất cả mọi người phải đứng lên vỗ tay tán thưởng. Câu chuyện gần gũi nhất mà tôi biết là từ cậu học trò bị cụt cả hai bàn tay. Bằng sự kiên trì, nghị lực và lòng quyết tâm, giờ cậu đã trở thành một tân sinh viên ngành tin học như cậu mong ước...

Có rất nhiều cách để mỗi chúng ta rèn luyện cho mình đức tính nhẫn nại. Nếu ta đang cảm thấy tức giận với ai đó thì hãy hít một hơi thở thật sâu để tâm hồn mình thư thái, thoái mái, sâu lắng và suy tư. Nếu ta đang nóng giận với trẻ, hãy tách mình ra khỏi con trẻ trong một thời gian nhất định. Đừng nên làm giúp con mọi việc, hãy để con tự mình làm các việc từ dễ tới khó, dạy cho con biết đặt mục tiêu trong phạm vi khả năng của mình,... Muốn vậy, mỗi bậc cha mẹ phải là một tấm gương kiên trì và nhẫn nại.

Nhẫn nại không phải từ bẩm sinh mà có, nó chỉ được hình thành qua sự rèn luyện. Nếu nhẫn nại có thể làm cho các mối quan hệ của con người trở nên tốt đẹp hơn thì tại sao ngay lúc này, chúng ta không rèn luyện để nó trở thành thói quen cho mình! ■

Đất phương Nam ngày cũ

Trâu kéo nhơn tình

1 Nắng ráo, chiều khô cánh đồng bừng chỉ trừ cái lung trâu gò Ông Lệt. Con Tư bối rối vì không biết mần sao đưa phần trâu rời khỏi lung. Cũng phải thôi, chần giữ một bầy trâu đã là chật vật, huống hồ chần giữ cả một phần trâu. Nó cũng chẳng rõ cái qui ước bắt thành văn được coi là thông lệ có từ thời nào, rằng hễ trên trăm trâu thì gọi là phần, còn dưới trăm gọi là bầy!

Ta đi tằm trâu, trâu nằm vũng sâu, ló cặp sừng mần sao mà cột?

Ta đi tìm cột, cột đóng trên gò, cột chẳng có trâu!

Ồi nầy, bậu ơi!

Trâu tằm cột hay cột tằm trâu?

(Hò dân gian Bắc Chiêng)

Nghe tiếng thằng Sáu hò nghêu ngao ngoài đám lau sậy cao khuất đầu, con Sáu mừng húm.

"Sáu đây nè, Tư qua đây phụ Sáu coi!"

Chẳng những thằng Sáu làm bộ giả lơ, không nghe lời cầu cứu của con Tư, mà còn cứ đồ tới đồ lui, lại thêm

phần luyến láy nhấn nhá câu hò với *"Ồi nầy, bậu ơi!/ Trâu tằm cột hay cột tằm trâu?"*, khiến con Tư bức mình, giãy nảy:

"Trâu tằm cột hay cột tằm trâu... Gì gì cũng đặng; người ta nghe, phát ghét!"

"Ghét, sao nghe?"

Thằng Sáu vừa vệt vừa bươn sậy, vừa cười hì hì đi tới lung trâu; bầy le le đang nằm lảng nước giựt mình bay cái rần, che tối những vệt nắng cuối ngày còn nấn ná trên đầu bông sậy.

Từ mé lung, thằng Sáu phóng xuống lưng con trâu đầu phần đang trầm bùn tránh muỗi mòng và cảnh giới. Trâu mải sừng chém khi phát hiện hơi lạ, ngửi hơi quen thì hai vành lỗ tai nhíp nhíp, cái đuôi ngúc ngoắc phe phẩy... Thằng Sáu chớp nhanh, ra tay nắm cứng đuôi kéo cong ngược, thủ lãnh phần trâu nhột nhật rùng mình, rồi ngoan ngoãn lội sình rời lung. Cả phần ùn ùn lội theo thủ lãnh.

Thằng Sáu vượt mình mẩy, bùn rớt lộp độp.

"Có vậy mà cũng réo om sòm! "Ồi nầy, bậu ơi..."



TRẦN BẢO ĐỊNH

Trời chuyển gam màu sẫm tím từ bìa rừng tràm phía Tây!

* * *

“Chị Bảy! Con Tư ngày một lớn tổng ngồng mà chị cứ cho nó tiếp tục ở bạn giữ trâu phồn Cả Khịa, tui thấy bất an quá!”

Dì Chín, chặn vệt chạy đồng, ghé thăm và đã nói với bà Bảy, má con Tư, như vậy.

Bà Bảy mặt buồn so. Biết rằng vậy, nhưng nhà vay nợ Cả Khịa để chạy thuốc thang cho tía con Tư, cứ tưởng tía nó sống nào ngờ tía nó cũng chết. Lờn vốn gộp lại, con Tư ở bạn giữ trâu phồn cản trở nợ trả qua ba mùa nước nổi mà vẫn chưa xong.

Bà Bảy lại nói gần như phân bua:

“Nhà giàu mới sắm nổi nhiều trâu. ‘Một vũng trâu nằm bằng một năm làm mướn’. Họ bao chiếm đất, mua thêm ruộng; mình nghèo đành đi làm thuê làm mướn; nghề này cũng từ họ mà ra chớ đâu!”

Rồi bà nghĩ tới chuyện đất nổi nước, trâu tràn đồng; tự hỏi rồi ngày mai ngày kia, sắp nhỏ có biết để nhớ!

Mãi suy nghĩ viễn vông, bà quên bụng rỗng khoai mì chạy nước nấu hồi đầu hôm mời dì Chín.

Giữa đồng nước nổi mênh mông, thằng Sáu con Tư mỗi đứa chống một chiếc xuống ba lá ven phồn trâu lặn hụp theo hướng gò Quảng Cung. Trâu đầu phồn lội nước dẫn cả phồn bươn bươn về phía trước; thấp thoáng trên gò Quảng Cung, gò Cà Dâm, gò Me Nước... đã thấy lác đác một số trâu cầm tránh nước. Mưa chạ rồ mặt nước đồng, hai đứa co ro vì lạnh.

Đôi tay thằng Sáu miết cây sào, mồm xuống chồm lên, chiếc xuống lướt sóng lao nhanh cặp mạn xuống con Tư. Thằng Sáu hấp tấp cởi chiếc áo tơi lá chằm đưa con Tư.

“Không, em không lạnh!”

Thằng Sáu thấy môi con Tư tái mét.

Đêm đó con Tư sốt li bì; thằng Sáu quỳnh quáng đốt lửa hong hơi cho người bạn nghèo cùng cảnh ngộ mà lòng dạ rối bời. Nó vái thổ thần và mong trời mau sáng!

2 Tiếng kêu *thằng Sáu* mấy năm trước nay được thay bằng tiếng kêu *anh Sáu* khi anh đã là một chàng lực điền nổi tiếng có biệt tài thuần dưỡng trâu đầu phồn; anh biết cách chiều chuộng và cũng biết cách khuất phục. Với anh, đặc điểm của từng con trâu trong phồn anh nắm rành rẽ; và nếu Cả Khịa đột ngột cần tách lẻ hoặc tách từng bầy, anh tách ngon lành và kết thúc mau hơn bữa tiệc cúng thần nông.

Sau bao năm cực mà vui với phồn trâu, và nhứt là với Đực Nụi, cái tên thân thương do anh đặt cho con trâu đực cổ đầu phồn, anh nghiệm ra, rằng trâu tạo ra lung đất chớ đất không tạo ra lung. Phồn trâu miệt Đồng Tháp Mười áng chừng trên trăm con, đôi khi năm ba trăm cũng không chừng. Mỗi phồn trâu có một thủ lãnh gọi là trâu đầu phồn. Muốn đứng đầu phồn, con trâu đó thường là con trâu đực cổ phải trải qua nhiều thử thách bảo vệ cả phồn và có khi bỏ mạng ngay trên cánh đồng đã nuôi nó lớn lên. Người xưa thường nói: “Bò đá, trâu chém”. Bò quen đá không quen đấu. Vì vậy, muốn đá, bò cần thời gian rình rập lén lút, chờ đối phương sơ hở mới ra chun đá; thường là đá bò con hoặc đá đám con nít chàng ràng chọc phá. Không biết đấu nên bò thiếu tập tính bảo vệ và bất luận kẻ thù nào cũng có thể hiếp đáp, kể cả chiếm cứ nơi nó đang sống. Trâu thì hoàn toàn khác; dứt khoát nó không đá, chỉ đấu và quyết đấu. Đấu như *hiệp sĩ* giải quyết mâu thuẫn trong bầy đàn hoặc trong phồn. Tuyệt nhiên, trâu cùng bầy, cùng phồn không chém nhau chí mạng.

Cặp sừng trâu đực cổ chẳng khác chi hai thanh kiếm, thứ vũ khí trời ban để chống trả và chém trâu phồn lạ một khi chúng dám xâm phạm lãnh địa. Bản lãnh và sự dũng cảm của con trâu đực cổ từng được cả phồn chúng kiến và đồng quy phục, khiến nó nghiêm nhiên trở thành trâu đầu phồn.

Trâu đầu phồn xác lập ranh giới lãnh địa, ra hiệu lệnh

bằng những tiếng kêu rống để phồn trâu xoay vòng dẫm nát để sậy, cỏ hoang dậy sinh ở trấp ngập bùn lầy khoảng đôi ba mẫu đất, làm nơi nghỉ ngơi cho cả phồn, thiên hạ gọi là lung trâu; và nếu trâu bấy ít con thì gọi vũng trâu.

Từ cánh đồng Vĩnh Đại, anh Sáu có việc qua gò Trâu Rống ở Trường Xuân; dọc đường, anh gặp những người anh em có một thời chuyên giữ trâu mướn theo mùa nước, giữa tháng bảy tới gần cuối tháng mười âm lịch hằng năm.

"Hi! Anh Sáu, cột xuống gốc gáo vàng, lên bến nhậu với tụi nầy cho đỡ nhớ, anh!"

Cả đám cười nức bụng trong vui mừng khi bất ngờ gặp lại người quen biết cũ.

Thịt trâu sớ to, dai nhách đang được những người anh em lạng xẻo xỏ lụi rồi luộc sả; thịt chín bốc hơi nóng như khói. Anh hồ nghi những người anh em ngày trước, nay chuyển nghề thành đám trộm trâu. Tích tắc, anh nghĩ tới phồn trâu của anh đang chặn giữ.

Nhỏ lớn anh không ăn thịt trâu, bởi một điều đơn giản là mỗi lần gần gũi da thịt trâu thì anh chẳng nghe mùi trâu. Anh từ chối ngồi chung chiếu vì ngại tháng Mười trời mau tối. Anh chống xuống đi, trước sự ngạc nhiên quá đỗi của những người anh em.

* * *

Rằm tháng Bảy, ánh trăng sáng lòa, sáng tới độ dường như trắng úp mặt hôn mặt nước linh lảng cánh đồng. Những bóng xuống xa nhấp nhô trong sương của những người giăng câu, thả lưới, đặt lộp, đặt lờ... đã làm Sáu không sao ngủ được; lòng anh buồn mơ hồ không duyên cớ. Văng vẳng tiếng hò của một cô gái mang mang theo sóng nước:

Mẹ già như chuối ba hương

Như xôi nếp một như đường mía lau.

và tiếp theo:

Mỗi năm con thắp đèn trời

Cầu cho mẹ sống đời đời với con.

Thì ra, trăng đêm nay là trăng Vu-lan! Sáu không biết má là ai nên không biết *chuối ba hương, xôi nếp một, đường mía lau...* nó như thế nào; Sáu cũng không biết má là ai để cầu nguyện cho má. Nghe nói, anh vừa lọt lòng đã mồ côi mẹ. Anh bước ra chòi giữ trâu, ngồi bệ đất nghe sóng vỗ lách tách dưới chơn gò; tự dưng anh nhớ tới cô Tư, người cùng anh sống nhiều năm cận kề chặn giữ phồn trâu. Khi cô Tư ở bạn cần trừ xong nợ Cả Khịa thì cũng là lúc anh mất cô Tư và sống lẻ loi một mình giữa phồn trâu. Lần đầu, anh cảm thấy mình cô đơn; và hình như tình yêu vừa đến với anh trong đêm nay!

Phồn trâu ở gò Trâu Rống rừng rùng rợn tán loạn... Mấy chục chiếc xuống ẩn hiện như những bóng ma, chia cắt phồn trâu rã phồn. Đám cướp về mặt, bồi bùn sinh khắp mình mẩy cho bóng hơi người để Đực Nụi, con trâu đầu

phồn, không đánh hơi phát hiện. Thành linh, chúng lén cắt nhượng chân Đực Nụi; nó rống lên tiếng rống chả khác cơn địa chấn và kịp hất tung kẻ cắt nhượng nó, rồi dùng sừng chém chết tốt hai tên cướp trước lúc khuy xuống. Sáu phóng vô chòi, xách cây chia ba chạy xốc tới... Độ chục tên cầm giáo, mác, búa... vây quanh. Nhìn bộ dạng của chúng, Sáu thấy quen quen. Cùng lúc, chúng hè nhau xông vào tấn công Sáu, đứa đâm đứa chém... Đực Nụi rống lên khiến chúng khiếp đảm dạt ra... nhưng ngần đó chưa đủ làm chúng sợ; và dù Sáu có là *mãnh hổ cũng nan địch quần hổ!*

Đám cướp khiêng xác đồng bọn xuống xuống và bỏ đi sau khi cướp được phồn trâu Cả Khịa.

Thân thể bê bết máu, Sáu nằm bất động thờ thoi thóp... mắt anh không còn nhìn thấy trăng rằm Vu-lan!

3 "Tư ơi... T... ư... Con Tư, đâu rồi bây?"

Má gọi giục ngược cô Tư như giặc tới.

"Dạ! Con đây, nè! Con đang chuẩn bị bánh trôi nước cúng rằm Vu-lan đem vô cho anh Sáu. Lâu lắm rồi, lu bu công việc, con không có đi thăm anh!"

"Đẹp, đẹp hết! Thành Sáu bị đám cướp phồn trâu đâm ở gò Trâu Rống hồi đêm".

"Ai nói với má?"

Tư sững sờ, hốt hoảng hỏi má.

"Kẻ ăn người ở nhà Cả Khịa la làng rần trời, chớ ai! ».

Tư điếng hồn, buông giỏ đồ ăn rớt đất, chén tộ bể, đồ ăn văng tung tóe!

* * *

Tư nuốt nước mắt, cắn môi để ngăn khóc bật thành tiếng làm dao động lòng anh Sáu trong thời khắc *thập tử nhất sinh*. Bờ đầu anh Sáu gối lên bắp vế mình, Tư muốn thầm nói với anh, rằng: *Em mãi mãi thuộc về anh!*

Đực Nụi cố chòi đập cái chơn dứt gân nhượng để đứng dậy nhưng bất khả. Dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt bi thiết của Đực Nụi như nó đang tự trách không bảo vệ được phồn, được chủ chặn phồn, và ngay cả bản thân nó. Đực Nụi rống lên tiếng rống nào nùng!

Tư cúi xuống lau máu và nước mắt cho anh Sáu. Mây khói đèn bùng trời, và trời sắp đổ mưa.

Tư mơ hồ nhớ lại:

Thường thì, người ta hay nói 'ngu như bò' vì bò cả tin nên dễ bị kẻ khác dụ dỗ, lừa đảo chiếm nơi ăn chốn ở của nó. Ít ai nói 'ngu như trâu' vì trâu biết nghe, biết làm theo ý chủ chăn và quy phục kẻ đứng đầu phồn, con đầu đàn. Thiên hạ nói 'Đàn gậy tai trâu', e có lẽ chưa đúng, bởi lời gian dối được che đậy ở tiếng ngọt bùi. Trâu không nghe và chỉ làm theo bản tính tự nhiên. Dù thế thái có ra sao, trâu vẫn một lòng ăn ở có ơn tình với người. Nhờ vậy, trâu mới kết bạn được với nhà nông!

Tư bỗng thấy mình đến với anh Sáu, đang ở cạnh bên anh Sáu, quả là Tư như trâu tìm cột. Nhưng giờ đây cột đã ngã rồi!

Ồi!... Anh Sáu! ■



Về Quảng Ngãi văn cảnh chùa Thiên Ấn

Bài & ảnh: PHẠM TUẤN

Về thăm Quảng Ngãi, sẽ chưa thật trọn vẹn nếu bạn chưa một lần lên giữa núi văn cảnh chùa Thiên Ấn. Đây là một trong những danh tự của tỉnh Quảng Ngãi, được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia năm 1990.

Thiên Ấn cổ tự tọa lạc trên đỉnh núi Thiên Ấn, thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, cách sông Trà Khúc và TP Quảng Ngãi khoảng 3km. Cùng với chùa Hoa Nghiêm (TP Quảng Ngãi), chùa Ông Thu Xà (huyện Tư Nghĩa), chùa Hang (huyện đảo Lý Sơn), chùa Diêm Điền (huyện Sơn Tịnh), chùa Thiên Ấn là một trong những ngôi cổ tự lâu đời nhất ở xứ Cầm Thành.

Theo một số tài liệu, chùa Thiên Ấn được khởi công xây dựng vào năm 1694, hoàn thành cuối năm 1695, do Thiền sư Pháp Hóa (1670-1754) sáng lập. Năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1716, đời vua Lê Dụ Tông ở Đàng Ngoài), chúa Nguyễn Phúc Chu ở Đàng Trong, một người sùng đạo Phật, đã ban cho chùa biển ngạch "Sắc tứ Thiên Ấn tự". Như vậy, từ khi khai sơn đến nay, chùa Thiên Ấn đã trải qua hơn 300 năm, với 15 đời trụ trì, trong số đó có sáu vị được tôn là sư tổ, gọi chung là "lục tổ".

So với các danh tự khác, chùa Thiên Ấn có kiến trúc đơn giản hơn. Nhà phương trượng của chùa được xây theo kiến trúc nhà rường. Trong khuôn viên chùa có giếng cổ sâu hơn 50 thước, xây bằng đá ong đeo nhãn, nước ngọt và trong, gọi là giếng Phật, tương truyền do sư tổ của chùa tự đào trong suốt 20 năm, đến khi giếng hoàn thành thì sư viên tịch. Trong chùa còn có một chuông đồng lớn, tục gọi chuông Thần, được thỉnh về từ làng đúc đồng Chí Tượng

(nay là xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi) vào năm 1845 dưới thời vua Thiệu Trị. Điểm đặc biệt nhất của ngôi cổ tự này là địa thế trên đỉnh Thiên Ấn, một ngọn núi linh thiêng trong tâm thức của người dân Quảng Ngãi.

Phía Đông của chùa, nằm dưới hàng cây cổ thụ là các ngôi bảo tháp, nơi an táng các vị sư tổ và sư trụ trì của chùa. Trong chùa còn có nhiều hạng mục mới xây như vườn cây Lâm-tì-ni, bảo tháp chín tầng, tường Quan Âm Bồ-tát... Cũng trên đỉnh Thiên Ấn, gần chùa theo hướng Tây là phần mộ của nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng được người dân địa phương an táng vào năm 1947. Cùng với chùa Thiên Ấn, mộ cụ Huỳnh được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Văn cảnh chùa Thiên Ấn, du khách như lạc vào cõi thiền giữa cảnh núi rừng tĩnh mịch, không khí trong lành, không gian yên ắng khoáng đạt khiến lòng người thư thái, thanh tịnh như được gột rửa hết bụi trần. Đỉnh núi Thiên Ấn bằng phẳng, có nhiều loại cây ăn quả, các hàng cây cổ thụ và những con đường len lỏi giữa núi rừng, là nơi khách bộ hành thưởng cảnh lí tưởng. Từ chùa Thiên Ấn nhìn về phía sông Trà Khúc, cả một vùng rộng lớn như thu vào tầm mắt, du khách sẽ cảm được hết tình quê hương, non nước của người Quảng Ngãi trong câu ca dao đã từ lâu đi vào tâm thức con người nơi đây: *Ai về núi Ấn, sông Trà...*

Về Quảng Ngãi, du khách hãy tạm gác lại những bộn bề cuộc sống, một lần lên đỉnh non thiêng văn cảnh chùa Thiên Ấn. Rời khỏi chốn đô thị ồn ào, lên Thiên Ấn lạc vào cõi Phật, bạn sẽ thấy lòng mình an yên, thư thái hơn nhiều... ■



Nguồn: static.panoramio.com

Hoài cổ chợ Bình Phước

TRÀ KIM LONG

Ở Sài Gòn không thiếu những ngôi chợ có tuổi đời khá cao, nhưng thò đến hơn một thế kỷ có lẽ chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Chợ Bình Phước là một trong những ngôi chợ khan hiếm ấy.

Nằm trên Quốc lộ 13 cũ, cách Quốc lộ 1A chừng vài mươi mét hướng về Sài Gòn, chợ Bình Phước có thể nói là trung tâm buôn bán của phường Hiệp Bình Phước và một số phường lân cận thuộc quận Thủ Đức, kể cả một số hộ thuộc tỉnh Bình Dương. Chợ hoạt động suốt ngày từ sáng sớm đến chiều tối, buôn bán gần đủ các mặt hàng như những chợ khác. Về đêm, những người

bán lẻ còn bày hàng la liệt dọc theo hai bên lề đường trước mặt chợ, hoạt động của người mua người bán kéo dài đến 8-9 giờ tối mới thôi. Ngay trên đầu mặt tiền của ngôi chợ có khắc rõ năm thành lập: 1914¹.

Thời đó, Hiệp Bình Phước là một xã nghèo nằm cách xa thành phố, đất rộng người thưa, đường sá chưa được mở mang, phương tiện đi lại khó khăn, chưa có chợ búa. Muốn mua sắm hay bán phẩm vật thủ công phải tìm địa phương khác. Về Sài Gòn thì hoặc đi bộ hoặc đi bằng xe bò. Muốn qua An Phú Đông thì phải qua sông Sài Gòn bằng đò. Sinh cơ chủ yếu của cư dân nơi đây là nghề trồng mía, nấu đường. Những đám mía



được trồng bạt ngàn bằng mồ hôi nước mắt của nông dân, đến mùa thu hoạch đều tập trung về các lò nấu đường nổi tiếng lúc bấy giờ như lò Sáu Lắm, Trương Lâm, Chín Mưng, Hai Dì... để làm ra sản phẩm.

Lúc bấy giờ trong làng có Hội đồng Vườn là một phú ông nổi tiếng giàu có, trong tay sở hữu nhiều cơ ngơi to lớn và một vùng đất rộng thênh thang có ý định kinh doanh ngôi chợ làng. Ông bỏ tiền ra xây một ngôi chợ ngay trên khu đất của mình để "lấy tiền chỗ" của những người muốn vào buôn bán, đặt tên là chợ Hiệp Bình. Chợ hoàn thành đưa vào hoạt động từ năm 1914. Những trụ cột của chợ được xây bằng gạch, kết dính bằng chất vôi trộn với mật đường vì chưa biết đến xi-măng là gì. Tiếp sau đó, dân làng đóng góp công của xây dựng được một ngôi võ miếu để thờ Tiên sư ngay phía sau chợ nhằm phục vụ tín ngưỡng địa phương.

Ban đầu, chợ chỉ buôn bán những mặt hàng khô, hàng thổ sản, rau cải... người bán bày hàng để bán trên những tấm gỗ kê gần sát mặt đất có diện tích khoảng chừng một mét vuông. Người mua kẻ bán quanh quẩn cũng chỉ là nông dân trong xã. Sau mỗi buổi chợ, những tấm gỗ kê hàng ấy cũng được mang

về nhà cùng với món hàng còn lại, ngoại trừ một thớt thịt heo duy nhất là chiếc bàn còn để nguyên tại chỗ. Chợ chỉ họp mỗi ngày vào buổi sáng, đến trưa chỉ còn là khu nhà trống. Dần dần về sau trẻ con trong làng dùng lòng chợ trống ấy đem banh vào đá với nhau. Trước sân chợ, người lớn thường chơi đá cầu.

Chợ Hiệp Bình càng ngày càng phát triển những mặt hàng nhu yếu phẩm, người mua kẻ bán có đông hơn. Nhiều năm sau, chợ được đổi tên là Bình Phước nhưng khuôn viên, hình thức của chợ vẫn không thay đổi và cũng chỉ họp chợ vào mỗi buổi sáng.

Khi phương tiện giao thông đã thuận lợi, một số gánh hát cải lương đã tìm về thuê nhà lồng chợ để trình diễn hàng đêm. Họ dùng những tấm cót, tấm màn che kín quanh nhà lồng chợ, bán vé cho người vào xem. Đến sáng, chợ vẫn họp mà màn che của gánh hát vẫn để nguyên như cũ. Nhưng dường như không có gánh hát nào về trình diễn tại chợ Bình Phước mà kết cuộc không phải gặp những khó khăn. Thu nhập không đủ cho việc chi phí nên bầu gánh đến nghệ sĩ, nhân viên đều phải lâm vào cảnh đói khát, cuối cùng rồi phải dọn gánh đi nơi khác trong sự thất vọng.

Ông Nguyễn Văn Huệ, một lão ông với 79 tuổi đời đã về định cư nơi trước chợ Bình Phước khi xung quanh nhà chỉ còn cỏ dại, chưa có điện về, đã kể lại: Có hôm ông đã đứng ra mua chịu gạo giùm cho gánh hát để họ có cái ăn. Đến tối, đợi khi gánh hát bán được vé mới lấy tiền trả lại cho quán. Ông nói: *"Sau ngày thống nhất, chỉ có gánh Long An là trụ được lâu nhất"*.

Năm 1970, Quốc lộ 13 đoạn ngang chợ Bình Phước được chuyển về hướng Đông, nhưng không vì thế mà chợ thiếu phần nhộn nhịp. Sau ngày thống nhất, võ miếu Tiên sư được trưng dụng làm kho chứa vật tư của tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Bên trái chợ từ ngoài nhìn vào, người ta xây thêm hai gian hàng hợp tác xã mua bán. Khi hợp tác xã không còn tồn tại, võ miếu Tiên sư được phá bỏ để mở rộng thêm chợ. Hai gian hàng của hợp tác xã mua bán được bán hóa giá cho tư nhân, nay là hiệu vàng Tám Nhung. Phía bên phải trước mặt chợ xây lên văn phòng của ban quản lý.

Theo với đà phát triển chung, chợ Bình Phước họp thường xuyên đông đúc nhộn nhịp suốt ngày với gần đủ các mặt hàng được phân chia ổn định từng dãy sạp theo từng loại mặt hàng thật khang trang, theo đúng với phương châm: *"giữ vững chợ văn minh thương nghiệp"*.

Hơn một thế kỷ đã qua, chợ Bình Phước vẫn đang tồn tại và phát triển, phục vụ tốt cho nhu cầu mua sắm ngày càng cao nhưng vẫn không mất đi cái nét cổ kính và lòng ghi nhớ của người dân địa phương. ■

Chú thích:

1. Theo các bộ lão địa phương thì chợ chính thức xây dựng vào năm 1911 chứ không phải năm 1914 như đã ghi trên mặt tiền nhà lồng chợ.



Tết Trung thu thời nghèo khó

Những ngày thơ bé, còn sống ở làng quê, cứ tới mùa Tết Trung thu thì hầu như tất cả trẻ con trong xóm - tất nhiên là kể cả tôi nữa - lại háo hức mong chờ cho đêm Trung thu tới thật nhanh để cả bọn được rước đèn và phá cỗ dưới trăng thỏa thích.

Không như Tết Trung thu của thời nay, khi đời sống kinh tế đã khá giả thì nhà nào cũng có thể mua sắm cho con cái vài ba hộp bánh, mấy món đồ chơi hiện đại đa sắc màu chạy bằng pin... Tết Trung thu vào cái thời của tuổi thơ tôi, cuộc sống còn nghèo khó, đám trẻ con nhà nghèo ở làng quê như chúng tôi làm gì dám có những mơ ước cao xa, chỉ mong muốn sao cho có được vài món đồ chơi dân dã mà cũng có mấy khi được thỏa dạ. Thế nhưng những khao khát hòa vào niềm vui đêm Tết Trung thu lúc nào cũng cháy bỏng trong lòng đám trẻ con chúng tôi ngày ấy.

Bấy giờ, gia đình tôi rất nghèo; ngay cả cái ăn cái mặc hàng ngày của mấy anh chị em chúng tôi cũng vẫn thường thiếu trước hụt sau; thế nên dù chỉ một chiếc đèn lồng để rước đi chơi cùng với bạn bè trong

đêm chính hội Trung thu đối với anh chị em tôi cũng là quá tầm tay. Ba mẹ thương chúng tôi thua thiệt so với lũ trẻ của các hộ gia đình khác nhưng chẳng biết làm sao. Những lúc buồn ngủ như vậy, mẹ tôi thường ngoảnh mặt đi và gạt nước mắt... Ba tôi cũng chỉ biết vỗ về khuyến khích mấy anh chị em chúng tôi với lời hứa, mai này nhà mình khá lên thì ba mẹ sẽ tổ chức cho các con những đêm Tết Trung thu thịnh soạn...

Ý thức thân phận nhà nghèo, chẳng bao giờ anh chị em chúng tôi đòi hỏi điều gì để làm ba mẹ phải buồn, phải nghĩ suy! Nhưng những khi thấy đám bạn cùng trang lứa thuộc các gia đình có điều kiện, vào khoảng trước đêm Trung thu từ vài tuần đến vài ngày, đã được ba mẹ sắm sửa cho những chiếc đèn kéo quân, những chiếc trống ếch... làm sao chúng tôi lại không thêm muốn được sở hữu những thứ ấy? Thế rồi trong niềm khao khát, tôi đã có một sáng kiến. Có lần, tôi đã mượn các món đồ chơi của một vài người bạn hào phóng để mày mò "nghiên cứu" để rồi có thể tự làm!

Tôi còn nhớ rõ, năm ấy tôi mới học lớp năm trường xã, gần đến Tết Trung thu, tôi đã dốc hết số tiền đã



NGUYỄN THỊ LOAN

dành dụm được, mang đi mua giấy bóng màu và nhiều phụ kiện khác để làm chiếc đèn ông sao đầu tiên theo mẫu của một người bạn cùng lớp đã tin tưởng cho tôi mượn đem về nhà tìm hiểu suốt một ngày. Nguyên liệu căn bản là nan tre thì bố tôi đã chẻ giúp. Tất nhiên chiếc đèn của tôi làm ra không thể đẹp như lồng đèn bày bán trong tiệm hay ở chợ, nhưng nó vẫn là chiếc đèn ông sao, có cả chỗ để gắn cây nến (đèn cầy) đỏ nhỏ xíu. Năm ấy, chị em tôi rất hạnh diện khi cùng nhau “khiêng” chung một cái đèn ông sao đi rước đèn với các bạn trong xóm.

Khi tôi đã vào học cấp 2, dịp cận Trung thu, ngoài thời gian tới trường học ra thì hầu như tôi dành hết thời gian rảnh rỗi chúi đầu vào làm lồng đèn cho các em, cho tôi, và cho những bạn hàng xóm nghèo. Những lúc tổ chức làm lồng đèn thường rất vui nhộn, khi bọn chúng tôi phân công mỗi đứa một việc, khi đứa thì chẻ tre vót khung nan lồng đèn; đứa lo giấy màu để dán; trong khi những đứa khéo tay thì đảm nhiệm khâu ráp lồng đèn, hoàn chỉnh các công việc trang trí... Bọn con nhà khá giả được ba mẹ mua cho nhiều loại đồ chơi,

thường chúng không tham gia các buổi làm lồng đèn, mà chúng tôi đều chỉ toàn là con nhà nghèo tụ hội với nhau mà thôi. Có khi, một dịp Trung thu bọn chúng tôi phải hoàn thành cả chục chiếc lồng đèn, bởi mỗi đứa đều muốn sở hữu riêng một chiếc, chứ không đứa nào chịu chơi chung một chiếc lồng đèn với nhau.

Luôn hài lòng và thích thú với những chiếc lồng đèn tự làm, hay vài món đồ chơi khác như chong chóng, con quay... nhưng niềm mong ngóng và thích thú lớn hơn cả đó là được ăn nhiều bánh, trái cây trong đêm phá cỗ. Thế nhưng, như đã nói, nhà nghèo nên mẹ tôi chỉ có thể soạn một mâm cỗ Tết Trung thu với những trái bưởi, na, mít, ổi, nhãn... hái trong vườn, chứ bánh dẻo bánh nướng chỉ hiếm năm mới có. Bánh dẻo bánh nướng được coi là món đặc trưng của cỗ Tết Trung thu, nhưng có nhiều mùa Trung thu tôi không được ăn, và nó trở thành món ăn xa xỉ đối với nhiều đứa trẻ quê nghèo khác.

Thực ra thì năm nào Tết Trung thu trong xã cũng vận động quyên góp tiền của những gia đình khá giả, các mạnh thường quân, để mua một số lượng bánh nướng bánh dẻo, sau đó cắt làm nhiều phần để chia, phát cho các em nhỏ trong địa phương. Số lượng bánh có hạn, vì vậy mỗi gia đình nghèo có khi chỉ nhận được vài phần bánh dẻo, bánh nướng nho nhỏ, mà do tôi là con cả, vì thế những phần bánh gia đình nhận được tôi đều phải nhường cho các em, chứ hầu như là không được ăn, hoặc chỉ khi nào các em thương tình bẻ cho một chút để nếm mà thôi!

Nhìn Trung thu bây giờ nghĩ về Trung thu của những ngày thơ bé nơi quê nghèo thấy tủi, chạnh lòng, khi không chỉ trẻ thành phố, mà trẻ nông thôn thời nay cũng không còn cái cảm giác ngóng đợi và thèm bánh nướng bánh dẻo như bọn nhỏ chúng tôi khi xưa nữa, bởi điều kiện kinh tế bây giờ đều khá hơn trước, hơn thế bánh Trung thu được bày bán ở khắp các hàng cùng ngõ hẻm, tiện lợi, và giá thành thì cũng không đến nỗi đắt đỏ so với các loại bánh bình dân.

Trung thu lại sắp về, những hoài niệm về một thời ấu thơ nghèo khó lại hiện về với biết bao kỷ niệm trong tôi. Giờ đây, cảm giác thèm được ăn bánh nướng bánh dẻo thỏa thích không còn nữa, bởi tôi có thể bỏ tiền ra để mua vài hộp bánh ăn mà không chút đắn đo, nhưng mừng tượng về cái thời bé nhỏ ấy sao mà thấy thương mình, thương bọn trẻ xóm nghèo đến thế, bởi trong sự nghèo đói thì thiếu thốn đủ đường, nên một miếng bánh ngon, một bữa ăn no cũng thèm là điều hiển nhiên!

Nhớ về Trung thu ngày xưa, trong tôi cũng chất chứa bao nỗi nghẹn ngào khi nghĩ công cha nghĩa mẹ lớn lao, bởi cả một đời gian lao vất vả và trải qua đói nghèo, nay khi mà các con dần trưởng thành, cuộc sống tạm đủ đầy để báo đáp, chưa kịp hưởng thụ thì mẹ cha đã vội vã trở thành người thiên cổ mất rồi... ■



Cua đồng mùa gặt

MAI HOÀNG

Đến thăm nhà vợ chồng người bạn trong một chiều mùa thu trời khá oi bức; nắng bên ngoài dường như còn níu kéo khoảng trời mùa hạ, rát bỏng như độ giữa mùa. Mãi mê, huyền thuyên chuyện trò quên khoảng là đã đến giờ trưa. Vợ bạn từ trong bếp vọng ra *"Mời anh ở lại ăn cơm với nhà em, chẳng mấy khi"*. Cũng muốn từ chối nhưng không nỡ, sợ vợ chồng bạn nghĩ khách sáo. Thôi thì ở lại dùng bữa cơm vậy! Ý nghĩ vừa mới thoáng chạy qua đầu, bạn đã lại chêm vào *"Ở lại ăn cơm với nhà tao, hôm nay có món canh cua đồng tuyệt hảo đấy!"*.

Canh-cua-đồng ba từ vang lên vừa lạ lẫm lại vừa quen thuộc. Tôi vốn sinh ra ở quê, là dân làm ruộng thứ thiệt. Ngày còn nhỏ, đến mùa gặt, bữa cơm nào cũng được mẹ nấu canh cua cho ăn. Còn lạ lẫm, chắc cũng dễ đến chục năm rồi tôi chưa ăn lại món canh cua đồng, kể từ khi rời quê lên phố học rồi làm việc. Năm tháng sinh viên ở với lũ bạn, bữa cơm cũng chỉ đạm bạc quần quanh rau củ, thỉnh thoảng có thêm ít miếng thịt cho qua ngày qua tháng. Ra trường, đi làm bận rộn, làm bạn với cơm bụi, cơm văn phòng. Nhiều lúc ngẫm lại chuyện bạn tôi bây giờ, lấy vợ sớm lại là một cái hay. Cái hay, cái được nhất là luôn có những bữa cơm gia đình thơm tất của vợ nấu cho mỗi ngày. Còn tôi, một gã trai độc thân, nay thích thì ra quán ăn, mai hứng lên thì chui vào bếp nấu một vài món đơn giản, chẳng theo trật tự, thói quen nào hết.

Tôi nhớ cua đồng nhiều nhất là vào mùa gặt, khi cả cánh đồng bắt đầu được nhuộm vàng như một tấm thảm vàng óng ánh tuyệt đẹp. Với lũ trẻ con, cứ đến mùa gặt lại háo hức, chẳng phải giúp đỡ bố mẹ gặt hái lúa má gì, mà là thỏa thú bắt cua đồng. Đứa thì cầm giỏ tre, đứa lại dùng xô nhựa, cắp nách bên hông, chờ mảnh ruộng nào gặt xong liền sà xuống như một lũ chim sẻ háu ăn ríu rít. Chỉ loanh quanh một chỗ cũng có thể bắt gần chục chú cua đồng béo múp míp. Thú nhất vẫn là những hôm vừa tạnh mưa, mát trời, cua bò ra lổm ngổm nhiều vô kể. Chỉ chờ có thế lũ trẻ con chúng tôi nhanh chóng tóm gọn từng chú bỏ vào giỏ.

Nhưng lũ cua chỉ "dại" trong vài ngày đầu, những ngày sau chúng rất khôn. Chỉ cần nghe tiếng động là chúng tá hỏa chui vào trong lãnh địa của mình (thường là những hốc rạ sâu hun hút ngay bờ kè ruộng). Cái khó ló cái khôn, chúng tôi mang theo dao cùn phá vỡ lãnh địa của chúng. Trong đám trẻ ngày xưa tôi là đứa lười, chẳng chuẩn bị dao cùn mà dùng tay không bắt

cua. Tức là nhằm cái lãnh địa của chúng, tôi cứ thọc tay thật sâu, cho đến khi tóm được chúng thì thôi. Đối lại cho sự lười biếng của tôi là bàn tay xước xát vì va chạm vào đất cứng, thỉnh thoảng lại sợ xanh mặt khi vô tình chạm phải rắn nước. Thật hú hồn!

Cuối buổi, mặt đĩa nào đĩa nấy đều nhọ nhem bùn đất nhưng đều hân hoan rạng ngời cùng giỏ cua đầy ụ. Thường thì một phần ba số cua mẹ tôi chế biến nấu canh, còn lại thì rang giòn lên. Có khi chiến lợi phẩm được giao quyền cho bọn trẻ tự chế biến. Chúng tôi phân công nhau kiểm củi, xẻ mai cua ra xiên qua thân tre và bắt đầu nướng. Chỉ trong chốc lát, cua chuyển màu đỏ, vàng rộm, một mùi thơm bốc lên tan vào hương lúa đồng mênh mang. Bữa tiệc được tiến hành trên bờ ruộng, người lớn đi ngang đôi khi cũng góp vui, nhâm nhi một vài chú cua béo múp.

Lan man chuyện cua mà quên mất chính là món canh cua. Canh cua đồng có thể nấu với bất cứ loại rau nào: rau lang, rau muống, rau ngót hay rau mồng tơi. Tôi nhớ nhất trong bữa ăn là câu nói của bố. *"Ăn canh cua mà thiếu cà pháo muối thì vị ngon giảm đi phân nửa"*. Mà đúng thế thật, cảm giác ăn một ngum canh cua rồi cắn lấy một miếng cà giòn giòn chua chua thích lắm. Mẹ tôi nói đùa, bảo rằng chúng làm hao biết bao nhiêu là cơm. Thật vậy, hôm nào bữa cơm có canh cua đồng là tôi ăn no đến canh hông.

Bữa ăn nhà bạn có canh cua đồng cũng thêm bát cà pháo muối rất ngon nhưng công bằng mà nói tôi vẫn chưa thấy ngon bằng bát canh hồi xưa tôi ăn của mẹ. Cũng có thể khi xưa nghèo đói nên tôi thấy ăn ngon chẳng? Và cũng có thể do tôi quen với khẩu vị của mẹ nấu hàng ngày.

Vợ bạn bảo thực ra bây giờ ở phố, cua đồng cũng được bày bán rất nhiều, nhưng cua đồng từ quê lên rất hiếm, đi chợ thân quen, kiếm được mới mới mua được cua đồng chính gốc. Sau bữa ăn nhà bạn, tôi gọi điện về cho mẹ, nửa đùa nửa thật rằng đang thèm canh cua đồng lắm! Mẹ tôi bảo cua đồng bây giờ ở quê rất hiếm, gần như đã tuyệt chủng bởi các hóa chất con người sử dụng như thuốc trừ cỏ, trừ sâu... Tự dưng tim tôi nghèn nghẹn. Gã trai qua tuổi băm, nghe mẹ nói xong mà xót xa ở trong lòng. Với tôi cua đồng mùa gặt là một phần ký ức không thể xa rời. Nó là loài vật bé thôi nhưng sao mà thấy quý giá lắm! Trong giấc mơ thị thành thỉnh thoảng vẫn chèn ngang giấc mơ quê mùa, có bát canh cua thân thuộc đến nao lòng! ■



Nhớ mùa thu Hà Nội

NGUYỄN LỘNG

Sinh ra và lớn lên ở thủ đô Hà Nội nên tuổi thơ tôi được đo đếm bằng chiều dài thời gian của những mùa thu đi qua rồi trở lại. Ký ức của một thời hồng hoang về mùa thu Hà Nội với đặc trưng là gió heo may, hương cốm, mùi hương hoa sữa và các con phố trầm mặc ngập tràn lá vàng rơi... luôn theo mãi trong tôi như một cuốn nhật ký cuộc đời không bao giờ có thể mờ phai.

Hà Nội vào thu sao mà đẹp, mà quyến rũ quá đời, và nỗi nhớ khung cảnh mùa thu, nếp sống của con người Hà Nội bình dị ấy cứ đeo đẳng, cứ đau đáu trong tiềm thức của một người con xa xứ như tôi. Tính tới nay, đã là ba mùa thu có lẽ tôi xa Hà Nội, tạm biệt thủ đô yêu dấu để đến với thành phố phương Nam ồn ào sôi động đầy nắng và gió.

Tôi không phải là một người quá hoài cổ, bởi vùng đất mới cũng đã làm cho tôi quen và dần yêu mến nó. Thế nhưng không hiểu sao, mỗi mùa thu tới là lòng tôi lại xốn xang, lại bồn chồn và nao lòng ngóng trông về phương Bắc; nơi có một mùa thu rất đẹp và rất riêng mà chẳng một mùa thu ở nơi nào có được những nét đặc trưng thi vị đầy quyến rũ như thế. Nhiều đêm thu tôi bồn chồn nện gót qua các con phố sôi động và rực rỡ sắc màu của Sài Thành, nhưng tâm hồn thì vẫn không nguôi nỗi nhớ mùi hương hoa sữa của Hà Nội hàng đêm nồng nàn lan tỏa ngập tràn phố vắng. Vàng, có rất nhiều thành phố, vùng miền trên đất nước này trồng hoa sữa lấy bóng mát trên đường phố; song, tôi thấy chỉ hoa sữa Hà Nội mới có mùi thơm dịu nhẹ nhàng đầy quyến rũ. Tôi nghĩ, chẳng riêng gì tôi, mà hết thảy những con người Hà Nội đã sinh ra và lớn lên trên mảnh đất ấy, hoặc cũng có những năm tháng gắn bó với thủ đô, thì cũng đều nao lòng nhớ về hoa sữa mùa thu Hà Nội, nơi có những đường phố trồng toàn cây sữa, như phố Quang Trung, đường Nguyễn Du, phố Bà Triệu... đã đi vào thơ ca, nhạc họa, và là biểu tượng sắc màu của mùa thu khó quên đối với nhiều thế hệ người Hà Nội, cũng như những người đã từng đến đây và yêu thành phố này. Nói như vậy có thể nhiều người nghĩ tôi "đề cao" hoa sữa Hà Nội quá, song quả là nếu ai đã một lần đi dưới con phố mùa thu ngắm nhìn hoa sữa bên những

mái nhà ngói cổ rêu phong, lò xô mới thấy nó thi vị làm sao và tôi cam đoan là bạn sẽ nhớ mãi, ấn tượng khó phai về một khoảng khắc thu Hà Nội...

Nhắc tới mùa thu Hà Nội là tôi cũng nhớ và thèm quá món cốm làng Vòng gói trong lá sen Tây Hồ mà mỗi buổi sớm mai các bà, các chị quẩy gánh vào phố bán. Chẳng phải dịp Trung thu mới được ăn cốm, mà cốm Vòng chúng tôi được bố mẹ mua cho ăn luôn hàng ngày. Tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác ngon ngọt khi ăn cốm non với chuối tiêu chín vàng trứng cuốc. Mùi thơm của chuối, của cốm; vị béo ngày ngày của cốm; vị ngọt sặt như đường phèn của chuối tiêu hòa quyện vào nhau khiến người thưởng thức món ẩm thực đậm chất thôn quê dân dã này sẽ chẳng bao giờ có thể quên được nếu như đã trót nếm thử một lần...

Mùa thu Hà Nội không chỉ có cốm làng Vòng, có hương hoa sữa, mà chỉ cần một chút hanh hao se lạnh của gió heo may chạm vào tâm hồn, da thịt cũng đã đủ làm tôi nhớ đến sắt se lòng. Ôi, tôi nhớ không nguôi những buổi sớm tinh sương khi trời còn lạnh, chị tôi đã đánh thức dậy ra Hồ Gươm tập thể dục và ngắm thảm hoa lộc vừng đỏ dưới mặt nước hồ thu bóng bệ. Tôi quên làm sao được những đêm dạo phố với bè bạn rồi chọn hàng ngô nếp nướng ngồi quây quần xung quanh, chờ đợi và thưởng thức. Ngồi bên chậu than hoa, nghe tiếng nổ lép bép của ngô, vừa ăn ngô vừa thưởng ngoạn cảnh sắc tuyệt đẹp và khung cảnh mùa thu êm đềm mới tuyệt làm sao... Chỉ cần mường tượng, chỉ mới chỉ nhắc tới những kỷ niệm đó thôi thì sự thèm muốn đã chan chứa đến ứa cả nước miếng. Biết sở thích của tôi, năm nào khi mùa thu tới mẹ cũng gửi vào phương Nam cho tôi vài bịch quả cốm và mấy thứ quả mà phương Nam không có...

Nỗi nhớ miên man, mùa thu Hà Nội cứ hiện về mồn một qua kỷ niệm bằng sự tưởng tượng, hình ảnh, và bằng ca từ qua bài hát *Nhớ mùa thu Hà Nội* của cố nhạc sĩ họ Trịnh tài hoa. Cảm ơn Trịnh Công Sơn - người đã mang mùa thu Hà Nội với đầy đủ hương vị và sắc màu cho tôi, cho hết thảy những người con xa xứ và cả những ai yêu Hà Nội và tâm huyết với mảnh đất ngàn năm văn hiến này. ■

Giai điệu mùa thu

Có những giai điệu chảy tràn thương nhớ, khe khẽ vỗ về tâm hồn như sông như suối, như núi như đồi. Và có vẻ như chỉ có thiên nhiên mới thấu rõ nỗi niềm của con người, trong khúc ca bất tận của sự sống. Chúng ta cần rất nhiều nốt lặng, cho dòng suy tưởng bền chặt, dài lâu, cái khoảng trống được lấp đầy bởi khu vườn tuổi thơ đầy sắc màu, nơi mà mỗi ngày ngóng trông búp hoa hái trái, nơi mà mỗi bước chân dịu dàng ngan ngát hương thơm, nơi mà mỗi nụ cười luôn nở trên má hồng thơ dại, rồi chúng ta lớn lên cùng năm tháng.

Qua những mùa chia tay, mỗi hồi phút giao mùa dường như chất mặn hơn, long đong hơn, rất bồng bồng hơn. Một mùa vàng vui đùa với gió, để mặc quê hương lớn lên từng ngày, đổi thịt thay da. Còn đâu đó câu hát ru ngày cũ khẽ rung lên từ buổi chiều giông gió, cây cối nghiêng ngả, căn nhà rồi bời, thấp thỏm âu lo. Giai điệu ngày xưa chảy tràn thương nhớ, đánh động con tim một thuở hồn nhiên, trong trẻo, cứ thế, cứ thế chìm mãi vào giấc mơ không bao giờ quay trở lại.

Những tấm thiệp hồng dày lên theo mưa nắng, cũng là bao mùa thu đi qua, những cuộc tiễn đưa rộn ràng quện hòa nước mắt, có lẽ hôm nay là ngày em vu quy.

Bước qua dòng sông hỏi từng con sóng

Đời người con gái không muốn yêu ai được không?

(Thái Thịnh, *Duyên phận*)

Hỏi ai mà không nhớ, không thương, không nắm chặt tay nhau đi trên đường đời. Mỗi câu hát khẽ chạm từng chiếc lá thốn thức, mỗi tia nắng thêm dịu dàng, chúng cất nên hương vị đậm đà của giọt mật ong, trong mỗi chuyến đi vào rừng, đã cho người thêm chờ, thêm đợi...

Bố tôi không biết hát, tôi chưa bao giờ nghe bố hát hay nhận xét chuyện âm nhạc; mỗi khi nghe nói nhạc này dở

nhạc kia hay bố chỉ bảo "gu" mỗi người khác nhau, nghe không được thì tắt đi. Không biết, rồi có ai giống như tôi, khi bảo bố chưa bao giờ biết lắng nghe những giai điệu cuộc sống được sáng tạo từ tâm huyết của người nghệ sĩ.

Hình như, mùa thu, bố không quan tâm, bố chỉ biết đến giọt mật đọng đưa trên từng chuyến đi lặn lội thăm sâu. Sẽ chẳng ai tự tin để khoe với thiên hạ rằng bố tôi không biết hát đâu các bạn ạ! Đời bố, rất ít khi rời khỏi quê nhà; và nếu đi, bố chỉ nghĩ đến nơi ăn chốn ở, hoàn toàn thụ động theo sự sắp đặt của cuộc đời. Mùa thu, ngập tràn nắng, cái nắng không còn gay gắt đã mang những người em gái đi xa, xa lắm trên bước đường chông gai, nhiều ngã rẽ.

Khúc hát bolero ngân nga theo dòng chảy nồng nàn, tha thiết:

Hà Nội mùa này chiều không buông nắng

Phố vắng nghiêng nghiêng cành cây khô

Quán cóc liêu xiêu một câu thơ/ Hồ Tây

Hồ Tây tím mờ

Hà Nội mùa này lòng bao nỗi nhớ...

(Trương Quý Hải,

Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa)

Cõi lòng chợt rung động xao xác, cho dáng hình xa xăm mịt mờ, cho dòng thơ chợt rung động khao khát, cho đôi chân lạc bước thị thành. Mơ về mùa thu, ở nơi đó, những người bạn chập chờn gọi nhau quán vắng, tại Đà Nẵng, trúc trắc ngập ngừng hơn nhưng kỷ niệm gần bó dạt dào, âm ỉ và mặn mà. Mượn nhau chút ân tình, trao nhau đời gần bó. Lang thang đâu đó giữa ánh đèn phố mới, chụp vài tấm hình cùng nhau, ghé quán cà-phê tán dóc, chỉ vậy thôi, là cả một trời thương nhớ.

Trong bài viết của bạn về Đà Nẵng nói nhiều về những cuộc gặp gỡ, về người nghệ sĩ nặng lòng với



PHAN NAM

bolero, và có lẽ, còn nhiều “bức tranh” khác chưa được tạo tác: “Kể về cô ca sỹ tên Phương đến quán cà phê bolero mỗi tối thứ Tư và Chủ nhật. Mỗi khi cô cất giọng: ‘Xin trả lại những kỉ niệm buồn vui. Ngày xanh đã theo thời gian qua mất rồi...’, là cả quán lặng đi. Sẽ đưa Miên đi nghe Phương hát”.

(Phạm Thị Hải Dương,
Loay hoay giữa hai cảnh phố - quê)

Giai điệu man mác u buồn chất chứa thật nhiều khắc khoải, len lỏi giữa dòng đời nổi trôi, chưa bao giờ có dấu hiệu dừng lại, mỗi chúng ta đều đã từng nghe, dù không cố tình kiếm tìm. Bolero lặng lẽ hát lên giữa dòng đời ngược xuôi, mỗi khi ca từ giai điệu gieo vào lòng thật tự nhiên, bất giác trái tim xuyên xao, nghẹn ngào. Câu chuyện ngày xưa hiện về, làm dấu chân trên đường hôm nay dịu dịu miên man.

Nếu em đến bên đời tôi, em sẽ nói gì? Áo ảnh nhạt nhòa giăng mắc phía trước, khi cuộc hẹn cứ trôi hun hút qua từng ngõ sâu, phố dài. Tình khúc đồng quê gieo giữa phố xá, bỏ quên thuở vi hàn một thời nuôi ta lớn. Ở nơi đó, hương lúa vẫn thơm mùi sữa, giai điệu ngày xưa vẫn thấm đượm trong lời ăn tiếng nói. Bạn đã khác và tôi cũng đã khác. Chuyện đồng điệu, còn ở mai sau. Chuyện ngày nay, chông chênh một nẻo về. Mỗi cuộc gặp, luôn đơn điệu và tẻ nhạt như thế. Nếu như không có giai điệu, mọi câu chuyện đều lạc lõng. Tôi và bạn đã có những ngày như thế, yêu thương không giới hạn.

Có lần tôi đọc được những dòng chia sẻ của chị, về ngày xưa người bố hay mở nhạc Trịnh và nhạc bolero, đứa trẻ hồn nhiên luôn mơ mộng với công chúa, hoàng tử chắc chắn sẽ không thích những ca từ sầu não, u buồn. Vậy mà khi thức giấc, giai điệu ấy lại vọng về trong trẻo, thanh khiết biết bao. Trong không gian êm

đềm của làng quê hiền hòa, tâm hồn đã được gieo hạt giống của niềm hi vọng, tin yêu. Câu chuyện về bolero chắc chắn còn dài mãi, như sợi chỉ đỏ kết nối biết bao cõi người: “Rồi lòng bỗng chợt thấy vui vui lạ thường khi nghe ở đâu đó đang phát bài Thành phố sau lưng, một bản bolero quen thuộc mà ngày xưa An vẫn nghe ngoại hát, lại chợt nhớ về những ngày của Sài Gòn khi cô còn bé xíu, khi cô yêu bolero bằng tất cả sự chân thành. Là vậy đó, chẳng hiểu cô lo gì xa xôi, bolero kiểu nào cũng sẽ như một dòng chảy vậy, một dòng chảy thì thấm, và đầy bản khoả... Không bao giờ chết đi được”.

(Phạm Minh Châu, Những ngày bolero)

Chắc chắn, không bao giờ chết, giữa muôn vẻ đẹp còn sót lại tỏa hương cho đời. Cái chén mẹ ngày xưa mẹ đút cơm khi con ốm, chiếc vành nôi tre đưa con tè dầm đến ẩm mốc luôn lắc lư êm ả, dòng sông dầu ô nhiễm từng ngày vẫn chấp nối đôi cánh thi ca, rạo rực ước muốn lang thang bờ bãi. Tôi tin, bây giờ, khi tôi chia sẻ những dòng này, bolero vẫn thấm thương trộm nhớ cõi mộng của bao con tim, khối óc. Nhớ về bạn, nhớ về khoảnh khắc cầm tay nhau song ca bản tình ca ngọt ngào mà chẳng bao giờ quên được, khoảng cách dường như gần lại trong từng chi tiết, từng hơi thở. Mùa thu lá vàng đã đổ, lắng nghe giọt mồ hôi rơi, thấm sâu môi mềm, nghĩ về suối nguồn mãi chảy, đến tận ngày sau:

*Bolero níu áo tuổi thơ tôi dịu dàng
Cùng đắm đuối rong chơi suốt thời trai trẻ
Giai điệu buồn những ngày thơ bé
Thuở vụng về hôn vội gió bay
Bolero ngày ấy đắm say...*

(Nguyễn Ngọc Hạnh,
Nghe bolero nhớ tình xưa)

Tôi đã nghe bolero như vậy đó! ■



Nguồn: phanbonhieugiang.com

Thằng cà na

NGUYỄN HOÀNG DUY

Tan học, một đám cả con trai lẫn con gái kéo nhau ra ngoài bờ đê. Trên một cái gò thật cao, tất cả quăng cặp, nón, dép rồi xúm nhau vây lấy cây cà na¹ như kiến bu đường. Bọn con trai nhanh tay nhanh chân nhảy thót lên cây trong chốc lát. Trong khi đám con gái thì bất lực, bực tức đứng nhìn bọn con trai hái trái. Không tức sao được khi mùi thơm đặc trưng của trái cà na làm cho bọn con gái thèm rỏ dãi. Lâm là thằng leo cao nhất, gần đến ngọn cây, nên luôn luôn được bọn tôi gọi là "thằng cà na".

Tiếp theo là tôi, chỉ thua nó có bốn, năm gang tay gì đó. Và sau nữa, sau nữa thì tôi không thể nào biết được, vì bọn chúng leo càng ngày càng đông quá. Duy nhất chỉ có một người luôn luôn đạt danh hiệu là người leo tề nhất thì tôi biết rất rõ: Đó là nhỏ Hân. Hân luôn tỏ ra mình là một người có bản lĩnh trong bọn con gái (nhiều lúc còn định qua mặt bọn con trai nữa chứ!), nên nhỏ khắc phục cái tính yếu điệu thực nữ của mình để tranh tài cùng bọn con trai chúng tôi. Nhìn thấy nhỏ

Hân "bò" lên cây mà bọn con trai chúng tôi ái ngại. Vậy mà bọn con gái vỗ tay rần rần. Cũng phải thôi, nhỏ là người đầu têu trong bọn con gái mà.

"Ê! Hái được nhiều chưa? Thả xuống đi!", nhỏ Lan đứng dưới gốc cây nói như ra lệnh.

Thằng Lâm ở trên cây lớn tiếng: "Từ từ đã, khi nào đầy bịch tôi sẽ thả xuống cho".

"Tôi không chờ được nữa, ông mau mau đi", nhỏ Lan cau có.

"Vậy có giỏi thì bà leo lên đây hái đi". Lâm chọc tức.

Nhỏ Lan ức lắm, nhưng lại là đứa sợ độ cao, nên đành dịu giọng: "Lâm ơi, thả xuống cho Lan một bịch đi nha. Dưới này Lan chuẩn bị muối ớt rồi đây nè".

Thằng Lâm mát dạ, cười khì khì. Nó dang hai chân ra hai bên nhánh cây để giữ thăng bằng, chuẩn bị thả bịch cà na xuống cho nhỏ Lan thì... "tẹt"... Cái âm thanh rất lạ phát ra từ trên cây cà na, ngay chỗ thằng Lâm đứng. Cả bọn đưa mắt nhìn về phía thằng Lâm... Chắc là lúc nãy nó "vận công thái cực quyền" gì đó, nên

công lực nó nhân lên gấp bội, vì thế mà chiếc quần học sinh không chịu nổi đã “khẽ mủ” ngay dưới đáy. Bọn con trai chúng tôi thì cười lộn ruột. Còn đám con gái bên dưới vô tình nhìn thấy... xấu hổ lấy tay che mặt lại và quay đi chỗ khác (nhưng miệng vẫn tủm tỉm cười).

Thằng Lâm mếu máo, vội vàng tuột xuống cây lấy cặp, nón, dép, một tay xách hai bịch cà na, một tay bùm lại “chỗ ấy” định chạy về nhà.

Nhỏ Lan hoảng hốt gọi theo: “Ê, đứng lại! Đưa bịch cà na đây...”

Thằng Lâm đã làm cho cả nhóm bạn thân lớp 9A2 có một trận cười nghiêng cười ngả.

* * *

Rồi thời gian cũng chậm chậm đi qua, cuốn theo những hồn nhiên và những trò tinh nghịch. Lớp 9 bây giờ chỉ còn là ký ức, bởi chúng tôi đã bước vào giai đoạn cuối của cấp ba. Lớp 12, tuổi mà chúng tôi bắt đầu biết biết hờn, biết giận... Nơi “điểm hẹn” nghịch ngợm ngày nào cũng dần bị quên đi trong mỗi chúng tôi. Cả bọn lâu lắm mới ra thăm cây cà na một lần, vào mùa ra quả. Nhưng không phải để hái cà na, mà để ôn bài, khơi lại những kỷ niệm đẹp của thời răng sún, khăn quàng đỏ tung bay.

Nhưng thường những lần như thế chẳng khi nào có mặt đông đủ, vì tất cả đều có những lý do chính đáng: tôi đã có hẹn, mình bận về phụ mẹ, mình phải đi học thêm tiếng Anh... Vậy mà qua ngày hôm sau mới rõ sự tình. Thì ra sự thật của những cái lý do chính đáng ấy cũng chỉ “vụng dại tuổi mới lớn” mà thôi. Rồi như vậy cả nhóm làm mặt lạnh giận nhau... Nhưng được vài ngày thì tái hợp.

Một hôm, vào buổi chiều, tôi đang ngồi học bài thì thằng Lâm ở đâu lù lù ngay cửa sổ gọi tôi: “Huân!”

Tôi ngẩng đầu lên nhìn nó: “Chuyện gì vậy? Sao mày không lo học bài mà qua đây? Sắp đến ngày thi học kỳ một rồi đó”.

“Tao... tao...”. nó ú a ú ớ.

“Chuyện gì...?”

“Tao với mày đi hái cà na...”

Tôi cười khì: “Bọn mình đã lớn, bộ mày không biết điều đó sao? Và lại, lớp 12 có cả núi bài tập đang chờ bọn mình kìa”.

“Tao biết, biết rõ nữa là đằng khác. Nhưng...”

Gương mặt của thằng Lâm xụ xuống với vẻ buồn thiu làm tôi càng thắc mắc: “Hôm nay mày sao vậy Lâm? Mới hồi sáng trong lớp mày còn vui vẻ mà?”

“Tao... Ngày mai tao nghỉ học luôn rồi Huân à!”

“Mày nghỉ học?”, tôi thảng thốt.

“Đúng! Tao theo ba tao đi biển... Nhà tao khó khăn, chắc mày cũng biết mà!”

Mặt tôi biến sắc khi nghe nó nói câu đó. Tôi hiểu những gì nó nói, và cũng biết nó rất ham học, vì nó và tôi luôn tranh “thứ hạng top 5” trong lớp kìa mà. Hai đứa cũng đã từng tâm sự, quyết phải bước vào giảng đường

đại học. Nhưng cũng vì cuộc sống mà đôi khi những ước mơ nhỏ nhoi không bao giờ thành hiện thực...

Chiều hôm đó, tôi ngoan ngoãn theo Lâm đi ra “điểm hẹn” để hái cà na. Tôi bảo nó gọi thêm mấy đứa nữa, nhưng nó không chịu. Nó nói: “Không cần đâu Huân. Gọi bọn nó ra chỉ làm cho bọn nó buồn thêm, mà tao cũng chẳng vui gì. Và lại mày là thằng bạn thân nhất của tao, nên tao muốn tâm sự với mày nhiều hơn”.

Nói là đi hái cà na, nhưng ra đó dưới gốc cây, tôi ngồi nghe nó thao thao bất tuyệt về những ước mơ, hoài bão của nó. Rồi về gia cảnh, mẹ nó mê để đóm, tú sắc đến nỗi tiền ba nó đi biển bao nhiêu cũng không đủ cho bà tiêu pha. Tội nghiệp thằng bạn tôi, cũng vì nghèo mà cái ước mơ bé bỏng của nó không bao giờ thành sự thật... Trước khi ra về, Lâm tặng cho tôi một câu như là mệnh lệnh vậy: “Huân à, tao muốn mày năm nay phải đỗ đại học. Coi như mày giúp tao thực hiện ước mơ của tao”.

Tôi gật đầu, mặt buồn thiu.

“Có gì buồn, vui lên đi chứ! Chúng ta cùng xóm mà, còn nhiều thời gian để gặp nhau. Sợ là sau này mày thành ông nọ bà kia, bỏ quê mà đi, quên mất thằng bạn nghèo này”.

Nghe lời nó, tôi gượng cười. Nhưng nhìn trong ánh mắt nó, tôi biết nó còn buồn nhiều hơn cả tôi. Hoàng hôn dần buông xuống. Những tia nắng yếu ớt còn sót lại của ngày mang nỗi buồn chúng tôi bay đi.

* * *

Tốt nghiệp đại học, tôi trụ lại chốn thị thành mong tìm một cơ hội tiến thân. Trước khi vào làm cho công ty Nhật, tôi quyết định về thăm quê một chuyến coi như là xả hơi sau một thời gian dài miệt mài học tập. Cả nhà tôi ai cũng mừng. Nhất là thằng Út, cứ quần lấy tôi như sam, còn thông báo cho tôi một tin: “Anh Hai ơi, mấy hôm trước anh Lâm có về thăm nhà. Anh Lâm hỏi thăm anh Hai nhiều lắm! Anh tặng cho em một bịch khô cá đuối, nhưng bắt em hái cho anh một bịch cà na...”

Tôi chợt bối rối... Lâm, thằng “cà na” ư? Cái tuổi thiếu thời hay nghịch ngợm ủa về trong tôi... Tôi chạnh lòng khi nghĩ lại những kỷ niệm đã qua và những gì đang diễn ra trước mắt: con Lan đi lấy chồng ở Đài Loan; thằng Toàn vào tù vì tội trộm cướp; con Hân tự vận chỉ vì tình; thằng Lâm thì theo ba đi biển...

Tội nhất là thằng “cà na”, làm bao năm qua vẫn không đủ ăn đủ mặc, nghe nói nhà nó còn chạy sang mượn nợ ba mẹ tôi. Biển là người bạn, nhưng cũng là kẻ thù. Những đợt sóng dữ, những trận bão to có thể cuốn phăng đi tất cả những gì trên chiếc tàu cá với đầy ắp những ước mơ vĩ đại... Ôi! Cứ nghĩ đến bọn chúng là tôi lại xót xa, thèm quay về cái tuổi thơ ngọt ngào của thời đi hái cà na. ■

* Cà na là loại cây hoang dại hoặc được trồng ven sông rạch thuộc miền Tây Nam Bộ.

Cửa đời - Cửa đạo

THANH PHÁP

Trời mưa lát phát trời mưa
Đội mưa to vẫn về chùa sáng nay
Một bên tôi, một bên thầy
Cùng chung ghế đá có hai người ngồi.

Ngoài trời vừa dứt mưa rơi
Trong phòng điện cúp tự hồi nào xa
Áo lam cùng với áo đà
Tụng kinh lễ Phật đã qua mấy tuần.

Chuyện đời chuyện đạo chuyện văn
Tâm đầu ý hợp luận bàn say sưa
Trực nhìn trời đã sắp trưa
Ra về đến lúc còn chưa thỏa lòng.

Cửa đời cùng với cửa Không
Tình thương chung đứng song song một đường.

Tỉnh thức

TỊNH BÌNH

Chiều nao trên lối sơn khê ấy
Người tiễn đưa người cõi diệt sinh
Dẫu biết chẳng sinh cùng chẳng diệt
Xa xót buồn mấy nẻo điêu linh

Dẫu biết trần gian là quán trọ
Sao lòng khách lữ vẫn còn vương
Hơn thua ân oán bao giờ dứt
Ràng buộc đời nhau lắm đoạn trường

Nhục vinh thành bại xoay vần mãi
Cầu bất đắc sâu ái biệt ly
Trách chi con tạo bày huyền hóa
Mở mắt chiêm bao có được gì?

Sao không ngồi lại trong giây phút
An trú thân tâm với nụ cười
Tỉnh thức trở về nơi thực tại
Nhẹ nhàng hơi thở hiểu và thương...

Chùa trên núi

LÊ HẢO

Chùa ẩn mình trên non
mùi trầm bay qua bao nhiêu thế kỉ
lời chuông vang tịnh độ

Đá xếp thành từng bậc
đường quanh co chạy về cõi người
rừng thị hồn nhiên đơm quả
đêm về còn nghe hương thị, hương trầm

Vị sư bảo rằng:
tình yêu là vô vi
là cánh chim hiền lành
là sương khuya giọt giọt
là gieo mầm trên đất đen đầy khổ ải

Vời vợi non xa
ai gieo nỗi buồn lau lách
suối cạn
rừng thưa
mây tro phận mình
thông gào bên vực thẳm
ngàn năm ve sầu chưa dứt

Chuông chùa vang vọng vào chiều
bằng ánh mắt đắm chiều
Nhà sư nhìn về phương trời cao rộng.

Sương chiều

PHẠM ÁNH

Nắng cuối ngày thừa thớt ngoài sân
Thương mẹ tôi sớm chiều lặn lội
Thân gầy yếu mẹ già trước tuổi
Tóc pha sương heo hắt ngọn đèn.

Một chuỗi mùa màng bùn đất lấm lem
Mồ hôi thấm lặn thấm hạt lúa
Bàn tay nhỏ chai sần nổi khô
Mưa lụt tràn đồng nắng nẻ chân chim.

Tắt bật đi về mỗi buổi chợ phiên
Bóng ngả đường quê thừng thò nón lá
Hạt muối nâng niu mặn nồng trong dạ
Rau cải ngọt lòng bình dị từ tâm.

Lặng lẽ một đời rũ bóng yêu thương
Năm tháng lần qua đông đầy gánh nặng
Thao thức đêm đêm tiếng gà gọi nắng
Một lớp sương chiều đọng trắng thời gian.

Mùa trở lá

KIM HOA

Xám mây phủ kín lưng trời
Tìm quên nắng ngủ ở nơi phương nào?
Từ em gặm nhấm nỗi đau
Nghe mưa rả rích nát nhàu ruột gan.

Mới hay mùa trở lá vàng
Tiếc xưa nay đã dở dang mất rồi
Chút tình đọng lại trong tôi
Chút lao đao... chút ngậm ngùi đắng cay.

Mưa rơi giọt ngắn giọt dài
Lặng lòng nếm giọt buồn vầy ngõ hèn
Từ trong màu mắt xanh non
Nỗi hiu hắt nỗi... mãi còn vấn vương.

Màu lá úa

TRÀ KIM LONG

Cành cao chiếc lá úa rồi
Khẽ cơn gió chẳng biết rơi lúc nào
Vẫn còn sóng nổi lao xao
Chưa thanh thản được đường vào tịnh yên.

Dập dồn mưa nắng triền miên
Còng lưng gánh nặng ưu phiền lên thân
Mùa theo năm tháng phai dần
Có xoay trở cuộc cũng ngàn ấy thôi.

Nhìn lên chiếc lá bên trời
Nghĩ thầm thương chút nhỏ nhoi phận mình
Ba chìm bảy nổi lênhênh
Đường xa mỗi bước gập ghềnh đã cam.

Trả vay

TRƯỜNG KHÁNH

Trả là trả nghiệp tiền khiên,
Vay là vay cả tam thiên bụi trần.
Trả vay - vay trả tùy duyên,
Vay vay - trả trả, gắn liền khổ đau.
Không vay - chẳng trả - trước sau,
Có vay - có trả nông sâu - mỏng dày.

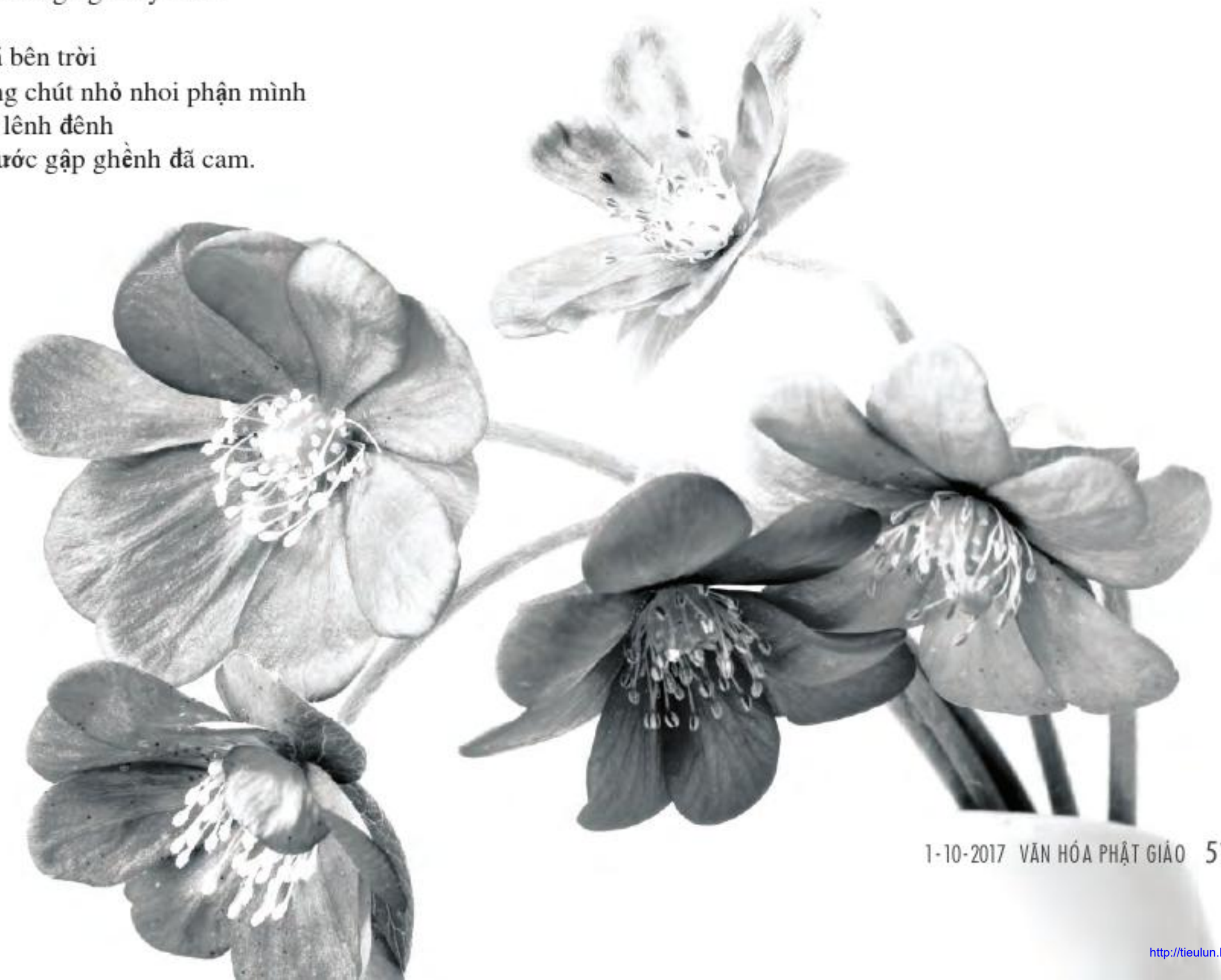
Cuộc đời luân quần - trả vay,
Có không mất được đong đầy tham sân.
Nai lưng gánh hết nợ nần,
Mai sau xin “né” làm thân kiếp người.

Thà làm bèo dạt mây trôi.
Đến Đi Qua Lại ngàn nơi cũng đành!!

Thu ca

CÁT TƯỜNG

Mắt hạ buồn chen sắc phượng tàn
Em về phố biển chờ mùa sang
Mưa rây lối mộng vòng môi nhạt
Nắng trải thềm hoa đóa cúc vàng
Thầm nhớ thuyền xưa neo bến vắng
Nghĩ thương người cũ đợi đò ngang
Heo may tiết trở lòng man mác
Lặng ngắm thu đi luống ngõ ngang.



Đừng phơi áo mỏng...

BÙI QUANG DỪNG

Thật trớ trêu khi cạnh khu trọ của những gã trai trẻ và những thằng đàn ông xa vợ lại lù lù xuất hiện một quán đèn mờ án ngữ ngay trước ngõ. Đi ra, đi vào đều bắt gặp mấy em quần soọc quần lửng áo hai dây ngồi vắt vẻo ông ẹo mời chào. Thỉnh thoảng thấy đàn ông đi qua còn ơ ới trêu rỗi bấm nhau cười rinh rích.

Tôi ghét lắm, đàn bà con gái có trăm nghề để làm sao cứ phải chọn đúng cái nghề nhơ nhuốc ấy. Bực nhất là lỡ có đưa bạn bè về chơi thì y rằng bị nghi ngờ gái gú. Cánh trai tráng thì bảo *"nhất chú, cần là có"*. Còn chị em phụ nữ thì tru tréo lên *"eo ôi, bảo sao chả hư thân"*. Có tiếng mà không có miếng tức anh ách trong người. Nhiều khi muốn dọn quách đi chỗ khác mà khổ nỗi chả tìm được nơi nào rộng rãi, thoáng đãng hơn. Nên đành tặc lưỡi, thôi thì mặc xác đèn mờ.

Nhưng muốn mặc xác cũng không mặc được vì mấy ả này manh động lắm. Có hôm mất điện nóng lè lười đang ngồi cời trần thờ không ra hơi mà có ả còn chạy vào là lơi *"anh ơi có vui về tí không, em phục vụ?"*. Tôi nổi điên *"đang nóng chết người, vui cái cóc khô gì"*. ả chẳng buông tha, tiến vào ngay giữa nhà hỏi *"có tiền không cho em mượn tạm?"*. Ô hay, chẳng biết ả ta tự cho mình là hàng xóm với tôi từ bao giờ nữa. Thằng em cùng xóm cười ha hả *"ông anh ơi, ghét của nào trời trao của ấy"*. Đừng hòng...

Khu trọ có sân rất rộng, phía trước là khu vườn bỏ hoang chỉ có cau và hoa xuyên chi mọc um tùm. Mấy gã trai hò nhau chôn cột bê tông để giăng dây phơi dọc dãy, tiện thể đúc luôn mấy quả tạ hàng ngày tập cho vui. Con trai thường lười, quần áo có khi gom vài ngày đến cả tuần mới mang ra giặt một mẻ. Thành ra cái dây phơi dài loằng ngoằng ấy thường là chỗ cho mấy ả đèn mờ mang chần gối và đủ loại "phụ tùng" xanh đỏ vào phơi.

Thử tưởng tượng xem, giữa xóm trọ toàn đàn ông mà trước cửa là một đồng quần áo đàn bà bay phất phơ trước gió. Có khi gió mạnh thốc ngược vài món đồ bay lung tung, nằm vắt vẻo cả trên bậu cửa sổ. Có ông sợ bệnh tật còn lót giấy vào tay mới dám nhặt quần đi nơi khác. Mấy ả vào thu đồ thấy thiếu lại lấy cớ gõ cửa từng phòng hỏi *"có anh nào lỡ giấu của chúng em chơi?"*. Đúng là của nợ. Thằng em nhà bên cầm ngay cái kéo ra nghiền răng cắt đứt dây phơi. Thế là xong, chả phơi phóng gì đỡ phải nhức mắt.

Tôi thì không gay gắt đến mức ấy nhưng thấy thế cũng mừng thầm. Thoát cái cảnh nhiễu nhâm vợ quần áo của mình thấy lần cả đồ nghề của mấy ả. Có cái lòe loẹt, diêm dúa, có cái lại mốc meo mốc xìn. *"Ôi chao! Đàn ông gì mà hẹp hòi. Có cái dây phơi cũng tiếc"*. Mấy câu trách hờn kiểu đó thật chẳng hợp với các ả chút nào. Từ hôm mất dây phơi, mỗi lần đi qua quán đèn mờ tôi thường bị lườm nguýt ra mặt. Có ả còn chửi xơi xơi *"đồ đàn ông đều cáng"*. Ô hay! Cứ như tôi là khách vào bóc bánh không trả tiền hoặc tôi làm chuyện tà đình gì có lỗi không bằng. Nhưng mặc kệ, hơi đâu mà quan tâm. Trời nắng nóng bức bội chỉ thờ thôi cũng đủ thấy mệt rồi.

Khu trọ này được cái nắng ở đâu thì nắng nhưng cổng ngõ lại luôn mát rượi. Bởi vốn cổng khu trọ được trở ra từ căn bếp cũ của nhà chủ, thông ra ngõ là hai hàng cây khế nối dài. Nhà bà chủ đất rộng, xây ba bốn khu nhà vây quanh ngõ. Ngoài khu trọ còn có một căn nhà cấp bốn cho hộ gia đình thuê dài hạn và một dãy quán đèn mờ. Thế nên ngõ cũng được chia ranh giới; ở đầu ngõ là nơi mà các ả thường ngồi đánh tá lả trong lúc chờ khách, hoặc dậm phấn tô son, cũng có người mang hình con ra ngắm; cuối ngõ là chỗ của mấy gã trai hay trải chiếu nằm ngồi ngổn ngang hát nghêu ngao. Có hôm nóng quá, nấu cơm xong cả xóm bày ra ngõ ăn chung. Kể mà không nhiều muối thì có khi ngủ luôn đó chẳng cần phải quạt. Thỉnh thoảng nổi hứng lên thì đầu này cũng chọc ghẹo đầu kia. Thay vì hát *"anh ở đầu sông em cuối sông"* thì ỡm ờ trêu *"hay là cùng ngõ nấu cơm chung"*.

Sống lâu ở nơi này cũng gặp khối chuyện buồn. Có người mẹ nhớ con tựa gốc cây đứng khóc. Lại có ả cam lòng yêu thằng nghiện, những hôm vắng khách chẳng có tiền chu cấp cho thằng bồ hút hít bị nó giật tóc đánh cho tơi tả. Riêng cái chuyện tranh khách của nhau thì càng chẳng thiếu, thỉnh thoảng lại có vụ lột quần lột áo si nhục nhau chẳng ra thể thống gì. Cùng là kiếp mưu sinh nên nhiều khi cũng thấy động lòng...

* * *

Quán đèn mờ mới có thêm người mới tên Trà. Nhìn thì trẻ lắm mà nghe nói đã làm mẹ của một thằng nhỏ hai tuổi rưỡi. Thấy bảo không chủ định đẻ, chẳng qua là tai nạn nghề nghiệp; lúc phát hiện ra thì cũng đã mấy tháng, bỏ đi không đành. Khi thằng nhỏ được một



tuổi, Trà đã bỏ nó ở nhà cho bà ngoại nuôi để đi làm; quay lại chỗ cũ một thời gian nhưng đói khách quá đành tìm chốn mới.

Tôi hay bắt gặp Trà mang bếp ga đặt ngay ngoài ngõ nấu ăn. Khi rán đậu, khi kho cá, cũng có lúc chỉ thấy mấy củ lạc rang. Hỏi "ăn uống vậy sức đâu?". Trà ngượng ngùng cười "nghề của em chẳng cần nhiều sức". Buổi chiều lúc vắng khách, Trà mang vải ra cắt may quần áo. Hỏi may cho ai thì Trà bảo "em chẳng còn ai ngoài mẹ già con nhỏ".

Định hỏi sao không kiếm lấy nghề gì khác ở quê vừa được gần con mà đỡ mang tai tiếng. Nhưng may là chưa hỏi, biết đâu người ta sẽ buồn. Ghét thì ghét vậy nhưng làm sao hiểu hết nỗi éo le. Biết đâu người ta lại nặng gánh gia đình hoặc cùng đường mới phải bán thân nuôi miệng. Nhìn cái dáng lấm lũi và cam chịu của Trà tôi không đành lòng khinh miệt.

Vài ba hôm, Trà lại vào phòng tôi mượn xe đạp đi chợ. Chợ gần cũng có đủ thứ chỉ mỗi tội đắt đỏ. Trà nói tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy vì con. Có

hôm xe hỏng, Trà dắt bộ nhể nhại mồm hôi; ngồi chờ sửa xong xe thì mất ngay mỗi khách quen đến quán; lúc về còn bị chủ quán mắng té tát, luynes quynh rơi cả túi đồ ăn. Nghĩ thấy thương nên hôm nào đi chợ tôi cũng ghé qua hỏi có muốn mua gì không để mua giùm. Mấy thằng nhỏ trong xóm thấy vậy trêu *"à ta trông thể mà cao tay, bấy nay được người ngon giai nhất xóm"*.

Trà không nói gì lắm cúi mặt đi. Sao tôi cứ ám ảnh mãi cái dáng lấm lũi ấy, thương như thể thương mình. Đời công nhân như tôi cũng có sung sướng gì. Ngày nắng cũng như ngày mưa vất vả trên cao, phơi mặt ra đường. Cầm được đồng lương còn bị chửi lên chửi xuống. Lương cầm chưa ấm tay đã trăm khoản cần tiêu. Ước mơ cái gì cũng thấy xa vời vì có dành dụm được là bao. Trà cũng vẫn những nỗi lo cơm áo gạo tiền ấy mà thôi. Thỉnh thoảng thấy ngồi bần thần, cầm cuốn sổ nhỏ ghi chép chi tiêu tỉ mỉ đến từng mớ rau lạng tép. Tháng nào cũng thấy Trà mượn xe ra bưu điện gửi tiền về nhà đôi lần.

Có lần tôi hỏi Trà:

"Làm thế mỗi tháng gửi về được bao nhiêu?"

"Em sinh con xong cơ thể sỗ sể người ta chê lắm; cho nên có mấy khách đâu anh. Em đang tính nhận thuê, nếu chăm chỉ mà lại thuê quen tay thì có khi tháng cũng thêm được vài trăm tiền cơm nước".

"Hay là xin làm công nhân trong khu công nghiệp, tháng cũng được vài triệu".

"Em không bằng cấp gì ai người ta nhận. Mà làm lương thấp quá em thì sao đủ nuôi mẹ già con nhỏ. Cũng lỡ sa chân rồi giờ muốn rút ra cũng đâu dễ anh ơi".

Tôi bỗng đứng nổi quạu với Trà. Rằng bước chân vào thì cũng có thể bước chân ra. Thà buôn thúng bán mẹt ngoài chợ kiếm bát cơm thơm tho nuốt còn đỡ ghen. Làm cái nghề bán thân đâu sống được cả đời; mấy tuổi nữa xấu xí, nhăn nheo thì lúc ấy lấy gì nuôi miệng?

Nhưng rồi nghĩ mình lấy tư cách gì để cẩu với người ta. Mình có giúp gì được người ta mà lên tiếng dạy đời. Ngay cả việc mình thương ta bằng thật mà cũng đâu dám nói; đến thành thật với bản thân còn thấy khổ sở trong lòng. Mình là thằng đàn ông còn không dám vượt qua được miệng lưỡi thế gian huống hồ là người ta. Nên chỉ biết câm lặng nhìn Trà bơ phờ sau mỗi lần tiếp khách, ra ngõ ngồi tựa lưng vào gốc cây để thở. Có hôm Trà còn mò vào tận phòng tôi xin nước, vì nước hết chưa kịp đun mà nhà chủ thì tiếc từng đồng lẻ. Mỗi một lần đi khách bọn Trà chỉ được nửa số tiền ít ỏi, còn lại phải nộp cho chủ

chứa. Cơm nước tự lo, đến tiền điện còn bỏ đầu nhau ra mà đóng. Lúc ốm đau chỉ một thân một mình, nằm lâu không có phòng tiếp khách còn bị đuổi ra ngoài.

Có lần đi làm ca đêm về thấy Trà ngồi rũ rượi ngoài ngõ đúng đoạn khúc cua, đèn xe chiếu vào tận mặt cũng không động tĩnh. Sờ trán thấy nóng ran, nửa đêm không kiếm đâu ra hàng thuốc còn mở cửa. Không lẽ cứ để Trà ngồi đó đến chết, mà đưa vào nhà thì lo tai tiếng. Miệng lưỡi thế gian vốn cay độc lắm. Có khi vài ngày sau cả xóm lại đồn ầm *"chắc thằng đó cặp với gái làm tiền để lợi dụng. Cơm no bò cưỡi. Tội gì"*.

Mà đàn ông trong khu này miệng thì khinh miệt chê bai, nhưng nhiều đêm bia rượu xong cũng chui vào tìm gái "giải đen". Tôi không làm sao chịu được cảm giác khi nghĩ đến cảnh Trà cũng từng nhiều lần là lợi phục vụ họ tận tình. Trà ngược lên nhìn tôi hồi lâu, ánh mắt cầu cứu ban đầu chuyển dần sang cay nghiệt. Hình như Trà đã đọc được mọi ý nghĩ của tôi, đọc được luôn cả sự khinh miệt của người đời. Hình ảnh cuối cùng của Trà đọng trong tâm trí tôi là cái dáng cam chịu đang vịn tường lần ra đường lớn. Trà bắt taxi đi ngay trong đêm đó và không bao giờ quay trở lại.

Lúc nào đi qua khúc cua ở ngõ tôi cũng tự giầy vò khi nghĩ tới Trà. Phận người ấy bây giờ không biết đã trôi dạt nơi đâu? Đã trở về quê hay lại lấm lũi trong một quán đèn mờ nào đó? Nếu có một gia đình thì có lẽ đời Trà sẽ đảm đang, dịu dàng như bao nhiêu người phụ nữ. Sáng dậy sẽ tắt bếp trong bếp núc nhà mình chuẩn bị cho chồng con một bữa ăn giản dị nhưng thơm tất. Sẽ kiếm một công việc tuy nhọc nhàn nhưng thanh

thản. Để mỗi chiều về lòng vui vẻ hôn hít các con. Sẽ cùng nhau nói những chuyện mai sau rồi chìm vào giấc ngủ. Điều đó có khó khăn gì đâu nếu như tôi không đón hèn đến vậy. Trà đã bao lần đưa tay ra mà tôi không một lần nắm níu. Trà ơi...

Tôi không chịu được cảm giác giầy vò mỗi lần đi qua ngõ nên quyết định chuyển đi nơi khác. Trước hôm đi, thấy một ả kiếm đâu được đoạn dây thép nhỏ mang nhờ tôi giăng làm dây phơi quần áo. Tôi giăng gọn vào cuối góc sân, tự nhiên nhớ màu áo của Trà từng nhiều lần phải phơi trên cành cây ngoài ngõ. Cả phận người lẫn phận áo phất phơ, thêm cả sự bơ vơ cay nghiệt. Lúc dọn đồ đi qua quán đèn mờ, thấy mấy ả đang ngồi dậm phấn tô son.

Tôi dặn một câu coi như lời từ biệt: *"Dây mắc xong rồi nhưng đừng phơi áo mỏng. Gió bay..."*

Lúc đi qua khúc cua mắt tôi cay xè.

Chắc cũng là vì gió. ■





Chậu tùng hôm nay...

Bài & ảnh: TRỌNG VĂN

Đầu xuân năm 2015 (Ất Mùi), bạn tôi - anh Vân Quý, cùng quê cây cảnh Văn Giang, Hưng Yên - tặng tôi một chậu bonsai nhỏ. Đó là cây *tùng duyên* xinh xắn mà anh đã công phu uốn tỉa và đưa lên chậu cách đây trên 20 năm... Thân tùng cao chừng 20cm, được uốn theo hình con rồng ẩn mình dưới tán lá xanh tươi nghiêng che, trông như cánh công xòe duyên dáng...

Tùng là loại cây đứng đầu trong bộ tứ quý *Tùng, Cúc, Trúc, Mai* mà từ cổ xưa dân Việt ta rất quý cùng với *Mai, Lan, Cúc, Trúc*. Tùng, bách, hay thông đều là tên gọi chung của cùng một họ thực vật *Araucariaceae*, gồm 60 loài; có loài thân cao hơn 60 m với đường kính khoảng 2m. Trong ý nghĩa tiếng Việt hay tiếng Hoa, tùng có nghĩa là cây lớn.

Tùng lâm là rừng rậm, "**Tùng lâm quân đảo điều xung thiên**", nghĩa là, Bộ đội đến rừng chim bay vút lên trời (thơ Hồ Chí Minh). Hai chữ *tùng lâm* được dùng nhiều trong văn học Phật giáo với ý nghĩa là nơi tu hành, chùa, tự viện, đạo tràng... (*Tùng lâm thạch trụ, Diệc cổ tùng lâm, Tùng lâm cổ tích, Nương bóng tùng lâm*...) Các ý nghĩa này còn được thấy trong thơ của Nguyễn Huy Quýnh, Ngô Thì Sĩ, Tào Tuyết Cần...

Tùng có sức sống bền bỉ, dẻo dai và cốt cách thanh tao, được nhiều người yêu thích, coi đó là tượng trưng cho bậc "quân tử", cho sự mạnh mẽ, vững vàng: *Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân, Tuyết sương che chở cho thân cát đằng* (Kiều - Nguyễn Du); *Lao xao sóng vỗ ngọn tùng, Gian nan là nợ anh hùng phải vay* (Đào Tấn). Hiểu ý tứ của bạn, tôi càng thêm yêu quý người cùng cây. Tôi ôm tùng trên máy bay, đưa về thành phố biển Vũng Tàu, chăm nuôi, ngắm nhìn...

Hơn hai năm sau, vào một ngày Chủ nhật giữa mùa Thu tháng 8 năm 2017 (Đinh Dậu), tôi đem chậu tùng vào phòng khách... và một điều kỳ lạ bất ngờ đã hiện ra: *Tùng quý - bạn tôi tặng, đã hóa thành... Rùa xanh đang bơi... trên biển Vũng Tàu!*

Nhìn kỹ, càng thấy rõ lưng rùa là một vòm cong phủ những chùm lá tùng xanh như vẩy mai rùa; chân trước đang rẽ nước bơi; đầu rùa hướng về phương Bắc... Ôi thật tuyệt vời! Phải chăng *tùng duyên* yêu quý biển nơi đây, hiểu lòng người trồng cây và người được tặng cây... nên đã hóa thành *rùa xanh*, thanh thân bơi trên biển Vũng Tàu, nhưng đầu vẫn hướng về cố hương - đất Kinh Bắc! (Văn Giang-Tế Giang, quê tôi xưa vốn thuộc xứ Kinh Bắc).

Rùa là con vật linh thiêng trong bộ tứ linh: Long, Lân, Quy (Rùa), Phụng. Rùa tượng trưng cho sự trường tồn, hội tụ của Trời Đất, Âm Dương! [*Bụng rùa bằng phẳng, biểu tượng của mặt đất (âm); mai rùa khum vòng biểu tượng của vòm trời (dương)*].

Ngắm chậu tùng của bạn cho, tôi như cảm nhận được sự thiêng liêng mầu nhiệm của thế giới cổ tích, huyền thoại, thi ca... và của toàn bộ vũ trụ... cỏ cây, loài vật và con người... Mỗi giao cảm, gắn bó này sao có thể phai tàn cho được!

Tôi chụp nhanh tấm ảnh *Tùng duyên hóa Rùa xanh* đang bơi... trên biển Vũng Tàu và viết những dòng cảm xúc này để tặng anh Vân Quý, cùng những ai yêu sinh vật cảnh...

*Chủ nhật, con cháu đi chơi;
Ở nhà, trà với bạn ngồi ngắm cây*

*Tùng duyên yêu biển nơi đây,
Hóa thành Rùa quý, làm ngây ngất người!... ■*

Một vầng tuế nguyệt

NGUYỄN HIẾU TÍN

Ở chốn phồn hoa đô thị, lấp lánh những ánh đèn rực rỡ, hào nhoáng với những tòa nhà cao chọc trời, trang hoàng những cửa hiệu đầy màu sắc, lòng lẫy với phố xá đông vui nhộn nhịp,... quả là quyến rũ. Nhưng so với “cõi tiên” ngoài “cõi tục”, nơi mây trắng nhởn nhơ bay cùng gió, nơi núi non thanh tịnh cùng sương, nơi ánh trăng huyền ảo trong đêm hé gương nhìn nước... dường như phố thị kém phần thanh đạm, thuần phác.

Thật vậy, trong tiết thu se lạnh, băng lảng chiều hôm, bất chợt một vầng trăng xuyên qua kẽ lá, rọi xuống sân nhà tranh đơn sơ, mộc mạc, nghe được dòng suối chảy róc rách trong lành tươi mát, ngồi lặng lẽ pha một bình trà nhàn tản, tĩnh lặng dưới ánh trăng thu tỏ sáng ấy, mặc cho những huyên náo của phồn hoa nhân thế... vẫn toát lên sự ấm cúng giản dị lạ thường; một cảm giác khoáng lạc tiêu dao với cõi lòng bình lặng...

Trăng ơi từ đâu đến?

“Bóng trăng trắng ngà, có cây đa to, có thằng cuội già, ôm một mối mơ”. Trong suốt lịch sử tồn tại của loài người, mặt trăng luôn là người bạn đồng hành, gần gũi không thể thiếu được trong bầu trời đêm sâu thẳm. Ánh sáng thơ mộng và huyền diệu của những đêm “*nguyệt bạch phong hoa*” đã từng được người đời phong tặng nhiều uy lực trong những địa hạt huyền bí của cuộc sống nhân gian; ánh sáng ấy cũng luôn là nét quyến rũ đầy hấp dẫn đối với các nhà khoa học.

Bên cạnh mặt trời là nguồn sáng, mặt trăng là vệ tinh duy nhất của trái đất, quê hương của loài người chúng ta. Với đường kính 2.160 dặm (3.476km), mặt trăng có kích thước bằng 27% kích thước của trái đất. Nó chuyển động xung quanh trái đất theo một quỹ đạo khá tròn, với tốc độ trung bình là 2.287 dặm/h (3.680 km/h). Từ vòng trăng này tới vòng trăng sau kéo dài 29.03 ngày và thường được gọi là tháng âm lịch.

Nguồn gốc của mặt trăng vẫn đang là điều bí ẩn đối với các nhà khoa học hiện đại, chưa có giả thuyết nào chứng minh và được chấp nhận tuyệt đối. Có nhiều giả thuyết cho rằng Chị Hằng là một mảnh vụn của chính địa cầu văng ra từ một vụ nổ hay một va quệt nào đấy trong không gian. Một số khác cho rằng nó là một tiểu hành tinh, trong khi giao du sơn thủy, đã đụng vào địa cầu và mặt trăng ra đời từ vụ va chạm trên. Khoa học có các sự kiện thực tế và lý thuyết, còn chúng ta có một cách nhìn khác về mặt trăng. Trong nhiều cách, một cách khiến cho chúng ta thỏa mãn là thế giới của các

câu chuyện thần thoại và truyền thuyết. Huyền thoại về trăng, phong tục theo trăng, rất phong phú, đa dạng. Mặt trăng luôn là trung tâm của các thần thoại nhằm giải thích sự hình thành thế gian.

Không giống như mặt trời luôn luôn ổn định và bất biến, mặt trăng luôn có khả năng thay đổi và nó nhìn xuống trái đất với một vẻ bí hiểm, đượm màu sắc huyền bí: trăng lộ diện, lớn dần rồi biến mất, rồi mọc trở lại... Chu trình của mặt trăng là một sự biến thiên đều đặn dường như nhằm thiết lập và điều khiển nhịp sống của cuộc sống. Con người thời xưa tin rằng mặt trăng làm cho vạn vật phát triển và cai quản mọi loại hơi nước ẩm tạo nên cuộc sống. Sự thay đổi của chu kỳ tuần trăng liên quan đến sự xuất hiện của mưa và cộng với những dòng nước chảy xiết tạo ra lũ lụt. Quyển lực của mặt trăng không chỉ chi phối cây trồng và động vật mà cả con người nữa. Trăng tròn và trăng khuyết đều đặn theo thời gian cung cấp cho loài người cách tính lịch đầu tiên. Lịch tính theo mặt trăng vẫn còn được sử dụng ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt trong xã hội nông nghiệp phương Đông.

Trong vũ trụ có hai dạng che khuất ánh sáng của bầu trời là nhật thực và nguyệt thực. Và chính mặt trăng là chìa khóa giải đáp cả hai hiện tượng ấy. Nhật thực và nguyệt thực xuất hiện khi mặt trăng nằm trong hai điểm giao nhau trên quỹ đạo của nó quay quanh trái đất. Nhật thực diễn ra khi trăng non đứng cùng hàng giữa mặt trăng và trái đất ở điểm giao nhau, che khuất hoàn toàn tia sáng mặt trời. Mặt trời trở thành màu đen khi nó đi qua phía trước mặt trời. Hiện tượng nhật thực toàn phần gần đây nhất là vào ngày 24.10.1995 diễn ra tại Phan Thiết (Việt Nam) và hầu hết các nước châu Á đều trông thấy. Đây là một cảnh tượng vĩ đại của thiên nhiên.

Với những thành tựu khoa học ngày nay, con người đã có thể khám phá và tìm hiểu mặt trăng. Các phi thuyền và vệ tinh đã được phóng lên, chấm dứt câu hát “*các em thích cười, muốn lên cung trăng, cứ hỏi chị Hằng, cho mượn cái thang*”. Ngày 20/07/1969, Neil Amstrong, người Mỹ đã đặt chân đầu tiên lên mặt trăng từ con tàu Apollo 11 cùng với E. Aldrin và M. Collins, ông đã nói: “*Đây là một bước nhỏ của con người, một bước lớn của nhân loại*”. Sau Apollo 11, chương trình còn phóng thêm 9 chuyến bay có người nữa lên mặt trăng và kết thúc với Apollo 20 vào năm 1972. Tuy vậy, dù các nhà khoa học có quan sát, đo đạc, thám hiểm, nghiên cứu, thì mặt trăng vẫn là một điều bí ẩn, một sự kỳ diệu, bởi lẽ một nhà khoa học hiện đại đã từng nói: “*Mặt trăng có lẽ thật sự không tồn tại bởi chúng ta không thể giải thích nổi nó*”.



Nguồn: assets.philenews.com

Ánh trăng huyền diệu

Ngoài danh từ thông thường là “trăng”, trăng còn được người đời gọi bằng nhiều tên khác nhau. Thi vị thì có *gương nga, bóng nga, bóng nguyệt, nguyệt thiêm*; huy hoàng đài các thì có *cung Quảng, cung Thiêm, cung Hằng, cung Quế*... Chúng ta còn tưởng tượng ra các nhân vật cư ngụ trên mặt trăng như Hằng Nga (hay chị Hằng), chú Cuội, thỏ ngọc...

Xét theo giới tính, dường như trăng thuộc nữ giới. Thế nhưng không phải hoàn toàn như vậy. Chưa bao giờ có sự nhất trí về giới tính của mặt trăng trong toàn bộ các nền văn hóa cổ đại. Xét về mặt tôn giáo cổ xưa, trăng đã từng mang giới tính nam, như người Palmyre ở Syrie từng tôn trăng là Aglibol, người Azteque (Mexico) tôn trăng là Xochiquetzal... Rồi trăng cũng mang giới tính nữ, như người Hy Lạp tôn trăng là Selene, nữ thần mặt trăng; người La Mã tôn trăng là Diane....Thâm thúy như người Trung Quốc thì trăng được xem là âm, hay nữ giới ngược với mặt trời là dương. Ở Việt Nam ta do chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán, nhiều nhà thơ nhà văn Việt Nam cũng gọi trăng là “ả nguyệt”, là “chị Hằng”. Thế nhưng văn hóa dân gian Việt Nam lại xem trăng nam giới, cho nên mới có cách gọi “ông trăng” hay “ông giăng”: Ông trăng mà lấy mụ trời/ Tháng năm ăn cưới tháng mười nọp cheo. Như vậy, theo thuật ngữ di truyền học hiện đại, đối với dân tộc này, nhiễm sắc thể của trăng là XY; đối với các dân tộc khác nhiễm sắc thể là XX!

Mặt trăng đóng vai trò quan trọng trong nhiều truyền thuyết về sự giải thoát và nó khai thác đủ loại nhân vật. Mặt trăng cũng được kể đến trong các truyện cổ dân gian, tạo nên chất thơ, bay bổng, lưu truyền các giá trị của cộng đồng. Do đó, mặt trăng từ lâu đã trở thành biểu tượng văn hóa của nhiều nước trên thế giới. Những bận tâm của con người, kể cả những bận tâm siêu hình, thì chúng cũng là những sáng tạo văn hóa. Chính những sáng tạo ấy,

những cảm nhận sơ khai ấy nhiều khi mang tính dự báo rất xa, vượt qua những sáng chế phát minh khoa học. Vì thế trước khi con người đặt chân lên mặt trăng, từ xa xưa người Việt đã chiếm lĩnh chị Hằng bằng cách dặt lên đó hình ảnh “chú cuội ngồi gốc cây đa” và từ đấy mặt trăng trở thành biểu tượng văn hóa Việt, mà ngày nay cứ mỗi mùa Trung thu đến, dưới ánh trăng vàng vạc các cháu quây quần bên các cụ già nghe chuyện chú cuội và thả tiếp lên đó những ước mơ thơ ngây của trẻ và cùng nhau vui vẻ phá cỗ rước đèn, in đậm trong tâm trí tuổi thơ những hình ảnh thân thương, triu mến và lòng mong mỏi Trung thu lại về. Cùng với chú cuội trên trăng thì hình ảnh thỏ trắng dưới trăng cũng trở thành biểu tượng thiêng liêng của Tết Trung thu ở nhiều dân tộc trên thế giới. Nguồn gốc về Tết Trung thu xuất phát từ Trung Quốc. Theo lịch pháp cổ đại Trung Quốc thì tháng 8 âm lịch ở vào giữa mùa thu nên được gọi là “tháng trọng thu”. Ngày rằm tháng 8 là ở giữa trọng thu vì thế gọi là *Trung thu tiết* hay *trọng thu tiết*. Vào đêm Trung thu, ánh trăng đêm rực rỡ hơn các ngày thường nên nó còn được gọi là *đêm trăng*.

Nâng chén mời trăng

Ánh sáng thơ mộng và huyền diệu của mặt trăng luôn lấp lánh trong văn học nghệ thuật. Đã có nhiều bức họa bất tử, những vần thơ trác tuyệt về trăng. Không phải ngẫu nhiên, tiền nhân đã viết “*Trăng là vú mộng của muôn đời thi sĩ*”. Câu nói ấy quả thật đã ứng vào những ai trót ôm mộng văn chương. Có lẽ bởi thế nên chị Hằng đã quyến rũ bao khách văn chương để trong thơ ca cổ kim đông tây luôn rười rượi ánh trăng. Từ những nhà thơ nổi tiếng nhất của Trung Quốc như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, Trương Bí... đến những cây đại thụ của thi ca Nhật Bản như Myoe, Basho... không ai lại không xao xuyến trước vẻ đẹp của nàng trăng. Trăng và thơ đi liền với nhau trong thi tứ như nhiều nhà thơ cảm xúc: “*Đa tình chỉ hữu xuân*

đỉnh nguyệt/ Do vị ly nhân chiếu lạc hoa" (Trương Bí), (Sân xuân trăng cũng đa tình/ Vì người ly biệt rọi cành hoa rơi).

Trong lịch sử thơ ca cổ kim đông tây hiếm có nhà thơ nào suốt đời chỉ trung thành với một nguồn thi hứng, nhưng ở xứ sở hoa anh đào có một nhà thơ đã trọn đời chung thủy với chị Hằng, đó là thi sĩ - thiển sư Myoe. Thơ của Myoe luôn tràn ngập ánh trăng. Là thi sĩ của ánh trăng, ông đắm mình trong thứ ánh sáng huyền diệu: *"Tâm tôi rạng ngời/ Ánh sáng tinh khôi/ Mà trăng cứ ngỡ/ Đây là ánh sáng/ Của mình trăng thôi"* (Nhật Chiêu dịch). Có thể thấy dòng thơ trăng của ông thanh thoát, điệu kỳ, như tiếng kêu ngậy thơ tự nhiên bật ra khỏi tâm hồn, như sự hứng khởi tuôn trào không mục đích. Nhìn trăng, ông trở nên trăng, và trăng cũng chính là ông khi nó là đối tượng được ngắm nhìn. Ông chìm vào thiên nhiên, và ông trở thành một cùng nhiên giới. Ánh sáng từ trái tim trong sáng của vị thiển sư đang thiển định từ nửa đêm đến gần rạng sáng đã trở thành ánh trăng. Ánh trăng đã trở thành bạn đồng hành, nó chính là tâm của vị thiển sư, một ánh trăng đã từ sau làn mây tỏa sáng rồi chìm vào bầu trời tôn giáo và triết học, vĩnh viễn, ánh trăng và thiển sư đã lan tỏa vào nhau trong một hòa điệu tuyệt vời.

Khác với trăng sáng tự tâm của thiển sư Myoe, trăng trong thơ của "thi tiên" Lý Bạch thấm đẫm phong cách lãng mạn, trữ tình, phong thái siêu trần. Lý Bạch (701-762), tự Thái Bạch, được đánh giá là một trong những ngôi sao chói lọi nhất của thi ca thời Đường. Trong thơ của mình, Lý Bạch thường bày tỏ sự thán phục trước khả năng tuyệt vời của tạo hóa, bộc bạch tình yêu đối với non sông đất nước và nỗi buồn sâu thẳm trong tim. Hầu hết các bài thơ của ông miêu tả con người như những cá nhân lạc lõng, cô đơn và khao khát kết nối với thiên thượng. Năm 25 tuổi, ông lên núi Nga My múa kiếm, ẩn cư, ngắm trăng, uống rượu, đã sáng tác bài thơ nổi tiếng nhất của ông - "Tĩnh dạ tư" - trong một đêm thanh tĩnh, trăng sáng, sương trong, đối với người lữ thứ cô đơn nơi đất khách thì ánh trăng đó càng làm tăng thêm sự trống trải, khiến con người dễ nhớ quê, nhớ người thân thuộc: *"Sàng tiền minh nguyệt quang/ Nghi thị địa thượng sương/ Cử đầu vọng minh nguyệt/ Đề đầu tư cố hương"* (Trước giường trăng minh mang/ Ngõ sương móc rơi tràn/ Ngẩng đầu nhìn trăng sáng/ Cúi đầu nhớ cố hương). Ngoài ra, Lý Bạch còn nổi tiếng với những bài thơ viết về trăng và rượu, như bài: *"Nguyệt hạ độc chúc"* (Một mình uống rượu dưới trăng). Trăng đã có ảnh hưởng nhất định với cuộc đời của nhà thơ tài hoa này. Tục truyền rằng có một đêm, khi Lý Bạch đang say sưa trên bờ sông Thái Thạch, huyện Đan Hồ, tỉnh An Huy, ông nhìn thấy trăng ở dưới đáy nước đẹp quá, liền nhảy xuống với ý định vớt trăng lên, nhưng chết đuối. Tại nơi đó, về sau người ta xây một cái đài, đặt tên là Tróc Nguyệt Đài (Đài Bắt Trăng). Cũng có bằng chứng cho rằng, Lý Bạch đã tự tử. Chuyện ông nhảy xuống ôm trăng có phần nào thêu dệt, nhưng chính vì thế làm cho thơ ông thêm phần thơ mộng, lãng mạn và nổi tiếng hơn.

Một tình yêu mãnh liệt dành cho trăng trong thi ca, không kém so với "thi tiên" Lý Bạch, đó là những ánh trăng "lạ", đầy tính cuồng si trong thơ của Hàn Mặc Tử. Ông yêu trăng đến độ "say trăng": *"Ở trên kia có một người/ Ngồi bên sông Ngân dệt lụa chơi"*. Ông thích trăng đến độ "rượt trăng": *"Ha ha ta đuổi theo trăng/ Ta đuổi theo trăng/ Trăng bay là tả ngã trên cành vàng"*. Ông cuồng si trăng đến mức thấy, *"trăng nằm sóng soài trên cánh liễu/ Đợi gió đông về để lả lơi"*. Ông "tương tư" trăng: *"Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ Có chờ trăng về kịp tối nay"*. Có lẽ, ông yêu trăng trong tuyệt vọng vì không làm chủ được mặt trăng, ông bèn nói lời "cay đắng": *"Ai mua trăng tôi bán trăng cho/ Không bán đoàn viên ước hẹn hò"*. Những người từng sinh ra và lớn lên trên quê hương này trong khoảng một trăm năm lại đây, ai mà không biết đến "lời rao trăng" nổi tiếng ấy của ông. Rao bán trăng, thật bất ngờ, song không hề vô lý. Vì trăng là của chung cũng là của riêng của mỗi người. Rao bán trăng để ngân nga lên tiếng lòng thủy chung với cái tình, cái nghĩa. Nhưng ông chợt tỉnh cơn mê với "người tình trăng" của mình: *"Không, Không, Không! Tôi chẳng bán hồn trăng/ Tôi giả đồ chơi anh tưởng rằng/ Tôi nói thiệt là anh đại quá: Trăng vàng trăng ngọc bán sao đang"*. Hơn thế nữa, ông còn trân quý, nâng niu tôn trọng "người tình" của mình bằng cách: *"Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi/ Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi/ Trăng mới là trăng của rạng ngời"*. Cả bài thơ *"Trăng vàng trăng ngọc"* này của ông là ân sâu, là nghĩa nặng với trăng, là sự tôn thờ, cầu nguyện cho trăng [5]. Yêu trăng như ông quả là cuồng si tột độ. Như đó là cuồng si của tài hoa và trí tuệ, là "điên tình" mê man bất tuyệt trong sự hết mình, tận lòng, tận tâm với tình đời, tình người. Thật đáng trân trọng.

Không chỉ riêng Hàn Mặc Tử, các thi sĩ Việt khác, cũng dành cho trăng một địa vị trang trọng trong thơ, từ ánh trăng trong ca dao: *"Hỡi cô tát nước bên đàng/ Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi"* đến câu thơ tuyệt tác của Nguyễn Trãi *"Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén/ Ngày vắng xem hoa bả cây"* hay *"Chà mai đêm nguyệt dậy xem bóng/ Phiến sách ngày xuân ngồi chấm câu"*, đến ánh trăng mùa hè của Nguyễn Du *"Dưới trăng quỳên đã gọi hè / Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông"*. Ta cũng khó lòng quên được Lưu Trọng Lư cho nghe tiếng *"trăng mờ thốn thức"*, để rồi biết đau lòng thông cảm cùng chinh phụ khi *"vắng trăng ai xẻ làm đôi..."*. Đặc biệt là vắng trăng sáng viên mãn, lồng lộng nguyệt trong thơ Hồ Chí Minh: *"Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên. Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền"*, đã tràn ngập ánh sáng trăng của đêm rằm trong khung cảnh của núi rừng Việt Bắc. Trăng ở đây không còn là thi liệu nữa, mà đã trở thành người bạn tri âm tri kỷ của nhà thơ. Đó cũng chính là sức sống của trăng và trí tuệ mẫn tiệp của người ngắm trăng với tâm hồn thi nhân, cảm xúc thi sĩ, chan chứa tình yêu thương, hướng về cái Đẹp, biểu hiện sự khúc xạ tâm hồn của con người với thiên nhiên bao la rộng lớn.

Vầng trăng trong nước

Nếu các nghệ nhân thi sĩ mượn trăng để diễn tả cái diễm lệ của cảnh vật hiện tượng, thì các triết nhân hiền sĩ nhờ trăng nói hộ cái thật và ảo của nhân sinh. Trong văn chương Nhật Bản có ba thứ: Hoa, Tuyết và Nguyệt đồng nghĩa cho cái đẹp, được thường xuyên vẽ, viết trên các bức thư pháp treo ở các trà thất. Nhà văn Kawabata có tập truyện ngắn tiêu biểu, mang dấu ấn của người đoạt giải Nobel Văn học này mang tên là Suigetsu, được dịch sang tiếng Anh là *"The Moon on the Water"* (*Bóng trăng trong nước*). Câu chuyện kể về các mối suy tư đến phẩm chất của cái chết và vẻ đẹp của cuộc sống phù du. Tương tự, huyền thoại Phù Tang kể rằng ngày xưa có một cô bé tên là Kaguya - hime (nàng ánh trăng) sinh ra từ một bụi trúc. Cô lớn lên thành một giai nhân. Nhưng cô từ chối mọi lời cầu hôn, kể cả của Thiên hoàng. Rồi một đêm trăng sáng cô trở về quê hương mình là mặt trăng. Ý nghĩa về với mặt trăng là quay về sống với chân tâm thường trú bản tánh tịnh minh vốn có của mình, đó chính là quê hương. Chân tâm ấy đều bình đẳng ở tất cả chúng sanh. Không hề có sự phân biệt giữa người cao kẻ thấp.

Lại nhớ đến Hasegawa Tohaku (1539-1610), một họa sĩ thiền sư người Nhật Bản, chuyên vẽ tranh về Phật, vẽ nhiều về khi, vượn, liên quan đến đề tài thiền và được coi là bậc thầy vĩ đại về tranh thủy mặc. Bức tranh thủy mặc "Vượn vớt trăng", được họa sĩ thiền sư Hasegawa Tohaku vẽ từ hơn 500 năm trước. Theo các nhà phê bình mỹ thuật, với những nét bút phóng khoáng tối giản, những mảng đen trắng nhiều khoảng trống đặc trưng trong tranh thủy mặc, vị Thiền sư đã miêu tả sinh động một chú vượn ngồi nghịch lăm tưởng bóng trăng dưới mặt hồ là vầng trăng thật, nên cố vươn mình để vớt. Và dĩ nhiên chú vượn đã thất bại. Bức tranh của họa sĩ mặc dù được người đời cho là tuyệt tác, nhưng lại không sinh ra chỉ để "vị nghệ thuật", mà trước hết và đơn giản nó phải làm nhiệm vụ là phương tiện cho ngài truyền bá Phật pháp tới các đệ tử, giúp cho họ quán chiếu những nghĩa lý sâu xa về thiền, về lời Phật dạy: Hãy sống bằng thực tại, đừng đắm lăm và ảo tưởng về những điều không có thật, những điều không thuộc về thực lực của mình, đó là mê chấp ảo vọng! [4]. Thuật ngữ "bóng trăng trong nước" như là một mệnh đề quen thuộc trong ngôn ngữ Phật giáo, dùng để chỉ "một thứ gì đó không có thực thể".

Do đó, hình ảnh vầng trăng trong nước có lẽ là hình ảnh đẹp nhất của cõi nhân gian này. Đẹp là vì nó nửa hư - nửa thực, vì là dù khi nước bị khuấy động thì ánh trăng sẽ tan biến, nhưng điều đó không có nghĩa là trăng đã mất. Mỗi giọt mưa dù rất nhỏ nhưng nó vẫn phản ánh một vầng trăng. Trăng thì chỉ có một nhưng chiếu xuống biết bao nhiêu là bóng. Ở đâu có nước là ở đó có trăng: *"thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt"*. Ở cõi nhân sinh cũng vậy, đôi lúc chợt tỉnh ngộ, trở về sống chân tâm nhưng rồi lại bị vọng tâm lôi kéo, ấy thế chứ đâu phải chân tâm lại không còn. Khi nào hết động

nước trong thì lúc đó ánh trăng lại hiện lên. Chỉ tùy thuộc vào nước trong hay đục thì trăng sẽ tỏ hay mờ mà thôi: *Vỡ tan bóng hình/ Vầng trăng trong nước/ Vẫn còn nguyên sơ* (Chô shu). Trong kinh *Samyutta Nikaya*, Đức Phật có dạy: *"người ta nói trăng khuyết trăng đầy, nhưng trăng vẫn nguyên sơ, không hề tăng, không hề giảm"*.

Trăng không phải là của ai cả nhưng là của tất cả mọi người. Với tính chất thực hư, sắc không, lúc đầy lúc khuyết, lung linh huyền ảo dưới đáy nước trong... trăng được khoác lên một chiếc áo mới trong tư duy triết học đó là hình ảnh biểu hiện của bản tâm con người. Trong *Nguyệt dụ kinh*, Đức Thế Tôn nói như thế này: *"Ta hãy học theo vầng trăng. Trăng không hề vương mắc điều chi. Trăng có không gian vô tận, nên trăng tuyệt đẹp và thông dong"*. Hình tượng "ngón tay chỉ trăng" trong triết học Phật giáo đã trở thành một ẩn dụ kinh điển để nói lên mối quan hệ biện chứng giữa *phương tiện* và *mục đích* (ngón tay và mặt trăng) - hai vấn đề rất cơ bản trong cuộc sống con người. Con người cần dựa vào một phương tiện để đi đến một mục đích. Và mục đích bao giờ cũng là kết quả của việc dựa trên một phương tiện nào đó. Thế nhưng một khi đã nhầm lẫn, cái đóng vai trò phương tiện thường được hiểu là mục đích còn cái lẽ ra là mục đích lại nghiễm nhiên trở thành phương tiện. Sự lộn ngược này thường bám riết cuộc đời con người, đẩy họ đi từ ngộ nhận này đến ngộ nhận khác.

Trăng còn ý nghĩa hơn cả tri âm, một mối lương duyên bền chặt với con người. Trăng hòa đồng cùng cuộc sống của nhân sinh, Trăng vật vờ theo nhịp tát nước của nông phu ngoài đồng ruộng, Trăng nô nức theo chân bọn trẻ lên mười mắt sáng môi trong, miệng ngân nga khúc đồng dao mỗi dịp Tết Trung thu tràn về, trăng hào hùng theo hồn thiêng sông nước, trăng lãng du theo tiếng nhạc lời ca, trăng tỉnh thức vén màn đêm u tối, trăng trầm tư cùng với kiếp con người... Thật vậy, ở đời nếu không có sách, không trăng, không hoa, thì còn gì là ý nghĩa. Không sách, người ta sẽ trở nên ngu muội. Không trăng, người ta đâm ra cứng nhắc. Không hoa, người ta hóa thành thô tục. Thơ vì thế mà kém hay. Trà vì thế mà bớt vị. Rượu vì thế mà không nồng. Cuộc vui vì thế hóa ra nhạt nhẽo, chán chường, vô vị. Cho nên, trăng vì thế mà tô điểm cho vẻ đẹp của trời; hoa tô điểm cho vẻ đẹp của đất; sách tô điểm cho vẻ hoàn thiện của con người là vậy! ■

Tài liệu tham khảo:

1. Rosemary Ellen Guiley, Phạm Minh Thảo (dịch), 2001, *Toàn cảnh mặt trăng*, Nxb Văn Hóa Thông Tin - Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Nam, 2017, *Uống trà cùng Trăng*, Nxb Trẻ.
3. Genn Boardman Petersen, Lan Huệ dịch, 2008, *Trăng trong nước: Huyền thoại và Truyền thống*, www.dactrung.com.
4. Trần Hùng, 2016, *Vớt trăng*, www.tienphong.com.vn.
5. Nguyễn Thị Phương Thủy, 2012, *Phân tích bài thơ "Trăng vàng trăng ngọc" (trong tập "Đau thương") của Hàn Mặc Tử từ góc độ ngôn ngữ học*, quyetnguyenblog.blogspot.com.

CHÙA DƯỢC SƯ

(Quận Bình Tân - TP.HCM)

NGUYỄN BÔNG



HT thượng Tỳ hạ Phước, chứng minh



Đại diện đạo tràng chùa Dược Sư đọc lời tác bạch

Được sự tạo duyên từ Ni sư TN Như Trí, Trưởng ban Hỗ trợ thông tin Tạp chí *Tinh Hoa Đất Việt*, chúng tôi đến tham dự Đại lễ Vu-lan vào sáng ngày 20 tháng 7 năm Đinh Dậu (10/9/2017) tại chùa Dược Sư ở Q.Bình Tân, TP.HCM.

Quang lâm chứng minh đại lễ: Đại lão Hòa thượng thượng Tỳ hạ Phước, Thượng tọa Thích Thiện Ngọc, Thượng tọa Thích Thiện Hải, Đại đức Thích Niệm Công, Trưởng ban Hoằng pháp H.Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Ni sư TN Như Trí, Giảng sư Ban Hoằng pháp GHPGVN TP.HCM, Ủy viên Từ thiện Báo *Giác Ngộ*, Trụ trì chùa Hòa Quang; Ni sư TN Như Hội, Phó ban Trị sự GHPGVN H.Trảng Bom, Trụ trì chùa Phổ Hiền (Đồng Nai) cùng với sự quang lâm của chư tôn thiền đức Tăng Ni tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phật Quang tự và chư Tăng Ni trú xứ các chùa, am, thất trong quận Bình Tân. Tham dự lễ còn có sự hiện diện của quý vị khách quý trong địa phương, các



Chư tôn đức Tăng Ni chứng minh và chứng dự Đại lễ Vu-lan chùa Dược Sư, Q.Bình Tân

báo: *Văn Hóa Phật Giáo*, *Tinh hoa Đất Việt*, *Nhân Đạo*... và đông đảo Phật tử.

Buổi lễ diễn ra trong không khí trang nghiêm, thâm tình đạo vị, dưới sự dẫn dắt linh hoạt của MC Nguyễn Minh và thầy Như Phát.

Sau phần văn nghệ chào mừng của đoàn ca sĩ Thống Nhất – Minh Thông, đại diện Phật tử bốn tự đọc lời tác bạch, sau đó chuyển sang phần cài hoa hồng vàng lên áo chư tôn đức và hoa hồng trắng hoặc hồng cài lên áo của toàn thể đạo tràng Phật tử đại chúng. Kế đến, Phật tử tiến hành lễ Dâng Y và cúng dường phẩm vật và tịnh tài lên chư tôn thiền đức Tăng Ni tham dự lễ... Vào buổi chiều, chùa phát trên trăm phần quà cho bà con khiếm thị và khuyết tật. Đại lễ hoàn mãn, trong niềm hoan hỷ của chư tôn thiền đức Tăng Ni và sự vui vẻ, thân tâm an lạc của nam nữ Phật tử đã thực hành hạnh hiếu trong ngày Đại lễ Vu-lan.

Chùa Dược Sư với những hoạt động "tốt đời đẹp đạo" đã được Sư cô TN Như Hoa, Trụ trì và Sư cô TN Như Huệ, Phó trụ trì, đã tiếp thu từ hạnh lành cao quý

của sư phụ mình là Ni sư TN Như Trí, quý Ni đã quan tâm công tác từ thiện theo lời dạy của Tổ Thầy: "*Phụng sự chúng sanh tức là cúng dường chư Phật*" thực hiện việc chăm sóc, san sẻ yêu thương đến với những người cơ nhỡ, bất hạnh, bệnh tật, các gia đình nghèo khó khăn, khi gặp hiếu sự cũng như chăm lo sức khỏe của đại chúng. Thể hiện qua việc:

- *Lập Hội Từ thiện: Hội Từ bi chùa Dược Sư* ra đời vào ngày 19/9 Bính Thân (19/10/2016) hoạt động với mục đích đáp ứng một phần về nhu cầu tinh thần lẫn vật chất cho tất cả mọi người dân nghèo (không riêng gì tín đồ Phật giáo), trên tinh thần tương ái, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau khi gia đình có hiếu sự... Hội hoạt động trên tinh thần tự nguyện *từ bi hỷ xả*; nhằm mục đích từ thiện xã hội giúp người, giúp đời không vụ lợi, ví như hội viên chỉ đóng nguyệt liễm mỗi tháng 50.000đ và thêm 50.000đ nữa khi có hội viên qua đời sẽ được mua hòm chôn cất... Và đến ngày 20/12 ÂL có cuộc họp tổng kết hoạt động trong một năm của BCH với các hội viên để nghe BCH báo cáo hoạt động và công khai tài chính. Hiện nay hoạt động của *Hội Từ bi* rất có hiệu



Ni sư thượng Như hạ Trí và Đại đức Thích Niệm Công tặng quà cho bà con nghèo



Sư cô TN Như Hoa, Trụ trì cùng đạo tràng và các mạnh thường quân trong Ban Từ thiện xã hội chùa Dược Sư, Q.Bình Tân

quả đã thiết thực chăm lo cho các hội viên và giúp đỡ những trường hợp khó khăn của bà con nghèo có hiếu sự.

- *Tổ chức khám bệnh, phát thuốc miễn phí:* Hội Đồng y quận Bình Tân (gồm có quý vị lương y: Vũ Đặng Thái, Nguyễn Phúc Hưng, Thầy Thích Minh Huệ, Nguyễn Văn Tân, Phạm Văn Đình, Bùi Đức Hưng, Nguyễn Phi Dũng, Nguyễn Trí Phiêu, Nguyễn Văn Thái và Huỳnh Công Quý, v.v...) đã kết hợp với quý Sư cô TN Như Hoa, Trụ trì chùa Dược Sư và Sư cô TN Như Huệ, Phó trụ trì, tổ chức đều đặn tại chùa: Khám và phát thuốc Nam miễn phí. Lịch hàng tháng như sau: Ngày thứ Năm và Chủ nhật hàng tuần: từ 8 giờ đến 11 giờ chiều, khám và ngày thứ Tư và thứ Sáu: Khám, phát thuốc Nam miễn phí. Thời gian qua các bệnh nhân nghèo trong địa phương đến khám rất đông, tổ chức thiết thực mang niềm vui đến cho mọi nhà...

- *Phát cơm từ thiện:* Vào buổi trưa các ngày 14 và 30 ÂL hàng tháng, chùa tổ chức phát cơm rộng rãi cho bà con lao

động nghèo, các cụ già neo đơn và các cháu gia đình khó khăn...

Chia tay chùa Dược Sư và quý chư Ni, lòng tôi thấy cảm giác vui tươi có phần ấm áp lạ; vì đã tìm ra được địa chỉ để trong công tác hoạt động từ thiện. Đây là nơi dựa nương cho các cụ già neo đơn, các gia đình khó khăn khi hữu sự... và bản thân mình cảm thấy có trách nhiệm tham gia đóng nguyệt liêm cùng Hội Từ bi để góp phần hoạt động của Hội và biết đâu mình có lúc cũng phải nương nhờ!

Mọi liên lạc xin vui lòng liên hệ:

Chùa Dược Sư, số 124/4 đường Liên Khu 4-5, KP 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM.
Gặp Sư cô TN Như Hoa, Trụ trì,
ĐT: 0969 418 118 hoặc
Sư cô TN Như Huệ, Phó trụ trì,
ĐT: 0908 389 955, 0914 519 639



Sư cô TN Như Huệ, Phó trụ trì chùa Dược Sư quận Bình Tân, tặng quà và hướng dẫn người khiếm thị ra xe đi về



Sư cô TN Như Huệ, cùng Phật tử thiện nguyện làm cơm chay từ thiện để phát cho bà con nghèo



Tập thể Lương y phòng thuốc từ thiện chùa Dược Sư dự Đại lễ Vu-lan báo hiếu



Quý vị Lương y đang chẩn trị cho bệnh nhân nghèo tại chùa



Lương y Nguyễn Văn Thái đang châm cứu cho bệnh nhân nghèo tại chùa



Thư Ngỏ

Phát tâm cúng dường xây dựng Tịnh Viện Pháp Hạnh

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch chư Tôn Thiển Đức Tăng, Ni!

Kính thưa quý thiện nam, tín nữ Phật tử gần xa!

Tịnh Viện Pháp Hạnh tọa lạc tại ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi quy hướng tâm linh của bà con Phật tử khắp nơi quay về nương tựa Tam Bảo, tìm về nẻo chánh, mong cầu sự an lạc và giải thoát khổ đau. Ngôi Tịnh Viện đã xây dựng hơn 5 năm nay, với diện tích gần 1200m², chỉ có chánh điện tạm, chưa có những công trình phụ, qua thời gian đã xuống cấp nặng nề, nhất là vào những ngày mưa gió nước chảy từ những tấm tôn mục xuống chánh điện làm ảnh hưởng đến thời khóa tu tập.

Do đó, Tịnh viện đang nâng cấp chánh điện, xây dựng nhà bếp, Tăng xá và khu vực vệ sinh với tổng kinh phí là hơn 3 tỷ đồng. Số tiền này quá lớn đối với bốn tự chúng con. Chúng con kêu gọi sự phát tâm hùn phước cúng dường của quý Phật tử và các nhà hảo tâm.

Tổ xưa có câu:

"Xây chùa - Tạo tượng - Đúc chuông"

Cả ba việc ấy Thập phương nên làm"

Với bốn phận làm đệ tử Phật chúng con phải có trách nhiệm duy trì và phát huy Tam Bảo. Vì vậy dù tài hèn đức mọn, chúng con cũng cố gắng dùng hết Tâm lực và Đạo lực của mình để xây dựng Ngôi Tam Bảo được trang nghiêm, tạo thuận duyên giúp cho Phật Tử về tu tập để hoàn thành sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh.

Thuở xưa, trường giả Cấp Cô Độc đã từng phát tâm cúng cả một khu rừng, thậm chí dát vàng trên đất để cúng dường Phật pháp. Tâm hạnh ấy như một vì sao sáng được lưu dấu cho đến ngày nay. Phước ấy, đức ấy luôn được người người kính ngưỡng, ghi nhận. Nhờ việc làm ý nghĩa ấy, mà đã có biết bao mùa mưa, đức Phật cùng chư Tăng đã an cư tu tập trên mảnh đất lành ấy, đã có biết bao thời pháp, đã có biết bao con người giác ngộ được nỗi khổ niềm đau từ các bài pháp thoại được đức Phật thuyết giảng trên mảnh đất này.

Một đức Phật ra đời, đau khổ liền nhẹ với
Một già lam xuất hiện, ấm lòng biết bao người.

Với lợi ích vô cùng thiết thực ấy, kính mong quý Phật tử hoan hỷ đồng tâm cầu nguyện và trợ duyên tài lực để Phật sự sớm thành tựu viên mãn.

Kính chúc quý vị hạnh phúc trong tư gia, thành công trong cuộc sống. Mỗi ngày là những người Phật tử chân chính, tỏa sáng như những viên ngọc quý làm rạng ngời ngôi nhà Chánh pháp của Như Lai.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma-ha-tát

Pháp Hạnh, ngày 09 tháng 09 năm 2017

TM. Bốn Tự

Tỳ Kheo. Thích Chí Giác Thông

Mọi Chi Tiết Phát Tâm Cúng Dường Xin Quý Vị Hoan Hỷ Liên Hệ:
TỊNH VIỆN PHÁP HẠNH

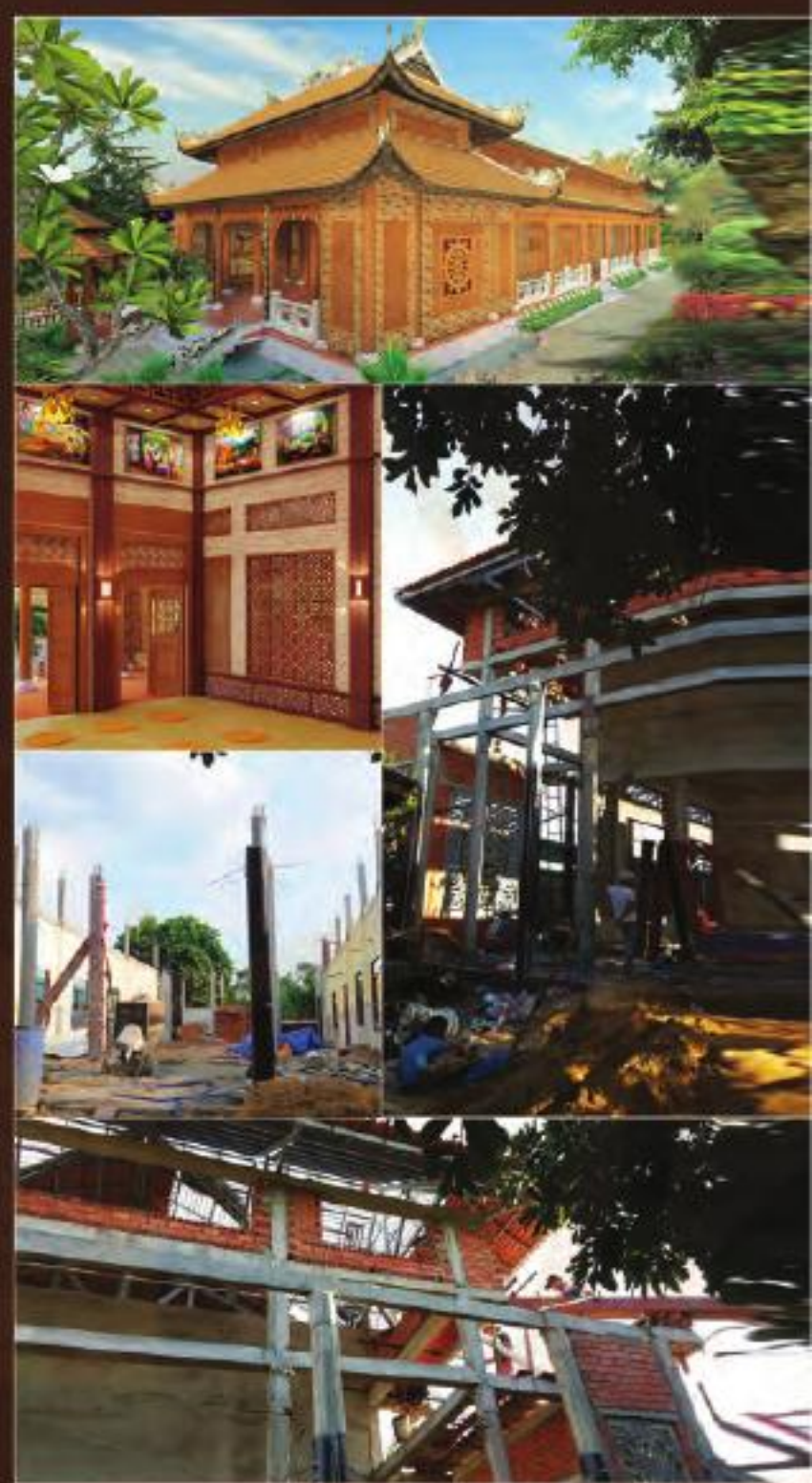
Địa chỉ: 14/3 Đường 93, ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung,
huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0939.333.664 (gặp Thầy Chí Giác Thông)

Hoặc chuyển khoản cho Thầy Thích Chí Giác Thông

* Số tài khoản: 97981289 - Chủ tài khoản: Trần Thanh Vũ

* Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh.





Xin mở rộng từ tâm giúp đỡ Sư cô Từ Thanh!

Sư cô: TN. Từ Thanh (thế danh: Đoàn Hoa Niệm) xuất gia từ năm 20 tuổi. Sau 11 năm tu học, hiện nay đang bị căn bệnh THALASSEMIA (bệnh tan huyết bẩm sinh) vẫn không hề thuyên giảm và ngày càng có chiều hướng tăng; do chưa có đủ khả năng tài chính để điều trị. Sư cô đang nằm tại Bệnh viện Huyết học và Truyền máu TP.Cần Thơ. Hoàn cảnh gia đình và chùa quá khó khăn không đáp ứng được...

Kính mong quý Phật tử và các nhà hảo tâm mở rộng từ tâm hỗ trợ tịnh tài để giúp đỡ việc điều trị cho Sư cô Từ Thanh cùng với là lời động viên, an ủi là sự sẻ chia vô cùng cần thiết và đáng quý.

Mọi đóng góp xin hoan hỷ liên hệ: Sư cô Thích nữ Từ Thanh (Đoàn Hoa Niệm),
ĐT: 0939.793.067, phòng số 7, Bệnh viện Huyết học và Truyền máu TP.Cần Thơ.
Hoặc ĐĐ.Thích Phước Tịnh, ĐT: 0919.504883

TRÀ DÂY THIÊN NHIÊN CAO CẤP

- Hỗ trợ và điều trị viêm loét dạ dày
- Đặc trị đau dạ dày do virus HP
- Nóng trong người, mất gan giải độc, giảm đau hiệu quả
- Hỗ trợ ăn ngon miệng, ngủ ngon giấc, tiêu hóa tốt
- Đặc Biệt: Tốt cho người lớn tuổi, người uống rượu bia nhiều

Công ty TNHH PTTM&DV MINH KHOA
149/4 Bình Quới, Phường 28,
Quận Bình Thạnh, HCM
www.tradyminhkhoa.vn

0917.17.19.48
0961.61.95.99

Thành phần:
100% từ búp trà và lá trà dây thiên nhiên

Cách sử dụng:
Pha 25gr với 2 lít nước sôi sau 3-5 phút. Uống nóng ngon hơn và dùng thay nước hằng ngày

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

- Không dùng cho người huyết áp thấp
- Uống liên tục 3 tháng để trị dứt điểm bệnh dạ dày

HSD: 12 tháng - Ngày SX:

pháp uyển

DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08.35 035 579 - 08.36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

- ☐ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- ☐ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghe Candle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

Du Lịch Phật Giáo

DU LỊCH PHẬT GIÁO

Liên hệ: 02866 810 113 - 0963 339 571 (gặp Pháp Tâm) - 0972 090 977 - 0975 280 504 (gặp Sang)

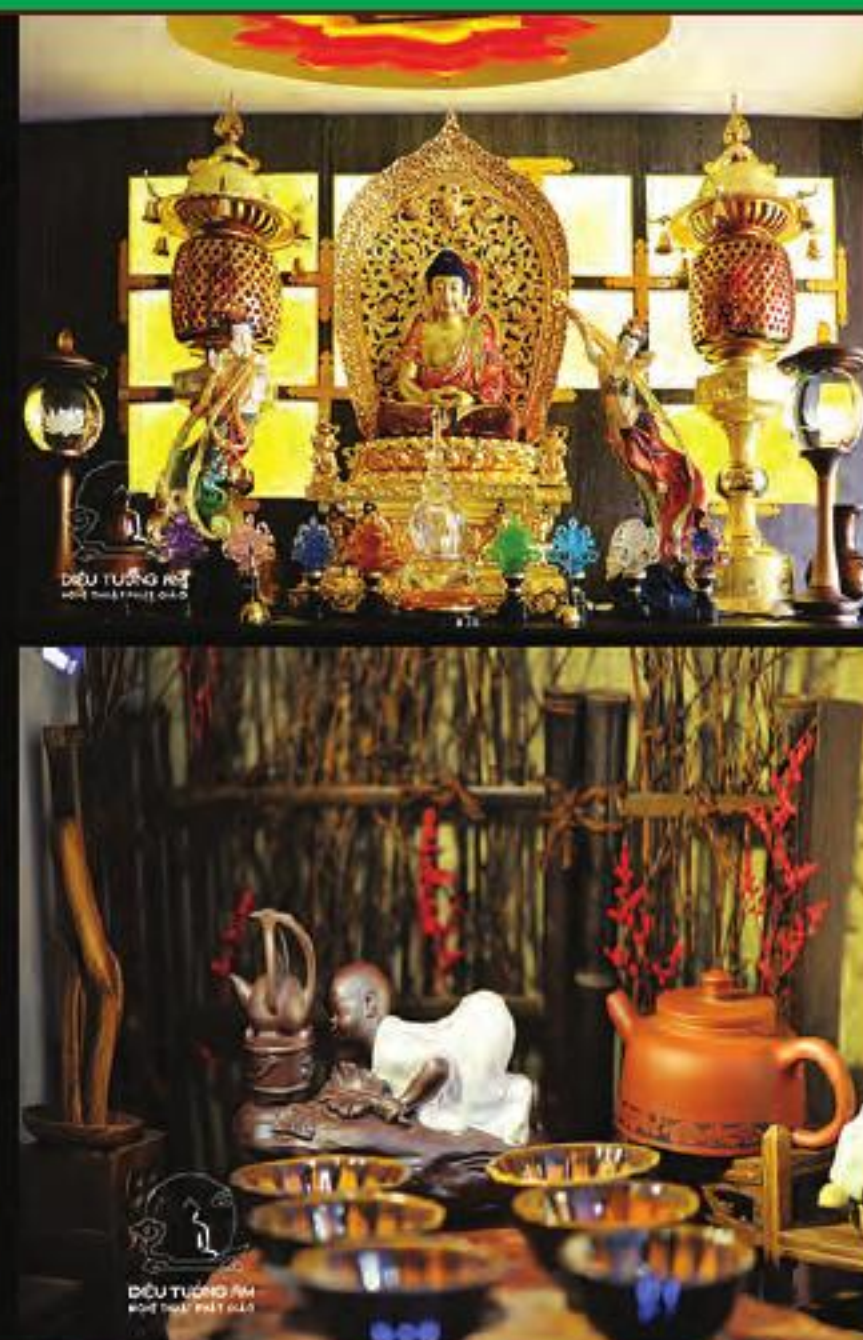
Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichphatgiaovn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 30tr500 - Hỗ trợ Quý Tăng Ni 24tr500 (16 N) (Delhi - Tứ Động Tâm - Tiểu Tây Tạng - Thủ Đô Kathmandu)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr500 (6N5Đ)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Cao Hùng: 10tr500 (5N4Đ) (Cao Hùng - Phật Quang Sơn)
- ✓ Hongkong - Thẩm Quyển - Quảng Châu: 13tr790 (5N4Đ)

- ✓ Myanmar: 10tr900 (5N4Đ)
- ✓ Campuchia - Thái Lan: 4tr600 (7N6Đ)
- ✓ Cam - Thái - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc: 13tr500 (5N4Đ)
- ✓ Nhật Bản: 27tr500 (5N4Đ)
- ✓ Bhutan: 42tr500 (7N6Đ)

LUÔN CÓ GIÁ ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRĂNG PHẬT TỬ

TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT PHÒNG THỜ KHÔNG GIAN THIỀN TRÀ



HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663



DIÊU TƯỜNG ÂM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

HỒ CHÍ MINH:

- NAM KỶ 1: 382B NKKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 2: 382D NKKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 3: 382G NKKK, P.8, Q.3, TP. HCM

- VIỆN DUNG ĐƯỜNG:
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM
- 3 THÁNG 2: 212 BÀ THẮNG 2, P.12, Q.10, TP. HCM

HÀ NỘI:

112 PHỐ HUẾ, P. NGÕ THỈ NHẬM,
Q. HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI



Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**
Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979



CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

*Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết
Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.*

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP. Biên Hòa - Đồng Nai
Văn phòng công ty: 363B đường Ông nước Thô, khu phố Tân An,
phường Tân Đông, thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

SGPK[®]

A Brand Of Excellence

**CÔNG TY TNHH
SÀI GÒN PHÚ KIM**

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,
P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

- **Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng:** 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- **Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm:** 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- **Singapore - Malaysia - Indonesia:** 6N5Đ: 10,9 triệu
- **Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju:** 6N5Đ: 16,8 triệu
- **Campuchia - Thái - Myanmar - Lào:** 12N11Đ: 9 triệu
- **Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam:** 5N4Đ: 10,9 triệu
- **Thái Lan:** 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- **Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin:** 5N4Đ: 10,9 triệu
- **Xuyên Việt:** 17N17Đ: 7,5 triệu

Đặc biệt:
hỗ trợ ưu đãi cho
khách nhóm, đạo tràng.



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời

Nhà Gốm Nhật

Đặng Thị Trúc Giang

☎ 0908.62.0908 - 0908.18.28.38

🏠 04 & 6C4 - Đinh Bộ Lĩnh - Phường 24 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM
 📞 Đặng Thị Trúc Giang (Nhà gốm nhật) - Hotline: 0908.18.28.38
 📱 Nhà Gốm Nhật - Hồ Chí Minh (Fanpage)
 🌐 nhagomnhat.com 📧 nhagomnhat@gmail.com
 📞 0908.62.0908 📞 0822.536.538



Nhà Gốm Nhật

Chuyên Kinh Doanh Sĩ & Lễ :
Gốm sứ Japan, Nhang Trâm, Trà Việt
Nhật và Trang Sức Đá Quý thiên nhiên



Số 04 & 6C4 - Đinh Bộ Lĩnh - Phường 24 - Quận Bình Thạnh

ĐT: 0822.536.538 - 0908.18.28.38 - 0908.62.0908



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Kính mời đón đọc

Sách **"Đứng dậy và bước đi"** do Nxb Trẻ vừa tái bản lần thứ I. Tự truyện do chính tác giả Nguyễn Hương Dương thuật lại: Từ cô gái trẻ không may bị tai nạn đường sắt đã làm cho cướp đi đôi chân của cô... cuộc đời tưởng như chấm hết! Nhưng Hương Dương không cam chịu nghịch cảnh của số phận, sau thời gian hoang loạn nhờ tình yêu thương cha mẹ, ân sư và ánh sáng nhiệm mầu của Phật pháp soi đường cô đã nỗ lực bản thân và nay là cô trở thành Giám đốc Thư viện Sách nói dùng cho người mù và lập Quỹ Từ thiện...

Sách được bán tại các nhà sách. Nếu quý vị mua số lượng sách nhiều (sẽ có giá ưu đãi) để tặng bè bạn, người thân, xin mời liên hệ cô Hương Dương, Email: huongduongsu@gmail.com



Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 283

Phát hành ngày 15 - 10 - 2017

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Giấc mơ nhỏ

9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm

68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội

ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân

74 Quán Sứ, Hà Nội

ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tĩnh

Anh Bùi Quý Dương

Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu

Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội

ĐT: 0938071188 - 0904990666

01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm

Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB

Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)

ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý

Tuệ Tĩnh đường Hải Đức

182 Phan Bội Châu, TP.Huế

ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành

Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng

ĐT: 0905 275 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phước Đa

340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng

ĐT: 0914 018 092

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)

500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng

ĐT: 0511 387 2126

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành

Văn hóa phẩm Phật giáo

334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi

ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211

(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng

Phòng phát hành Hiến Nam

3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn

ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,

Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn

số 20 đường 23 tháng 10

TP.Nha Trang

ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,

chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8

Phan Rang, Ninh Thuận

ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,

chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu

TP.Buôn Ma Thuột

ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ

908/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt

ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ

697 Trần Phú, TP.Bà Rịa

ĐT: 0169 8267 177

(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang

102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu

Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 064 3656 415

Tịnh Thất Long Thiên

Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,

Bà Rịa - Vũng Tàu

LH: Sư cô Liên Đức.ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu

22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng

ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành

128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều

ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,

chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình

TP.Cần Thơ

ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm

145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong

TP.Mỹ Tho

ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt

TP.Mỹ Tho

ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường

135B đường 2 tháng 9, P.1

thị xã Vĩnh Long

ĐT: 070.834.653 - 070.834.654

(Chú Tư Nét)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3

ĐT: 028 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG